

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÓA 2024 - NGÀNH KINH TẾ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 767 /QĐ-ĐHQG ngày 09 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)*

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
- + Tiếng Việt: Kinh tế
- + Tiếng Anh: Economics
- Mã ngành đào tạo: 7310101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Cử nhân Kinh tế
- + Tiếng Anh: Bachelor of Arts in Economics
- Nơi đào tạo: Trường Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP.HCM

2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Ngành Kinh tế tại Trường ĐH Quốc tế đào tạo ra các chuyên kinh tế đạt được 5 mục tiêu sau:

- Hiểu rõ hơn các vấn đề về môi trường, xã hội, an ninh và kinh tế ảnh hưởng đến quyết định và đạo đức nghề nghiệp. Có phẩm chất chính trị tốt, sống và làm việc tuân theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.
- Có nền tảng các kiến thức cơ bản vững chắc về kinh tế và phân tích kinh tế lượng (và các ngành kinh doanh liên quan như tài chính, quản trị kinh doanh).
- Có khả năng vận dụng sáng tạo đổi mới các kiến thức cơ bản trong ngành để giải quyết các vấn đề trong đa dạng lĩnh vực nghề nghiệp.
- Có các kỹ năng mềm cần thiết. Có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và kỹ năng quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo).

(v) Nhận thức và hiểu rõ tầm quan trọng của việc không ngừng học tập, trau dồi bản thân và khả năng học tập lâu dài.

b. Mục tiêu cụ thể

Các mục tiêu cụ thể của chương trình bao gồm:

1. Kiến thức chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế và kỹ năng phân tích số liệu; có khả năng theo đuổi các bậc trình độ sau đại học.

2. Kỹ năng nghề nghiệp:

Có kỹ năng nghiên cứu; kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo bao gồm thu thập và phân tích số liệu, từ đó đưa ra những nhận định sâu sắc giúp tổ chức cải thiện hoạt động kinh doanh, lập kế hoạch, tư vấn; và kỹ năng quản lý hiệu quả.

3. Kỹ năng mềm:

Có kỹ năng giải quyết vấn đề, đặc biệt là các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế; có khả năng làm việc nhóm, khả năng lãnh đạo và quản lý. Có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh (ở mức thành thạo) và đạt chuẩn đầu ra của Trường Đại Học Quốc Tế - Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh.

4. Năng lực thực hành nghề nghiệp:

Có khả năng tự học hoặc tham gia các khoá bồi dưỡng để nắm bắt các kiến thức mới liên quan đến Kinh tế và Kinh tế lượng, và đủ năng lực học tiếp sau đại học và thi các chứng chỉ nghề nghiệp.

3. Thông tin tuyển sinh và kế hoạch đào tạo

a. Đối tượng tuyển sinh

Ngành Kinh tế thuộc khoa Kinh tế, Tài chính vào Kế toán tuyển sinh theo quy chế chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

- Căn cứ theo quy chế tuyển sinh THPT hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo, dự thi đủ số môn quy định trong kỳ thi tuyển sinh THPT hàng năm do Bộ Giáo dục & Đào tạo tổ chức; và đạt điểm trúng tuyển do trường ĐHQT – ĐHQG TPHCM quy định

- Các công dân nước ngoài hoặc công dân nước Việt Nam đang theo học các chương trình quốc tế được xét tuyển theo quy định của trường Đại học Quốc Tế, Đại học Quốc Gia TP HCM.

b. Hình thức tuyển sinh

Trường Đại học Quốc Tế thực hiện tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh Đại học ban hành hàng năm bởi Bộ GD&ĐT, căn cứ vào Đề án tuyển sinh hàng năm của ĐHQG-HCM và Đề án tuyển sinh của Trường ĐHQT. Trong năm 2024, Trường ĐHQT tuyển sinh theo các phương thức sau:

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT)
- Phương thức 2: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2024 của Bộ GD&ĐT
- Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng của trường THPT năm 2024 theo quy định của ĐHQG-HCM
- Phương thức 4: Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi theo quy định của ĐHQG-HCM năm 2024
- Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá Năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024
- Phương thức 6: Xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ quốc tế
- Phương thức 7: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT (phương thức này chỉ áp dụng cho các chương trình liên kết đào tạo với đối tác nước ngoài)

c. Tổ hợp môn dự tuyển:

- Phương thức 1 và 2: Khối A, A1, D1
- Phương thức 4: Toán (bắt buộc) và 1 môn tự chọn trong các môn: Vật lý, Hoá học và tiếng Anh

d. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Bảng 1: dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô đào tạo

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được trang bị những kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ cơ bản và chuyên sâu các lĩnh vực Kinh tế và Kinh tế lượng, như sau:

Bảng 2: Chuẩn đầu ra của chương trình dựa theo mục tiêu đào tạo

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	<i>Kiến thức và lập luận ngành</i>	
1.1	Năng lực kiến thức: - Nắm vững lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng để hiểu các phản ứng của phía cầu trên thị trường trước các cú sốc, và cách các cá nhân lựa chọn trước các bất định. - Hiểu rõ lý thuyết về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau, cách các doanh nghiệp hành xử trước các quy định của chính phủ về môi trường, quyền sở hữu, quan hệ với người lao động. - Biết cách sử dụng các phần mềm phổ biến để thu thập, xử lý số liệu, và áp dụng các kiến thức về thống kê, kinh tế lượng để phân tích số liệu, tìm ra những kết luận hữu ích giúp cá nhân và các tổ chức đưa ra các quyết định hợp lý hơn. - Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá những tác động của các biến chuyển trong và ngoài nước đến nền kinh tế, từng ngành, đề tư vấn cho các doanh nghiệp, cơ quan chính quyền, tổ chức trong thời đại toàn cầu hóa nhiều bất định. (PLO1)	5.0
2.	<i>Kỹ năng, thái độ cá nhân và nghề nghiệp</i>	
2.1	Kỹ năng phân tích: - Có khả năng phân tích các tác động của các cú sốc trong và ngoài nước, giúp cá nhân và tổ chức ra quyết định hợp lý trong ngắn và dài hạn. - Khả năng suy luận phản biện, kiểm tra, đánh giá các vấn đề về rủi ro và mức độ tin cậy của các dữ liệu, từ đó đưa ra các ước tính định lượng của các cú sốc đó. (PLO3)	5.0
2.2	Kỹ năng nghiên cứu: - Khả năng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực Kinh tế và Kinh tế lượng.	4.0

	- Khả năng nghiên cứu các quy định của chính quyền các cấp, của các tổ chức quốc tế để đề ra phương án tối ưu cho doanh nghiệp, cơ quan chính quyền. (PLO4)	
2.3	Kỹ năng tổ chức quản lý: - Kỹ năng tổ chức và quản lý trong hoạt động liên quan đến Kinh tế. (PLO5)	3.5
2.4	Kỹ năng xử lý thông tin: - Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm chuyên dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến kinh tế. (PLO6)	4.0
2.5	Thái độ : Sinh viên tôn trọng nguyên tắc đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và quy định nghề nghiệp; nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc. (PLO9)	4.0
3.	<i>Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp</i>	
3.1	Kỹ năng làm việc nhóm: Sinh viên chứng tỏ được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, tranh luận, trình bày ý tưởng. (PLO7)	4.0
3.2	Quan điểm chính trị: Sinh viên theo học ngành Kinh tế tại trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có kiến thức căn bản về cấu trúc và nguyên tắc của đường lối chính trị của Đảng cộng sản Việt Nam và những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin. (PLO2)	3.5
4.	<i>Năng lực thực hành nghề nghiệp</i>	
4.1	Đạo đức nghề nghiệp: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Cụ thể là phải đề cao tính liêm chính trong việc đánh giá phân tích thị trường, ngành, doanh nghiệp, người tiêu dùng; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong việc thu thập và xử lý dữ liệu liên quan đến các cá nhân và tổ chức. Tuân thủ nội quy, kỷ luật của doanh nghiệp và pháp luật nhà nước. (PLO8)	5.0

4.2	Sinh viên có khả năng thu thập, xử lý thông tin, ứng dụng các phương pháp mới trong lĩnh vực kinh tế; yêu thích và nỗ lực phát triển nghề nghiệp, tham gia hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp; tôn trọng sự khác biệt, đa dạng trong môi trường đa văn hoá, chủ động và nỗ lực trong việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng tích cực. (PLO10)	4.0

Trình độ năng lực	Mô tả
0.0 -> 2.0	Có biết qua/có nghe qua
2.0 -> 3.0	Có hiểu biết/có thể tham gia
3.0 -> 3.5	Có khả năng ứng dụng
3.5 -> 4.0	Có khả năng phân tích
4.0 -> 4.5	Có khả năng tổng hợp
4.5 -> 5.0	Có khả năng đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra bên trên, Bảng trình bày các môn học cụ thể với trình độ năng lực tương ứng

Bảng 3: Bảng trình bày các môn học cụ thể với trình độ năng lực tương ứng

Stt	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	
1.1.	<i>Các môn lý luận chính trị</i>	
1.1.1.	Triết học Mác-Lênin	2.0
1.1.2.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2.0
1.1.3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0
1.1.4.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0
1.1.5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0
1.2.	<i>Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế</i>	
1.2.1.	Tư Duy Phản Biện	3.0
1.2.2.	Kinh tế vi mô	3.0
1.2.3.	Kinh tế vĩ mô	3.0

1.2.4.	Tâm lý học	3.0
1.2.5.	Xã hội học	3.0
1.2.6.	Địa lý kinh tế thế giới	3.0
1.2.7.	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	3.0
1.3.	<i>Khoa học tự nhiên</i>	
1.3.1.	Toán trong kinh doanh	3.5
1.3.2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	3.5
1.3.3.	Tin học đại cương	3.5
1.4.	<i>Ngoại ngữ</i>	
1.4.1.	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	3.0
1.4.2.	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	3.0
1.4.3.	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	3.0
1.4.4.	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	3.0
	<i>Giáo dục thể chất</i>	
1.4.5.	Giáo dục thể chất 1	3.0
1.4.6	Giáo dục thể chất 2	3.0
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	
2.1	<i>Kiến thức cơ sở của ngành</i>	
2.1.1.	Kế toán tài chính 1	4.0
2.1.2.	Quản trị kinh doanh đại cương	3.5
2.1.3.	Nguyên lý tiếp thị	3.5
2.1.4.	Đạo đức kinh doanh	3.5
2.1.5.	Kinh tế quốc tế	3.5
2.1.6.	Hành vi tổ chức	3.5
2.1.7.	Quản trị tài chính đại cương	3.5
2.1.8.	Pháp luật đại cương	3.5
2.1.9.	Luật kinh doanh	3.5
2.1.10.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	3.5
2.1.11.	Workshop 1	3.0
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
2.2.1.	<i>Kiến thức bắt buộc</i>	

2.2.1.1.	Kinh tế Vi mô 2	5.0
2.2.1.2.	Kinh tế Vĩ mô 2	5.0
2.2.1.3.	Nhập môn Kinh tế lượng	5.0
2.2.1.4.	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	5.0
2.2.1.5.	Kinh tế môi trường	5.0
2.2.1.6.	Kinh tế phát triển	5.0
2.2.1.7.	Kinh tế lao động	5.0
2.2.1.8.	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.9.	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.10.	Thực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.11.	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	5.0
2.2.1.12.	Workshop 2 cho ngành kinh tế	4.0
2.2.2.	<i>Kiến thức tự chọn</i>	
2.2.1.1.	Kinh tế học thực nghiệm	3.5
2.2.1.2.	Kinh tế học hành vi	3.5
2.2.1.3.	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	5.0
2.2.1.4.	Kinh tế học tài chính	5.0
2.2.1.5.	Kinh tế lượng số liệu bảng	5.0
2.2.1.6.	Phân tích dữ liệu marketing	5.0
3.	Thực tập và luận văn tốt nghiệp	
3.1	Luận văn tốt nghiệp	5.0

Sau đây là bảng ma trận giữa mục tiêu đào tạo (i – v) và chuẩn đầu ra của chương trình theo mục tiêu đào tạo (PLO 1 – PLO 10)

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình theo mục tiêu đào tạo									
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
(i)	✓	✓	✓		✓			✓		✓

(ii)	✓	✓	✓	✓	✓	✓
(iii)			✓		✓	✓
(iv)			✓		✓	
(v)						✓

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Các cử nhân ngành Kinh tế của trường Đại học Quốc tế, ĐHQG TPHCM có thể làm việc ở hầu hết các đơn vị và tổ chức trong xã hội như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ, ngân hàng, công ty bảo hiểm, các cơ quan tài chính, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các viện nghiên cứu, các trường đại học. Danh sách các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức dự kiến cho sinh viên thực tập có thể tham khảo ở phụ lục 10. Ngoài ra, sinh viên ngành Kinh tế của trường Đại học Quốc tế có thể đảm nhận các vai trò như chuyên viên phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích và dự báo thị trường, phân tích các phân khúc khách hàng, phân tích tình hình hoạt động của các bộ phận sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển tại các doanh nghiệp. Trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp của chính phủ, sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí tổng hợp số liệu về tình hình kinh tế xã hội của địa phương, đánh giá tác động của các chính sách, quy định của chính quyền đến các thành phần trong nền kinh tế dưới nhiều góc độ bao gồm cả những ảnh hưởng đến môi trường, xem xét những thách thức toàn cầu hiện có như biến đổi khí hậu, nguy cơ xung đột trong khu vực và trên thế giới, từ đó đề xuất các giải pháp cho các cơ quan hữu quan.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;
- Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số 45/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ”
- Căn cứ Quy chế đào tạo học chế tín chỉ của ĐHQG-TPHCM năm 2017
- Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-ĐHQG ngày 30 tháng 9 năm 2022 của ĐHQG-TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại ĐHQG-HCM
- Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-ĐHQG-TĐT ngày 20 tháng 08 năm 2008 của Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TPHCM về việc “ Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ - bậc Đại học”

▪ Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-ĐHQT ngày 6 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Quốc tế - Đại học Quốc gia TP HCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Quốc tế Đại học Quốc gia TP HCM

▪ Căn cứ theo Nghị quyết 19/NQ-HĐT phiên họp thứ mười của Hội đồng trường Đại học Quốc tế ngày 10 tháng 4 năm 2023,

▪ Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán của trường Đại học Quốc tế được thiết kế như sau:

Bảng 4: Chương trình đào tạo ngành kinh tế

Kiến thức giáo dục đại cương (47 tín chỉ)	
Bắt buộc (41 tín chỉ)	Tự chọn (6 tín chỉ)
- Các môn lý luận chính trị (Political Theory Subjects) (11) - Kinh tế vi mô (Microeconomics) (3) - Kinh tế vĩ mô (Macro Economics) (3) - Tiếng anh chuyên ngành 1 & 2 (Academic English 1&2) (8) - Toán trong kinh doanh (Maths for Business) (4) - Thống kê kinh doanh (Statistics for Business) (3) - Tin học quản lý (Business Computing Skills) (3) - Pháp luật đại cương (General Law) (3) - Tư duy phản biện (Critical Thinking) (3)	<i>Chọn 1 trong 2 môn sau (3 tín chỉ):</i> - Xã hội học (Introduction to Sociology) - Tâm lý học (Introduction to Psychology) <i>Chọn 1 trong 2 môn sau (3 tín chỉ):</i> - Lịch sử và Văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture) - Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography)
Kiến thức cơ sở ngành (27 tín chỉ)	
Bắt buộc (24 tín chỉ)	Tự chọn (3 tín chỉ)
- Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing) (3) - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics) (3) - Quản trị tài chính đại cương (Fundamentals Of Financial Management) (3) - Luật doanh nghiệp (Business Law) (3)	<i>Chọn 1 trong 4 môn sau (3 tín chỉ):</i> - Quản trị tài chính quốc tế (International Financial Management) (3) - Quản trị công ty (Corporate Governance) (3)

- Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Methods in Economics) (3) - Kinh tế quốc tế (International Economics) (3) - Kế toán tài chính I (Financial Accounting I) (3) - Workshop 1 (3)	- Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration) (3) - Hành vi tổ chức (Organizational Behavior) (3)
Kiến thức chuyên ngành (41 tín chỉ)	
Bắt buộc (35 tín chỉ)	Tự chọn chuyên ngành (6 tín chỉ)
- Kinh tế Vi mô 2 (Intermediate Microeconomics) (3) - Kinh tế Vĩ mô 2 (Intermediate Macroeconomics) (3) - Nhập môn Kinh tế lượng (Introductory Econometrics) (3) - Kinh tế lượng chuỗi thời gian (Time Series Econometrics) (3) - Kinh tế môi trường (Environmental Economics) (3) - Kinh tế phát triển (Development Economics) (3) - Kinh tế lao động (Labor Economics) (3) - Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications) (3) - Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế (Machine Learning Platforms with Economic Applications) (3) - Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Data Science and Visualization with Economic Applications) (3) - Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Principles of Database Management with Economic Applications) (3)	<i>Chọn 2 trong các môn sau (6 tín chỉ):</i> - Kinh tế học thực nghiệm (Experimental Economics) - Kinh tế học hành vi (Behavioral Economics) - Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp (Game Theory and Business Strategy) - Kinh tế học tài chính (Financial Economics) - Kinh tế lượng số liệu bảng (Panel Data Econometrics) - Phân tích dữ liệu marketing (Marketing Analytics)

- Workshop 2 on Economic Issues (Special topics – with guest speakers) (2)	
Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (15 tín chỉ)	
- Internship 1 (3) Và - Luận văn tốt nghiệp (Thesis) (12 tín chỉ)	

5.2. Chỉ tiêu, quy mô đào tạo dự kiến

Bảng 5: Chỉ tiêu, quy mô đào tạo dự kiến

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028	Từ 2029 trở đi
Tuyển sinh mới	50	50	50	70	70	70	80
Quy mô đào tạo	50	100	150	220	240	260	290

- **Thời gian tuyển sinh:** Tháng 7 hàng năm theo quy định của BGD ĐHQG và trường ĐHQT
- **Nguồn kinh phí đào tạo:** học phí, ngân sách và các nguồn tài trợ khác
- **Tổ hợp môn thi:** A, A1, D1 – Xét tuyển theo khối thi từ kết quả cuộc thi SAT và THPT Quốc gia
- **Học chế đào tạo:** Học chế tín chỉ
- **Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Anh

5.3. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế thuộc Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán của trường Đại học Quốc tế là:

- Chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ cho phép trao đổi sinh viên và đảm bảo liên thông đào tạo trình độ sau đại học chuyên ngành liên quan.
- Chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, toàn thời gian và thời lượng thiết kế 4 năm. Sinh viên viết và bảo vệ luận văn bằng tiếng Anh.
- Chương trình cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên có thành tích học tập xuất sắc được làm khóa luận tốt nghiệp tại các trường, viện nước ngoài mà Trường Đại học Quốc tế hợp tác.
- Chương trình được xây dựng theo hướng đảm bảo chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT và ĐHQG – TP HCM quy định, các môn học chung, môn học tự chọn theo hướng phân ngành và môn học tự chọn có thời lượng từ 2 đến 4 tín chỉ có tính chất bổ sung chuyên

môn và định hướng nghiên cứu. Bài giảng cho mỗi môn học được soạn thành nhiều chuyên đề chuyên sâu, do giảng viên cơ hữu và các chuyên gia, giảng viên thỉnh giảng đảm nhận.

- Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành luận văn để đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5.4. Điều kiện tốt nghiệp và danh hiệu tốt nghiệp:

Chương trình đào tạo được thiết kế theo phương thức đào tạo tín chỉ gồm 8 học kỳ chính thức và 3 học kỳ hè, bao gồm 130 tín chỉ.

Sinh viên được xem xét cấp bằng tốt nghiệp khi thỏa mãn đầy đủ các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
2. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
3. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chứng chỉ GDQP-AN, GDTC và hoàn thành các học phần điều kiện theo quy định của ĐHQG-TPHCM và của trường ĐHQT;
4. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
5. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo các quy định, quy chế của nhà trường đã được ban hành chính thức.

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Kinh tế (Bachelor of Arts in Economics)

Loại văn bằng: Cử nhân (Bachelor of Arts)

6. Thang điểm

Ngành kinh tế vận hành theo quy định chung của Trường Đại Học Quốc Tế và cách tính điểm và thang điểm. Trường Đại Học Quốc Tế sử dụng thang điểm 100. Điểm môn học làm tròn thành số nguyên. Điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy làm tròn đến một số lẻ.

- Thang điểm quy đổi quy từ 100 sang các thang điểm 10: theo tỉ lệ 10/1.
- Thang điểm quy đổi quy từ 100 sang các thang điểm khác:

Bảng 6: Thang điểm

Xếp loại	Thang điểm 100	Thang điểm 4	Thang điểm A, B
Đạt			
Xuất sắc	$90 \leq \text{ĐTBTL} \leq 100$	4.0	A ⁺
Giỏi	$80 \leq \text{ĐTBTL} < 90$	3.5	A
Khá	$70 \leq \text{ĐTBTL} < 80$	3.0	B ⁺

Trung bình khá	$60 \leq \text{ĐTBTL} < 70$	2.5	B
Trung bình	$50 \leq \text{ĐTBTL} < 60$	2.0	C
Không đạt			
Yếu	$40 \leq \text{ĐTBTL} < 50$	1.5	D+
Kém	$30 \leq \text{ĐTBTL} < 40$	1.0	D

Điểm trung bình học kỳ sau từng học kỳ, từng năm học được dùng để xét học bổng, khen thưởng, được lấy theo kết quả thi kết thúc môn học ở lần thi thứ nhất.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét học cùng một lúc ở nhiều ngành, phân loại kết quả học tập của khoá học, xét tốt nghiệp, ngừng học hay thôi học, được tính theo điểm thi cao nhất trong các lần thi.

ĐTBHK, ĐTBTL được tính theo thang điểm 4 hoặc theo thang điểm 100 và được làm tròn đến 1 chữ số thập phân

Không tính kết quả thi các môn học Giáo dục quốc phòng và điểm trung bình học kỳ, năm học hay khoá học. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với môn học này theo qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo

7. Khối lượng kiến thức toàn khoá

▪ **Thời gian đào tạo:** 4 năm, đào tạo theo học chế tín chỉ

▪ **Tổng số tín chỉ:** 130 tín chỉ

○ 1 tín chỉ = 15 tiết lý thuyết trên lớp (30 – 45 tiết bài tập, thực hành)

▪ **Ngôn ngữ giảng dạy:** tiếng Anh

▪ **Phân bổ khối lượng kiến thức của chương trình:** tổng cộng **130 tín chỉ** (không kể giáo dục thể chất và giáo dục Quốc phòng) bao gồm:

Bảng 7: Bảng khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Các khối kiến thức	Khối lượng	
		Số tín chỉ	%
I.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	47	36.15
II.	Khối kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	24	18.46
III	Khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	35	26.92
IV.	Kiến thức bổ trợ (kiến thức tự chọn cơ sở ngành và chuyên ngành)	9	6.92
V	Thực tập/ Khóa luận/ Luận văn tốt nghiệp	15	11.54
	Tổng cộng	130	100

8. Nội dung chương trình đào tạo

Bảng 8: Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã MH	Tên môn học (MH)		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Phòng TN (**)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
1	Kiến thức giáo dục đại cương							
1.1	Các môn lý luận chính trị							
1	PE015IU	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism-Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
2	PE016IU	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	Bắt buộc	2	2	0	
3	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	Bắt buộc	2	2	0	
4	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	2	2	0	
5	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				11	11	0	
1.2	Khoa học xã hội - nhân văn – Nghệ thuật							
6	PE008IU	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
7	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
8	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
9	BA118IU	Giới thiệu về Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn	3	3	0	
10	BA197IU	Giới thiệu về Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn	3	3	0	

11	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn	3	3	0	
12	PE010IU	Lịch sử văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn	3	3	0	
13	PE021IU	Pháp luật Đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				18	18	0	
1.3	Toán – Tin học - Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường							
14	BA282IU	Toán trong kinh doanh	Maths for business	Bắt buộc	4	4	0	
15	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	Bắt buộc	3	3	0	
16	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				10	10	0	
1.4	Ngoại ngữ							
17	EN008IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe AE1)	Academic English 1 (listening skill)	Bắt buộc	2	2	0	
18	EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết AE1)	Academic English 1 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
19	EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	Academic English 2 (speaking skill)	Bắt buộc	2	2	0	
20	EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	Academic English 2 (writing skill)	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				8	8	0	
1.5	Giáo dục thể chất							
21	PT001IU	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	0	3	
22	PT002IU	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	0	3	
	Tổng cộng				6	0	6	

1.6	Giáo dục quốc phòng				0			
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Kiến thức cơ sở của ngành							
23	BA256IU	Workshop 1		Bắt buộc	3	3	0	
24	BA005IU	Kế toán tài chính	Financial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
25	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Tự chọn	3	3	0	
26	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
27	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
28	BA068IU	Kinh tế quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	
29	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Tự chọn	3	3	0	
30	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
31	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	
32	EFA209IU	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng cộng				27	27	0	
2.2	Kiến thức chuyên ngành							
2.2.1.	Kiến thức bắt buộc							
33	EFA201IU	Kinh tế Vi mô 2	Intermediate Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
34	EFA202IU	Kinh tế Vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
35	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	
36	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	
37	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	Bắt buộc	3	3	0	

38	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development Economics	Bắt buộc	3	3	0	
39	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	
40	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
41	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
42	IT138IU	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
43	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
44	EFA230IU	Workshop 2 cho ngành kinh tế	Workshop 2 on Economic issues	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng cộng				35	35	0	
2.2.2	Kiến thức ngành tự chọn (sinh viên chọn tối thiểu 6 tín chỉ trong nhóm môn học sau)			Tự Chọn				
45	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics		3	3	0	
46	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics		3	3	0	
47	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy		3	3	0	
48	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Economics		3	3	0	

49	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics		3	3	0	
50	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics		3	3	0	
51	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management		3	3	0	
52	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance		3	3	0	
	Tổng cộng				6	6	0	
3		Luận văn tốt nghiệp, thực tập		Bắt buộc				
53	EFA231IU	Thực tập	Internship		3	0	3	
54	EFA232IU	Luận văn tốt nghiệp	Thesis		12	12	0	
	Tổng cộng				15	12	3	
	Tổng số (Tín chỉ)				130			

9. Khả năng liên thông với các chương trình đào tạo khác:

Ngành kinh tế của trường Đại học QuốcTế, ĐHQG TPHCM nếu được mở sẽ có khả năng liên kết với các trường dưới đây:

Các chương trình Kinh tế	Quốc gia	Bậc trình độ	Đường dẫn tham khảo chương trình đào tạo	Mức độ tương đồng
Macquarie University	Úc	Đại học	https://www.mq.edu.au/study/find-a-course/courses/bachelor-of-economics	78%
University of New South Wales	Úc	Đại học	https://www.unsw.edu.au/study/undergraduate/bachelor-of-economics?studentType=Domestic	73%
Monash University	Úc	Đại học	https://handbook.monash.edu/current/courses/B2031	70%

Imperial College London	Anh	Đại học	https://www.imperial.ac.uk/business-school/programmes/bsc-economics-finance-data-science/	74%
Đại học Kinh tế Tp.HCM	Việt Nam	Đại học	https://student.ueh.edu.vn/Public/TraCuuNganh	70%

So sánh chi tiết các chương trình đào tạo ở phụ lục 5

10. Dự kiến kế hoạch giảng dạy: (phân bổ theo từng học kỳ và trình độ tiếng Anh)

Tùy vào trình độ tiếng Anh của người học (năm 1 và năm 2) đạt trình độ AE1, IE2, IE1 và IE0, kế hoạch giảng dạy các môn học được cụ thể như sau.

10.1 Trình độ AE1

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
NĂM 1								
I (tổng số tín chỉ - 16)	EN007IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết)	Writing AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	EN008IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe)	Listening AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	PT001IU	Thể dục 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	PE015IU	Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				16	16	0	
II (tổng số	EN011IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết)	Writing AE2	Bắt buộc	2	2	0	

tín chỉ - 19)	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói)	Speaking AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Thể dục 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	3	0	
	BA282IU	Toán kinh doanh	Math for Business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macro Economics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA005IU	Kế toán tài chính	Financial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư duy phản biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế chính trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng				19	19	0	
NĂM 2								
I (tổng số tín chỉ - 19)	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	
	BA068IU	Kinh Tế Quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	Bắt buộc	2	2	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism
	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	3	3	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism; Scientific socialism
	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	

	Chọn 1 trong 2 môn học sau							
	BA118IU	Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA197IU	Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				19	19	0	
II (tổng số tín chỉ 20)	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	EFA201IU	Kinh tế vi mô 2	Intermediate Microeconom ics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microecono mics
	Chọn 1 trong 2 môn học							
	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Chọn 1 trong 4 môn học							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	Fundamenta ls of Financial Managemen t
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administratio n	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizatio n al Behavior	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				20	20	0	
	Tổng số tín chỉ trong năm 1 và năm 2					74	74	0
NĂM 3								
I (tổng số tín chỉ 15)	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmenta l Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microecono mics
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	General Law
	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming	Bắt buộc	3	3	0	

			with Economic Applications					
	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	EFA202IU	Kinh tế vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics		3	3	0	Introduction to Macroeconomics
	Tổng				15	15	0	
II (tổng số tín chỉ - 15)	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics
	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	IT138IU	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				15	15	0	
HÈ (03 TC)	BA170IU	Thực tập định hướng	Internship	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				3	3	0	
NĂM 4								
I (tổng số	EFA208IU	Phương pháp Nghiên cứu trong Kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	Quantitative methods for Finance

tín chỉ - 11)	EFA230IU	Workshop 2 cho những vấn đề kinh tế	Workshop 2 on Economic Issues	Bắt buộc	2	2	0	
			Elective 1	Bắt buộc	3	3	0	
			Elective 2	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				11	11	0	
II (12 TC)	BA170IU	Luận văn	Thesis	Bắt buộc	12	12	0	
	Tổng				12	12	0	
MÔN TỰ CHỌN								
	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	Tự chọn	3	3	0	Statistics for Business
	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microecono mics
	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microecono mics
	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microecono mics
	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microecono mics and Maths for Business
	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microecono mics and Maths for Business
Tổng số tín chỉ trong năm 3 và năm 4					56	56	0	

10.2 Trình độ IE2

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm	
NĂM 1								
I (tổng số)	ENTP02		Intensive English Twinning Program	2- Bắt buộc	13	13	0	

tín chỉ 3)	PT001IU	Thể dục 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	3	0	
	PE015IU	Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				3	3	0	
II (tổng số tín chỉ - 19)	EN007IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết)	Writing AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe)	Listening AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	BA282IU	Toán kinh doanh	Math for Business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA005IU	Kế toán tài chính	Financial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư duy phản biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế chính trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng				19	19	0	
HỆ (tổng số tín chỉ - 6)	EN011IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết)	Writing AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói)	Speaking AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Thể dục 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	3	0	
	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	Bắt buộc	2	2	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism

	Tổng				6	6	0	
NĂM 2								
I (tổng số tín chỉ - 21)	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomic s	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomi cs	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	
	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	Chọn 1 trong 2 môn học sau							
	BA118IU	Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA197IU	Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
Tổng					21	21	0	
II (tổng số tín chỉ - 22)	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	EFA202IU	Kinh tế vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomi cs	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Macroeconomic s
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	3	3	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism; Scientific socialism
	BA068IU	Kinh Tế Quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Chọn 1 trong 2 môn học							

	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn bắt buộc	3	3	0		
	PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn bắt buộc	3	3	0		
	Chọn 1 trong 4 môn học								
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Financial Management	
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn bắt buộc	3	3	0		
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Tự chọn bắt buộc	3	3	0		
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Tự chọn bắt buộc	3	3	0		
	Tổng					22	22	0	
Tổng số tín chỉ trong năm 1 và năm 2					71	71	0		
NĂM 3									
I (tổng số tín chỉ - 15)	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business	
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	General Law	
	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0		
	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications	
	EFA201IU	Kinh tế vi mô 2	Intermediate Microeconomic s	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics	
	Tổng					15	15	0	
	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business	

II (tổng số tín chỉ 15)	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics
	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	IT138IU	Thực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				15	15	0	
HÈ (03 TC)	BA170IU	Thực tập định hướng	Internship	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				3	3	0	
NĂM 4								
I (tổng số tín chỉ 14)	EFA208IU	Phương pháp Nghiên cứu trong Kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	Quantitative methods for Finance
	EFA230IU	Workshop 2 cho những vấn đề kinh tế	Workshop 2 on Economic Issues	Bắt buộc	2	2	0	
	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
			Elective 1	Bắt buộc	3	3	0	
			Elective 2	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				14	14	0	
II (12 TC)	BA170IU	Luận văn	Thesis	Bắt buộc	12	12	0	
	Tổng				12	12	0	
MÔN TỰ CHỌN								
	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	Tự chọn	3	3	0	Statistics for Business
	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics

	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
Tổng số tín chỉ trong năm 3 và năm 4					59	59	0	

10.3 Trình độ IE1

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/ tự chọn)	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệ m	
NĂM 1								
	ENTP01		Intensive English Twinning Program 1-	Bắt buộc	17	17	0	
I (tổng số tín chỉ - 0)	ENTP02		Intensive English Twinning Program 2-	Bắt buộc	13	13	0	
	Tổng				0	0	0	
II (tổng số tín chỉ - 19)	EN007IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết)	Writing AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe)	Listening AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	PT001IU	Thể dục 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA282IU	Toán kinh doanh	Math for Business	Bắt buộc	4	4	0	

	BA005IU	Kế toán tài chính	Financial Accounting	Bắt buộc	3	3	0	
	PE015IU	Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế chính trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng				19	19	0	
HÈ (tổng số tín chỉ - 6)	EN011IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết)	Writing AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói)	Speaking AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Thể dục 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	3	0	
	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	Bắt buộc	2	2	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism
	Tổng				6	6	0	
NĂM 2								
I (tổng số tín chỉ - 20)	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	PE021IU	Pháp luật đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	
	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	Chọn 1 trong 2 môn học sau							

	BA118IU	Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA197IU	Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				20	20	0	
II (tổng số tín chỉ - 20)	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	BA119IU
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư duy phản biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	3	3	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism; Scientific socialism
	BA068IU	Kinh Tế Quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Chọn 1 trong 2 môn học							
	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
Tổng					20	20	0	
Tổng số tín chỉ trong năm 1 và năm 2					65	65	0	
NĂM 3								
I (tổng số tín chỉ - 18)	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	General Law
	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with	Bắt buộc	3	3	0	

			Economic Applications					
	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	EFA201IU	Kinh tế vi mô 2	Intermediate Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA202IU	Kinh tế vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Macroeconomics
	Tổng				18	18	0	
II (tổng số tín chỉ - 18)	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics
	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	IT138IU	Thực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
	Chọn 1 trong 4 môn học							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Financial Management
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Tự chọn	3	3	0	

				bắt buộc				
	Tổng				18	18	0	
HÈ (03 TC)	BA170IU	Thực tập định hướng	Internship	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				3	3	0	
NĂM 4								
I (tổng số tín chỉ - 14)	EFA208IU	Phương pháp Nghiên cứu trong Kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	Quantitative methods for Finance
	EFA230IU	Workshop 2 cho những vấn đề kinh tế	Workshop 2 on Economic Issues	Bắt buộc	2	2	0	
	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
			Elective 1	Bắt buộc	3	3	0	
			Elective 2	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				14	14	0	
II (12 TC)	BA170IU	Luận văn	Thesis	Bắt buộc	12	12	0	
	Tổng				12	12	0	
MÔN TỰ CHỌN								
	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	Tự chọn	3	3	0	Statistics for Business
	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
Tổng số tín chỉ trong năm 3 và năm 4					65	65	0	

10.4 Trình độ IE0

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/t	Tín chỉ			Môn học tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)/ song hành (SH)
		Tiếng việt	Tiếng Anh		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/ Thí	

				ự chọn)			nghiệ m	
NĂM 1								
	ENTP00		Intensive English 0 - Twinning Program	Bắt buộc	17	17	0	
I (0 TC)	ENTP01		Intensive English 1 - Twinning Program	Bắt buộc	17	17	0	
	Tổng				0	0	0	
II (tổng số tín chỉ - 3)	ENTP02		Intensive English 2- Twinning Program	Bắt buộc	13	13	0	
	PT001IU	Thẻ dực 1	Physical Training 1	Bắt buộc	3	3	0	
	PE015IU	Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				3	3	0	
HÈ (tổng số tín chỉ - 6)	EN007IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết)	Writing AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe)	Listening AE1	Bắt buộc	2	2	0	
	PT002IU	Thẻ dực 2	Physical Training 2	Bắt buộc	3	3	0	
	PE016IU	Kinh tế chính trị theo chủ nghĩa Mác-Lênin	Political economics of Marxism and Leninism	Bắt buộc	2	2	0	
	Tổng				6	6	0	
NĂM 2								

I (tổng số tín chỉ - 15)	EN011IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết)	Writing AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	EN012IU	Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói)	Speaking AE2	Bắt buộc	2	2	0	
	PE021IU	Pháp luật đại cương	General Law	Bắt buộc	3	3	0	
	PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	Bắt buộc	2	2	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism
	BA120IU	Tin học quản lý	Business Computing Skills	Bắt buộc	3	3	0	
	BA117IU	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				15	15	0	
II (tổng số tín chỉ - 17)	BA282IU	Toán kinh doanh	Math for Business	Bắt buộc	4	4	0	
	BA119IU	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	Bắt buộc	3	3	0	
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	PE008IU	Tư duy phản biện	Critical Thinking	Bắt buộc	3	3	0	
	PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	Bắt buộc	3	3	0	Political economics of Marxism and Leninism; Philosophy of Marxism and Leninism; Scientific socialism

	PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	Bắt buộc	2	2	0	
Tổng					17	17	0	
NĂM 3								
I (tổng số tín chỉ - 18)	BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	Bắt buộc	3	3	0	
	BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for Business	Bắt buộc	3	3	0	
	BA081IU	Luật kinh doanh	Business Law	Bắt buộc	3	3	0	General Law
	BA020IU	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	Bắt buộc	3	3	0	
	EFA201IU	Kinh tế vi mô 2	Intermediate Microeconomics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Chọn 1 trong 2 môn học sau							
	BA118IU	Tâm lý học	Introduction to Psychology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA197IU	Xã hội học	Introduction to Sociology	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng					18	18	0
II (tổng số tín chỉ - 18)	BA256IU	Workshop 1	Workshop 1	Bắt buộc	3	3	0	
	EFA202IU	Kinh tế vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomic s	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Macroeconomics
	EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	BA016IU	Nguyên lý Quản trị Tài chính	Fundamental of Financial Management	Bắt buộc	3	3	0	
	BA068IU	Kinh Tế Quốc tế	International Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Chọn 1 trong 2 môn học							

	PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Financial Management
	PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				18	18	0	
Tổng số tín chỉ trong năm 1, 2 và 3					77	77	0	
NĂM 4								
I (tổng số tín chỉ - 15)	IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	
	IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Programming with Economic Applications
	EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	Bắt buộc	3	3	0	Statistics for Business
	EFA207IU	Kinh tế phát triển	Development Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics
	EFA206IU	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Tổng				15	15	0	
	II (tổng số tín chỉ - 12)	IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic and Business Applications	Bắt buộc	3	3	0
IT138IU		Thực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng	Data Science and Visualization with Economic Applications	Bắt buộc	3	3	0	

		dụng trong kinh tế						
	EFA208IU	Kinh tế lao động	Labor Economics	Bắt buộc	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	Chọn 1 trong 4 môn học							
	BA051IU	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	Fundamentals of Financial Management
	BA213IU	Quản trị công ty	Corporate Governance	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	BA130IU	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	Tự chọn bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				12	12	0	
	HÈ (03 TC)	BA170IU	Thực tập định hướng	Internship	Bắt buộc	3	3	0
	Tổng				3	3	0	
NĂM 5								
I (tổng số tín chỉ - 11)	EFA208IU	Phương pháp Nghiên cứu trong Kinh tế	Research Methods in Economics	Bắt buộc	3	3	0	Quantitative methods for Finance
	EFA230IU	Workshop 2 cho những vấn đề kinh tế	Workshop 2 on Economic Issues	Bắt buộc	2	2	0	
			Elective 1	Bắt buộc	3	3	0	
			Elective 2	Bắt buộc	3	3	0	
	Tổng				11	11	0	

II (12 TC)	BA170IU	Luận văn	Thesis	Bắt buộc	12	12	0	
	Tổng				12	12	0	
MÔN TỰ CHỌN								
	EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	Tự chọn	3	3	0	Statistics for Business
	EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA211IU	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics
	EFA213IU	Kinh tế học tài chính	Financial Economics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
	EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	Tự chọn	3	3	0	Introduction to Microeconomics and Maths for Business
Tổng số tín chỉ trong năm 4 và năm 5					53	53	0	

11. Ma trận đầu ra với môn học (kỹ năng):

Bảng 10: Bảng ma trận đầu ra với môn học

Mã môn học	Tên môn học	Chuẩn đầu ra									
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO10
Kiến thức giáo dục đại cương											
Các môn lý luận chính trị											
PE015IU	Triết học Mác-Lênin	1	3	1	1	1	1	2	1	2	1
PE016IU	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1

PE017IU	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1
PE018IU	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1
PE019IU	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	3	1	1	1	1	1	1	1	1
Khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế											
PE008IU	Tư Duy Phản Biện	2	1	3	3	2	2	3	1	2	2
BA117IU	Kinh tế vi mô	2	1	3	3	1	2	2	1	2	1
BA119IU	Kinh tế vĩ mô	2	1	3	3	1	2	2	1	2	1
BA118IU	Tâm lý học	1	1	3	3	3	2	3	1	2	1
BA197IU	Xã hội học	1	1	3	3	2	2	2	2	2	1
PE007IU	Địa lý kinh tế thế giới	1	1	3	3	2	2	2	1	2	1
PE010IU	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	1	1	3	3	2	2	2	2	2	1
PE021IU	Pháp Luật Đại Cương	2	1	3	3	2	2	2	2	2	2
Khoa học tự nhiên											
BA282IU	Toán trong kinh doanh	2	1	3	3	3	3	2	1	1	2
BA080IU	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	2	1	3	3	2	3	2	1	1	3
BA120IU	Tin học quản lý	2	1	3	3	3	3	2	1	2	3
Ngoại ngữ											
EN008IU	Tiếng Anh	2	1	3	3	1	2	3	1	2	3

	chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)										
EN007IU	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	2	1	3	3	2	2	3	1	2	3
EN012IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	2	1	3	3	2	2	3	1	2	3
EN011IU	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	2	1	3	3	2	2	3	1	2	3
Giáo dục quốc phòng											
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
Kiến thức cơ sở của ngành											
BA005IU	Kế toán tài chính	3	1	3	3	1	2	2	2	2	2
BA115IU	Quản trị kinh doanh đại cương	3	1	3	3	3	2	2	2	2	2
BA003IU	Nguyên lý tiếp thị	2	1	3	3	1	2	2	1	2	1
BA020IU	Đạo đức kinh doanh	2	1	3	3	1	2	2	3	2	1
BA068IU	Kinh tế quốc tế	2	1	3	3	3	2	3	2	3	2
BA130IU	Hành vi tổ chức	2	1	3	3	3	2	3	2	2	2
BA016IU	Nguyên lý quản trị tài chính	2	1	3	3	3	2	2	1	2	2
BA081IU	Luật kinh doanh	2	1	3	3	2	2	2	2	2	2
EFA209IU	Phương pháp	2	1	3	3	2	3	2	1	2	2

	ngiên cứu trong kinh tế										
BA256IU	Workshop 1	2	1	3	3	2	2	2	2	2	2
Kiến thức chuyên ngành											
<i>Kiến thức bắt buộc</i>											
EFA201IU	Kinh tế Vi mô 2	3	1	3	3	2	2	1	2	2	2
EFA202IU	Kinh tế Vĩ mô 2	3	1	3	3	2	2	2	2	2	2
EFA203IU	Nhập môn Kinh tế lượng	3	1	3	3	2	3	2	2	2	2
EFA204IU	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	3	1	3	3	1	2	2	3	2	3
EFA206IU	Kinh tế môi trường	3	1	3	3	2	2	2	2	2	3
EFA207IU	Kinh tế phát triển	3	1	3	3	2	3	2	3	2	3
EFA208IU	Kinh tế lao động	3	1	3	3	2	2	2	2	2	3
IT149IU	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	3	1	3	3	3	2	2	3	2	2
IT162IU	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	3	1	3	3	2	2	2	1	2	2
IT138IU	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	3	1	3	3	2	2	2	2	2	2

IT079IU	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	3	1	3	3	1	2	2	3	2	3
EFA230IU	Workshop 2 cho ngành kinh tế	3	1	3	2	1	2	2	2	2	2
Kiến thức ngành tự chọn											
EFA210IU	Kinh tế học thực nghiệm	2	1	3	1	3	2	2	1	2	2
EFA211IU	Kinh tế học hành vi	2	1	3	3	1	2	2	1	2	2
EFA212IU	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	2	1	3	3	2	2	2	2	2	2
EFA213IU	Kinh tế học tài chính	2	1	3	3	2	2	2	2	2	2
EFA205IU	Kinh tế lượng số liệu bảng	2	1	3	3	1	2	2	1	2	2
EFA214IU	Phân tích dữ liệu marketing	2	1	3	3	2	2	2	1	2	2
BA051IU	Quản trị tài chính quốc tế	2	1	3	3	2	2	2	1	2	2
BA213IU	Quản trị công ty	2	1	3	3	3	2	3	2	2	2
Nghiên cứu, thực tập và luận văn tốt nghiệp.											
EFA231IU	Thực tập	2	1	3	3	3	2	3	2	2	2
EFA232IU	Luận văn tốt nghiệp	2	1	3	3	3	3	2	1	2	3

Ghi chú: 1- Không đóng góp; 2 – Đóng góp ít; 3 – Đóng góp nhiều

2- Xem bảng 2 trang 28 về định nghĩa của các chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes – PLO)

Bảng: Ma trận môn học và mục tiêu đào tạo

Stt	Tên môn học		Mục tiêu đào tạo				
			MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
1	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism-Leninism	✓	✓	✓		
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	✓	✓	✓		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific socialism	✓	✓	✓		
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of Vietnamese Communist Party	✓	✓	✓		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Thoughts	✓	✓	✓		
6	Tư Duy Phản Biện	Critical Thinking	✓	✓	✓	✓	✓
7	Kinh tế vi mô	Introduction to Microeconomics	✓	✓	✓	✓	
8	Kinh tế vĩ mô	Introduction to Macroeconomics	✓		✓		
9	Tâm lý học	Introduction to Psychology		✓			
10	Xã hội học	Introduction to Sociology		✓			
11	Địa lý kinh tế thế giới	World Economic Geography	✓	✓		✓	✓
12	Lịch sử và văn hoá Việt Nam	Vietnamese History and Culture	✓	✓	✓	✓	✓
13	Pháp Luật Đại Cương	General Law	✓	✓	✓	✓	
14	Toán trong kinh doanh	Maths for business	✓	✓	✓	✓	✓
15	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	Statistics for business	✓	✓	✓	✓	
16	Tin học quản lý	Business Computing Skills	✓	✓	✓	✓	
17	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng nghe)	Academic English 1 (listening skill)	✓	✓	✓	✓	
18	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (kỹ năng viết)	Academic English 1 (writing skill)	✓	✓	✓	✓	✓

19	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói)	Academic English 2 (speaking skill)	✓	✓	✓	✓	✓
20	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (kỹ năng viết)	Academic English 2 (writing skill)	✓	✓	✓	✓	
21	Giáo dục thể chất 1	Physical Training 1	✓	✓	✓	✓	
22	Giáo dục thể chất 2	Physical Training 2	✓	✓	✓	✓	
23	Workshop 1		✓	✓	✓	✓	
24	Kế toán tài chính I	Financial Accounting I	✓	✓	✓	✓	
25	Quản trị kinh doanh đại cương	Introduction to Business Administration	✓	✓	✓	✓	
26	Nguyên lý tiếp thị	Principles of Marketing	✓	✓	✓	✓	
27	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	✓	✓	✓	✓	
28	Kinh tế quốc tế	International Economics	✓	✓	✓	✓	
29	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	✓	✓	✓	✓	
30	Quản trị tài chính đại cương	Fundamental of Financial Management	✓	✓	✓	✓	
31	Luật kinh doanh	Business Law	✓	✓	✓	✓	
32	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	Research Methods in Economics	✓	✓	✓	✓	
33	Kinh tế Vi mô 2	Intermediate Microeconomics	✓	✓	✓	✓	
34	Kinh tế Vĩ mô 2	Intermediate Macroeconomics	✓	✓	✓	✓	
35	Nhập môn Kinh tế lượng	Introductory Econometrics	✓	✓	✓	✓	
36	Kinh tế lượng chuỗi thời gian	Time Series Econometrics	✓	✓	✓	✓	
37	Kinh tế môi trường	Environmental Economics	✓	✓	✓	✓	
38	Kinh tế phát triển	Development Economics	✓	✓	✓	✓	
39	Kinh tế lao động	Labor Economics	✓	✓	✓	✓	
40	Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế	Fundamentals of Programming	✓	✓	✓	✓	

		with Economic Applications					
41	Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế	Machine Learning Platforms with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
42	Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Data Science and Visualization with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
43	Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế	Principles of Database Management with Economic Applications	✓	✓	✓	✓	
44	Workshop 2 cho ngành kinh tế	Workshop 2 on Economic issues	✓	✓	✓	✓	
45	Kinh tế học thực nghiệm	Experimental Economics	✓	✓	✓	✓	
46	Kinh tế học hành vi	Behavioral Economics	✓	✓	✓	✓	
47	Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp	Game Theory and Business Strategy	✓	✓	✓	✓	
48	Kinh tế học tài chính	Financial Economics	✓	✓	✓	✓	
49	Kinh tế lượng số liệu bảng	Panel Data Econometrics	✓	✓	✓	✓	
50	Phân tích dữ liệu marketing	Marketing Analytics	✓	✓	✓	✓	
51	Quản Trị Tài Chính Quốc Tế	International Financial Management	✓	✓	✓	✓	
52	Quản trị công ty	Corporate Governance	✓	✓	✓	✓	
53	Thực tập	Internship	✓	✓	✓	✓	
54	Luận văn tốt nghiệp	Thesis	✓	✓	✓	✓	

12. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng môn học:

CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ:

1. PE015IU - Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Marxism-Leninism)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng

của Đảng; từ đó giúp xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng và từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. PE016IU - Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist-Leninist Political Economy)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Môn học đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy phẩm chất người học, tính liên thông khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp, và giảm tải lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc mang tính kinh viện.

3. PE017IU - Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên vận dụng những tri thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

4. PE018IU - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả vắn tắt nội dung:

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới

5. PE019IU - Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Thoughts)

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mô tả vắn tắt nội dung:

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Các môn khoa học xã hội và nhân văn, quản trị và kinh tế

6. PE008IU - Tư duy phản biện (Critical Thinking)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp sinh viên những kiến thức nền về tư duy phản biện. Khóa học cung cấp kỹ năng hữu ích đối với mọi đối tượng ngành nghề.

7. BA117IU - Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Các kiến thức trong chủ đề này sẽ cho phép sinh viên hiểu biết không chỉ các khái niệm về kinh tế và nguồn lực khan hiếm, về thị trường và các thành tố của nó mà còn có thể đánh giá những dạng cấu trúc thị trường khác nhau cũng như các can thiệp của chính phủ vào thị trường. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những khả năng cần thiết để đánh giá các yếu tố về hiệu quả của nền kinh tế. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách chính phủ.

8. BA119IU - Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macroeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức để hiểu biết về các chủ đề rộng về kinh tế của một quốc gia hay một khu vực và đánh giá những chính sách kinh tế vĩ mô cũng như những thay đổi của nền kinh tế cả trên phạm vi quốc gia và thế giới. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng cần thiết để đánh giá các hợp phần kinh tế như một tổng thể. Tất cả các khái niệm và kiến thức này giúp cho sinh viên lập kế hoạch cho một doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn phát triển một cách hiệu quả hơn nhờ vào việc xem xét các ảnh hưởng của chính sách vĩ mô của chính phủ.

9. BA118IU - Tâm lý học (Introduction to Psychology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học giới thiệu các nguyên tắc và lý thuyết bao gồm cả phương pháp luận và những phân tích vắn tắt về những nội dung của các lĩnh vực từ phát triển, nhận thức và học tập về động cơ, cảm xúc, cá nhân và quá trình xã hội.

10. BA197IU - Xã hội học (Introduction to Sociology)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những hiểu biết nền tảng về bản chất của Khoa học xã hội. Nội dung môn học giới thiệu về lĩnh vực xã hội học và những chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản lý và kinh doanh cũng như xã hội hiện đại. Môn học này khuyến khích sự phát triển nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp luận của nghiên cứu khoa học xã hội.

11. PE007IU - Địa lý kinh tế thế giới (World Economic Geography)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới trong thời đại toàn cầu hoá. Trên thế giới, khuynh hướng thương mại toàn cầu đang gia tăng, địa lý kinh tế thế giới là rất cần thiết cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ

Môn học cung cấp những khái niệm và thuật ngữ rất căn bản trong nghiên cứu về địa lý kinh tế. Giảng viên sẽ nhấn mạnh vào những thay đổi địa lý trong kinh tế thế giới. Chúng ta sẽ xem xét tổ chức địa lý của hoạt động kinh tế trên thế giới trên những qui mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực, vùng, địa phương) cũng như mối liên hệ giữa điều kiện địa lý và sự phát triển kinh tế trong những trạng thái khác nhau.

12. PE010IU - Lịch sử và văn hoá Việt Nam (Vietnamese History and Culture)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những phương pháp cần thiết để nhận thức sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hoá của Việt Nam. Nâng cao nhận thức của sinh viên về văn hoá, xã hội, lịch sử của Việt Nam.

13. PE021IU - Pháp Luật Đại Cương (General Law)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về hệ thống Luật Việt nam và các luật mà chúng qui định những vấn đề lớn và chủ yếu về dân sự, hành chính, và những mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa con người với chính quyền. Những nhánh chính của luật như hiến pháp, hành chính, dân sự, hình sự, lao động, kinh doanh sẽ được giới thiệu chi tiết hơn trong môn học này.

Các môn khoa học tự nhiên

14. BA282IU – Toán trong kinh doanh (Mathematics for Business)

Số tín chỉ: 4 (4,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vector và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

15. BA080IU - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for business)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học “Thống kê trong Kinh doanh” giới thiệu cho sinh viên các khái niệm và quy trình cơ bản về thống kê có thể được áp dụng trong kinh doanh. Môn học này bao gồm những phần cơ bản sau: thống kê mô tả, khái niệm cơ bản về xác suất, các phân bố xác suất rời rạc và liên tục, phân bố mẫu, khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê, kỹ thuật phân tích phương sai, và hồi quy bội.

16. BA120IU - Tin học quản lý (Business Computing Skills)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu xử lý thông tin của doanh nghiệp. Môn học này còn phát triển kỹ năng xử dụng một số phần mềm cơ bản giúp nhà quản trị gia tăng năng suất, bao gồm Microsoft PowerPoint, Microsoft Excel, Microsoft Word và sử dụng thư điện tử.

Các môn ngoại ngữ

17. EN008IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng nghe) (Academic english 1-Listening Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Có TOEFL iBT ≥ 61 , IELTS ≥ 6.0

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng ghi chép tiếng anh một cách hữu hiệu, để cho sinh viên có thể theo đuổi các môn học khác trong suốt chương trình học mà không có bất kỳ khó khăn nào. Môn học này được thiết kế theo hướng thuyết giảng trong đó thuyết giảng và quy trình học tập được xây dựng trên bài giảng dựa trên các chủ đề đa dạng khác nhau bao gồm kinh doanh, khoa học và nhân loại.

18. EN007IU - Tiếng anh chuyên ngành 1 (Kỹ năng viết) (Academic english 1-Writing Skills)

Số tín chỉ: 2

Điều kiện tiên quyết: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6.0

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp cho sinh viên với sự hướng dẫn toàn diện và thông lệ trong kỹ năng viết tiểu luận, bao gồm chuyển đổi ý tưởng thành những chức năng khác nhau của viết học thuật như là mô tả quá trình, nhân quả, so sánh-đối chiếu, tranh luận, và tiểu luận tổng hợp ý tưởng. Trong xuyên suốt môn học, sinh viên được yêu cầu đọc các văn bản bằng tiếng anh ở mức độ đại học để phát triển khả năng đọc phản biện và phản hồi một cách chính xác, mạch lạc và học thuật khi viết văn. Mặc dù khoá học cung cấp cho sinh viên với kỹ năng viết quan trọng như là brainstorming, kiểm tra, ghi chép và biên tập, môn học này cũng chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng để sinh viên có thể tham gia môn học Academic English 2 (kỹ năng viết).

19. EN012IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng nói) (Academic english 2-Speaking Skills)

SỐ TÍN CHỈ: 2

ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6.0

Mô tả vắn tắt nội dung:

Trình bày bằng tiếng anh đã trở thành một kỹ năng thiết yếu cho sinh viên để thành công không chỉ ở đại học nhưng cũng thành công trong công việc ở tương lai. Tuy nhiên, trình bày bằng tiếng anh có thể được xem như là một công việc đầu đầu, nhất là khi phải trình bày bằng tiếng nước ngoài. Tiếng anh chuyên ngành 2 (kỹ năng nói) cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thuyết trình một cách hữu hiệu. Để làm được chuyện này, môn học này bao phủ những khía cạnh khác nhau của việc trình bày bằng tiếng anh: lập và lên kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng những hỗ trợ về hình ảnh hữu hiệu, xây dựng sự tự tin, thể hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết với các câu hỏi và phản hồi.

20. EN011IU - Tiếng anh chuyên ngành 2 (Kỹ năng viết) (Academic english 2-Writing Skills)

SỐ TÍN CHỈ: 2

ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Academic English 1)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về việc viết một bài báo nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của tổng quát hoá, định nghĩa, phân loại, và cấu trúc của một bài báo nghiên cứu khoa học cho sinh viên học ở trình độ đại học. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên với những phương pháp phát triển và trình bày sự tranh luận, so sánh và đối chiếu. Sinh viên được yêu cầu làm việc trên những công việc được giao để tối đa hoá việc giao tiếp với giảng viên bằng phương pháp viết và hi vọng sinh viên sẽ trở thành người viết có đủ năng lực trong một loại cụ thể: bài báo nghiên cứu khoa học.

Bởi vì kỹ năng viết là một phần của kỹ năng chính yếu của đọc và viết ở nơi mà đọc phục vụ như là đầu vào để chăm ngời sự viết, môn học này được thiết kế để làm quen sinh viên mà ngôn ngữ chính không phải là tiếng anh với cơ sở lý thuyết học thuật trong việc học chuyên ngành của họ bằng cách cho sinh viên đọc một cách phản biện đối với tài liệu đến từ những

chủ đề khác nhau từ khoa học tự nhiên ví dụ như sinh học tới khoa học xã hội và nhân văn như là giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH

21. BA256IU - Workshop 1

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời

22. BA005IU – Kế toán tài chính (Financial Accounting)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục đích và mục tiêu của môn học này chuẩn bị cho sinh viên (1) hoàn thành các yêu cầu về bằng cấp; (2) đạt được hoặc cải thiện các kỹ năng kiểm việc; (3) đạt được những tiêu chuẩn cho những công việc kinh doanh hoặc những công việc có liên quan đến kế toán; (4) trở thành những nhà khởi nghiệp; (5) đạt được những mục đích cá nhân; và/hoặc (6) hiểu báo cáo tài chính và những quy trình kế toán căn bản.

23. BA115IU - Quản trị kinh doanh đại cương (Introduction to Business Administration)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này kiểm tra vai trò của kinh doanh đối với xã hội; các hoạt động có liên quan chéo thông qua đó việc làm kinh doanh cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết đối với xã hội đương đại; và các mối tương quan giữa việc làm kinh doanh và chính quyền, người lao động, và xã hội rộng lớn. Các lĩnh vực chung của nghiên cứu tập trung vào: nền tảng của kinh doanh, sự quản trị các tập đoàn, các hoạt động tiếp thị, các vấn đề phát triển và kinh doanh đương đại.

24. BA003IU - Nguyên lý tiếp thị (Principles of Marketing)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giúp trang bị cho sinh viên những kiến thức và thông tin cơ bản về Tiếp thị. Cụ thể là hiểu được nhu cầu thị trường, hành vi khách hàng, chiến lược Tiếp thị của doanh nghiệp về sản phẩm, giá cả, phân phối, khuyến mãi... Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên các phương pháp để nghiên cứu thị trường, phân tích các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến các hoạt động Tiếp thị.

25. BA020IU - Đạo đức kinh doanh (Business Ethics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của môn học này nhằm truyền đạt sự hiểu biết về lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững. Sinh viên được học về các đặc điểm của các phạm trù đạo đức trong kinh doanh. Sinh viên sẽ làm quen với những lý thuyết chung của

đạo đức kinh doanh như : lý thuyết về đạo đức, thuyết về các bên liên quan, lý thuyết về trách nhiệm, khởi nghiệp bền vững, những vấn đề về quyền con người, cũng như các lý thuyết và thực tiễn trong việc thực hành đạo đức kinh doanh. Sinh viên cũng tiếp thu được những khả năng để xử lý những tình huống đạo đức tiến thoái lưỡng nan một cách có hệ thống. Kết quả kỳ vọng của môn học là sinh viên có ý niệm đúng đắn về những vấn đề đang xảy ra trong kinh doanh ngày nay liên quan đến đạo đức kinh doanh và kinh doanh bền vững, những hiểu biết cơ bản về thuyết đạo đức và ứng dụng trong kinh doanh, những kỹ năng để phân tích sự tiến thoái lưỡng nan về phạm trù đạo đức, kiến thức về những phương thức và công cụ để quản lý đạo đức.

26. BA068IU - Kinh tế quốc tế (*International Economics*)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics - BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Students will learn the basic concepts and real practical considerations governing International Economic and Trading Relations: national accounting system, international money supply demand impact on country interest and exchange rates, trading block formation such as European Community, ASEAN, NAFTA, WTO and other trading pacts on national and international economies. Focus would be on Vietnam in the age of globalization and economic integration.

27. BA130IU - Hành vi tổ chức (*Organizational Behavior*)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế để cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những hành vi của con người trong tổ chức ảnh hưởng đến việc quản lý nhân viên cũng như thành tích, ra quyết định, lập kế hoạch và thành tích công tác cũng như sự phát triển của tổ chức. Nó bao gồm hầu hết tất cả khía cạnh của đời sống một tổ chức: sự lãnh đạo, quyền lực, mệnh lệnh và điều khiển, văn hóa tổ chức và sự thay đổi.

28. BA016IU – Nguyên lý Quản trị Tài chính (*Fundamental of Financial Management*)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kế Toán Tài chính (Financial Accounting – BA184IU/BA005, hoặc Financial Accounting 1 - BA283IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Kiến thức về tài chính rất có ích cho các nhà quản lý trong bất kỳ hình thức kinh doanh nào. Môn học này được thiết kế như là một môn học tài chính nhập môn và là môn tiên tiên quyết để học môn Tài chính doanh nghiệp mà môn này hướng dẫn sâu hơn về các chủ đề liên quan đến tính toán. Nội dung của môn học này kết hợp cả vừa lý thuyết vừa tính toán.

Môn học còn cung cấp các khái niệm cơ bản về giá trị tiền tệ, giá trị và lợi nhuận, chi phí vốn và sử dụng vốn. Sinh viên sẽ biết thị trường vốn hoạt động như thế nào, các loại chứng khoán và các công cụ tài chính hiện hành, và làm thế nào để quản lý dòng tiền. Quản lý rủi ro và vốn lưu động, đòn bẩy, dự báo và phân tích báo cáo tài chính và các chỉ số. Môn này có thể cung cấp cho sinh viên các kỹ năng toán tài chính cơ bản và là môn học nhập môn vững chắc cho môn quản lý tài chính.

29. BA081IU - Luật kinh doanh (*Business Law*)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật Đại Cương (General Law – PE021IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu chung về môi trường pháp lý ảnh hưởng đến các cá nhân, thương nhân và các giao dịch thương mại. Sinh viên sẽ được làm quen và từ đó hiểu được các hình thức và quy định pháp lý về doanh nghiệp, các nguyên tắc cơ bản về luật hợp đồng, trong đó bao gồm giao kết, thực hiện, vi phạm và các chế tài áp dụng cho vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, môn học sẽ xem xét các nguyên tắc cơ bản của pháp quy về trách nhiệm sản phẩm, bất động sản, giao dịch có bảo đảm và luật phá sản.

30. EFA209IU - Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Method in Economic Issues)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê trong kinh doanh (Statistics for business – BA080IU), Toán trong kinh doanh (Maths for business – BA282IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên làm quen với một số chủ đề quan trọng trong lĩnh vực chung của phương pháp nghiên cứu trong kinh tế theo một phương pháp đơn giản và đầy đủ thông tin. Các chủ đề bao gồm vai trò và tầm quan trọng của nghiên cứu, lựa chọn vấn đề, lấy mẫu, đo lường, thu thập dữ liệu, mô tả và diễn dịch thống kê, nghiên cứu thực nghiệm và phi thực nghiệm, nghiên cứu bán-thực nghiệm, viết và trình bày một nghiên cứu. Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức vững chắc để triển khai một bài báo nghiên cứu khoa học và gửi đến một tạp chí khoa học chuyên khảo.

CÁC MÔN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

CÁC MÔN BẮT BUỘC

31. EFA201IU – Kinh tế vi mô 2 (Intermediate Microeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn Kinh Tế Vi Mô II được thiết kế để nghiên cứu các lý thuyết về cung và cầu, các quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất, chính sách giá của công ty, thị trường sản phẩm và tài nguyên trong điều kiện cạnh tranh hoàn hảo và không hoàn hảo, và thông tin không hoàn hảo và bất cân xứng.

32. EFA202IU – Kinh tế vĩ mô 2 (Intermediate Macroeconomics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô (Introduction to Macroeconomics – BA119IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học nghiên cứu toàn bộ nền kinh tế, bao gồm tăng trưởng thu nhập, thay đổi giá cả và tỷ lệ thất nghiệp. Mục tiêu của môn học nhằm tăng sự hiểu biết về các chủ đề kinh tế vĩ mô, ví dụ như điều gì quyết định tăng trưởng kinh tế, hậu quả của biến động kinh tế là gì, và các yếu tố ngắn hạn và dài hạn quyết định đến tổng thu nhập, tiền lương, tỷ giá hối đoái, lạm phát, lãi suất, và tỷ lệ thất nghiệp.

33. EFA203IU – Nhập môn Kinh tế lượng (Introductory Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Nhập môn Kinh tế lượng giới thiệu việc sử dụng kinh tế lượng để khám phá và ước tính các mối quan hệ kinh tế bằng cách sử dụng các mô hình hồi quy tuyến tính. Môn học sẽ cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về các phương pháp để lập mô hình mối quan hệ qua lại giữa các biến và chuẩn bị cho các nghiên cứu sâu hơn về kinh tế lượng.

34. EFA204IU – Kinh tế lượng chuỗi thời gian (Time Series Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học Kinh Tế Lượng Chuỗi Thời Gian cung cấp phần giới thiệu bao quát, hoàn chỉnh, và có hệ thống về các mô hình kinh tế lượng tài chính và các ứng dụng của các mô hình này để mô hình hóa và dự đoán dữ liệu chuỗi thời gian trong tài chính. Môn học sử dụng các ví dụ thực tế và dữ liệu tài chính thực để áp dụng các mô hình và phương pháp chuỗi thời gian.

35. EFA206IU – Kinh tế môi trường (Environmental Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này nghiên cứu sự phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế và môi trường. Các quan điểm trái chiều về cả kinh tế và môi trường đều được trình bày. Môn học xem xét kỹ lưỡng lý thuyết và chính sách kinh tế đối với môi trường và nhiều nghiên cứu liên quan điển hình.

36. EFA207IU – Kinh tế phát triển (Development Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô hoặc Kinh tế vĩ mô (Introduction to Microeconomics hoặc Introduction to Macroeconomics – BA117IU hoặc BA119IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này được thiết kế để trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về nguyên nhân và hậu quả của các mô hình tăng trưởng và phát triển không đồng đều, các đặc điểm cấu trúc điển hình của nền kinh tế ở các nước đang phát triển, các chính sách có thể áp dụng ở các nước kém phát triển và cách đo lường tác động của chúng.

37. EFA208IU – Kinh tế lao động (Labor Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu về kinh tế lao động với trọng tâm là lý thuyết kinh tế vi mô ứng dụng và phân tích thực nghiệm. Các chủ đề sẽ được đề cập bao gồm: cung và cầu lao động, thuế và chuyển nhượng, lương tối thiểu, nhập cư, vốn nhân lực, giáo dục, bất bình đẳng, phân biệt đối xử, công đoàn và đình công, và thất nghiệp.

38. IT149IU – Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này tập trung vào những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình. Môn học giúp sinh viên làm quen với ngôn ngữ lập trình Python, bao gồm các cấu trúc dữ liệu cơ bản, luồng điều khiển, module và giới thiệu về OPP trong Python.

39. IT162IU – Nền tảng học máy với ứng dụng trong kinh tế (Machine Learning Platforms with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications – IT149IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực tế để phát triển nhiều mô hình học máy bằng cách sử dụng các nền tảng học máy phổ biến. Môn học tập trung vào các

phương pháp ứng dụng dựa trên máy học như NLP, hình ảnh y khoa, phân tích chuỗi thời gian, ... Mục tiêu chung của môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật học máy một cách bao quát nhưng không chuyên sâu, và chủ yếu là cách tiếp cận dựa trên công nghệ.

40. IT138IU – Trực quan hoá và khoa học dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Data Science and Visualization with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Mục tiêu của khóa học này là giới thiệu cho sinh viên các nguyên lý cơ bản, các phương pháp và kỹ thuật trực quan hóa dữ liệu một cách hiệu quả. Khóa học bắt đầu với các mục tiêu và nguyên lý chính của trực quan hóa dữ liệu. Khóa học tiếp tục với các khía cạnh khác của trực quan hóa bao gồm cả kỹ thuật và phương pháp để trình bày các loại dữ liệu khác nhau. Xuyên suốt khóa học, học viên sẽ được giới thiệu với nhiều hệ thống và công cụ trực quan hóa để phân tích dữ liệu.

41. IT079IU – Nguyên lý quản trị cơ sở dữ liệu với ứng dụng trong kinh tế (Principles of Database Management with Economic Applications)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lập trình với ứng dụng trong kinh tế (Fundamentals of Programming with Economic Applications – IT149IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này giới thiệu cho sinh viên nguyên lý cơ bản của thiết kế cơ sở dữ liệu và các khái niệm liên quan. Khóa học đồng thời giới thiệu các kỹ thuật thiết kế cơ sở dữ liệu như thiết kế quan hệ và phân tích E-R. Cách thức truy vấn cơ sở dữ liệu sử dụng SQL cũng được trình bày trong các bài giảng và được hỗ trợ bởi các bài tập thực hành.

42. EFA230IU - Workshop 2 on Economic Issues.

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên cơ hội để tiếp xúc thực tế với những công việc và dự án mà sinh viên ngành kinh tế sẽ phải đối mặt khi đi làm thực tế. Xuyên suốt khóa học, những diễn giả sẽ trình bày “Những công việc dở dang” và “chia sẻ kinh nghiệm”. Bằng cách này sinh viên sẽ mở rộng kiến thức kinh tế và ứng dụng của phân tích dữ liệu trong việc ra quyết định kinh doanh và hiểu sâu hơn về con đường phát triển nghề nghiệp của mình. Để đánh giá môn học, sinh viên được yêu cầu phải nộp 3 báo cáo ngoại khoá đối với 3 chủ đề được diễn giả trình bày.

CÁC MÔN TỰ CHỌN

43. EFA210IU – Kinh tế học thực nghiệm (Experimental Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Thí nghiệm đang ngày càng được sử dụng nhiều trong kinh tế học để nghiên cứu hành vi của con người. Trong khóa học này, học sinh sẽ học cách để thiết kế các thí nghiệm và giải thích các kết quả của chúng.

44. EFA211IU – Kinh tế học hành vi (Behavioral Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Kinh tế học hành vi kết hợp nguyên lý kinh tế và tâm lý để giải thích các hành vi kinh tế. Có hai dòng công việc chung trong Kinh tế học hành vi: Lý thuyết quyết định hành vi (BDT) và lý thuyết trò chơi hành vi (BGT). BDT xác định và giải thích các hành vi lựa chọn không nhất quán trong việc ra quyết định cá nhân. Khóa học này tập trung vào Lý thuyết quyết định hành vi (BDT).

45. EFA212IU – Lý thuyết trò chơi và chiến lược doanh nghiệp (Game Theory and Business Strategy)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô (Introduction to Microeconomics – BA117IU)

Mô tả văn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu về Lý thuyết trò chơi. Khóa học này thiết kế để khám phá những công cụ và khái niệm của lý thuyết trò chơi và xác định một số tình huống kinh doanh thực tế nơi những kiến thức và công cụ của Lý thuyết trò chơi có thể hữu ích trong việc hỗ trợ ra quyết định cho người quản lý. Khóa học là nền tảng cho sự hiểu biết về chiến lược kinh doanh hiện đại.

46. EFA213IU – Kinh tế học tài chính (Financial Economics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô và Toán trong kinh doanh (Introduction to Microeconomics and Maths for Business – BA117IU and BA282IU)

Mô tả văn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu về khía cạnh cơ bản của hệ thống tài chính với những tiến bộ đột phá trong lý thuyết và thực hành trong những thập kỷ qua. Khóa học này giới thiệu các nguyên lý mô hình phân tích tài chính hiện đại và ứng dụng của chúng để giải quyết các thách thức trong kinh doanh.

47. EFA205IU – Kinh tế lượng số liệu bảng (Panel Data Econometrics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Thống kê ứng dụng trong kinh doanh (Statistics for Business – BA080IU)

Mô tả văn tắt nội dung:

Khóa học này cung cấp tổng quan về lý thuyết và các mô hình kinh tế lượng khi phân tích dữ liệu bảng.

48. EFA214IU – Phân tích dữ liệu marketing (Marketing Analytics)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô và Toán trong kinh doanh (Introduction to Microeconomics and Maths for Business – BA117IU and BA282IU)

Mô tả văn tắt nội dung:

Khóa học này giới thiệu cho sinh viên các công cụ, phương pháp phân tích Marketing. Sinh viên sẽ được trang bị các công cụ, phương pháp phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ hoạch định các chiến lược marketing hiệu quả, bao gồm: xác định phân khúc, thị trường mục tiêu, định vị thương hiệu, sự hài lòng, phân tích vòng đời khách hàng, sự lựa chọn của khách hàng, sản phẩm và giá cả.

49. BA051IU – Quản trị tài chính quốc tế - International Financial Management

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý Quản trị tài chính (Fundamental of Financial Management – BA016IU)

Mô tả văn tắt nội dung:

Chủ đề này giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính trong bối cảnh quốc tế. Nó sẽ giới thiệu tỷ giá hối đoái vào phương trình, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố có

thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nó sẽ xem xét các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái. Nó cũng sẽ bao gồm một loạt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa của thị trường vốn, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn, cấu trúc vốn và tái cơ cấu.

50. BA213IU Corporate Governance

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Quản trị doanh nghiệp đề cập đến quyền sở hữu, kiểm soát và trách nhiệm của các tập đoàn. Nó đã trở thành một vấn đề quan trọng hiện nay với các mối quan tâm như: các công ty đang mang lại lợi ích cho những ai; cơ chế nào được đưa ra để đảm bảo rằng lợi ích của cổ đông được đảm bảo an toàn; cơ sở nào là thích hợp cho việc thiết lập mức lương cho cấp quản lý; và tại sao mặc dù nhiều quy trình thủ tục và hành động quản lý tốt đã được đưa ra áp dụng chính thức, mọi việc vẫn đi sai hướng và dẫn đến sự sụp đổ của công ty trong một số trường hợp và thất bại của sự tự tin trong việc quản lý công ty nói chung?

51. EFA231IU - Thực tập 1 (Internship 1)

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là ước lượng tùy vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

52. EFA232IU - Luận văn tốt nghiệp (Thesis)

Số tín chỉ: 12 (12,0)

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế (Research Method in Economic Issues – EFA209IU), Thực tập định hướng 1 (EFA231IU)

Mô tả vắn tắt nội dung:

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng.

TRƯỜNG KHOA

Trịnh Quốc Đạt



Đinh Đức Anh Vũ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục I

**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KINH TẾ KHÓA 2024 SO VỚI KHÓA 2023**

(Đính kèm Quyết định số 767/QĐ-ĐHQT ngày 09 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

- 1. Các môn học loại bỏ khỏi chương trình đào tạo**
Không có nội dung điều chỉnh
- 2. Các môn học bổ sung vào chương trình đào tạo**
Không có nội dung điều chỉnh
- 3. Điều chỉnh khác**
Không có nội dung điều chỉnh
- 4. Hướng xử lý cho các sinh viên khóa cũ khi chưa học các môn học bị loại bỏ khỏi chương trình đào tạo**
Không có nội dung điều chỉnh

ĐẠI HỌC QUỐC GIA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQT ngày 09 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Triết học Mác-Lênin
(Philosophy Marx – Lenin)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Triết học Mác-Lênin
Tên môn học (tiếng Anh):	Philosophy Marx – Lenin
Mã số môn học:	PE015 IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	3
Số tiết lý thuyết:	30 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	15 (trên lớp)
Số tiết tự học:	90 (về nhà)
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

- 2.1. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin.
- 2.2. Giúp cho sinh viên vận dụng những tri thức về thế giới quan, phương pháp luận triết học triết học Mác – Lênin một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb.



Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương (2008), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (L/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	LO.1.1 - Khái lược được triết học, một số khái niệm cơ bản trong triết học LO.1.2 – Nhận biết được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học LO.1.3 – Nắm được chủ nghĩa duy vật biện chứng – hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng LO.1.4 – Nắm rõ được sự ra đời, đối tượng, chức năng và vai trò của triết học Mác - Lênin	2.1	1.1.3	I3
LO.2	CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	LO.2.1- Hiểu rõ vật chất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng LO.2.2 – Hiểu rõ ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng LO.2.3 – Giải quyết được mối quan hệ giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng LO.2.4 – Hiểu được phép biện chứng và phép biện chứng duy vật	2.1 2.1 2.1 2.1	1.1.3	T4



		LO.2.5 – Hiểu rõ được hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận của từng nguyên lý	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.2.6 – Hiểu rõ được các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận từng cặp phạm trù	2.1 2.2		
		LO.2.7 - Hiểu rõ được các quy luật cơ bản của cơ bản của phép biện chứng duy vật và rút ra ý nghĩa phương pháp luận từng quy luật	2.1 2.2		
		LO.2.8 - Hiểu rõ được thực tiễn, nhận thức, vai trò của thực tiễn đối với nhận thức và chân lý	2.1		
LO.3	CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	LO.3.1 - Hiểu rõ được vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.3.2 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất			
		LO.3.3 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT; sự phát triển tự nhiên của các hình thái KT-XH			
		LO.3.4 - Hiểu rõ được giai cấp, đấu tranh giai cấp; dân tộc và mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại			
		LO.3.5 - Hiểu rõ được nhà nước và mạng xã hội			
		LO.3.6 - Hiểu rõ được mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội			



		LO.3.7 - Hiểu rõ được con người, bản chất con người; hiện tượng tha hóa và giải phóng con người; mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, vai trò của quần chúng nhân dân			
5.2. Kỹ năng					
LO.4	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHÂN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.4.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra <i>Từ khóa tri thức</i> đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.4.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phân biệt, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.4.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4
5.3. Thái độ					
LO.5	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.5.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng, nhân văn của CN Mác – Lênin LO.5.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng LO.5.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận dụng nó trong cuộc sống.	2.1 2.2	3.1	U3



6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.4;	Dạy: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2 (15 tiết)	Chương 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI	LO.1; LO.4 LO.5	Dạy: I. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC 1. Khái lược về triết học 2. Vấn đề cơ bản của triết học 3. Biện chứng và siêu hình II. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin 3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	Thi giữa kỳ (Quiz)
3 (15 tiết)	Chương 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: I. VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC 1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức II. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)



			vật III. LÝ LUẬN NHẬN THỨC 1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức 3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức 4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 5. Chân lý Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	
4 (14 tiết)	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ	LO.3 LO.4 LO.5	Dạy: I. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên II. GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC 160 1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 2. Dân tộc 3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại III. NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI 1. Nhà nước 2. Cách mạng xã hội IV. Ý THỨC XÃ HỘI 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội V. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 1. Khái niệm con người và bản chất con người 2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3. Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 4. Vấn đề con người trong sự nghiệp	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



			cách mạng ở Việt Nam	
			Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp	
			Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình	

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.2 LO.3 LO.4 LO.5
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	20%	Tự luận đề mở	LO.1 LO.2;
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.4 LO.5
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.2; LO.3; LO.4;
			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	Nhận biết được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học; vai trò của triết học Mác - Lênin	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV



LO.2 LO.4	Nắm rõ nội dung: Vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa chúng; các nguyên lý, các quy luật và các phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn

- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

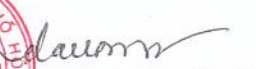
Tuần 4 (buổi thứ 4) thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

 
TS. Nguyễn Đình Quốc Cường



ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐẠI HỌC QUỐC TẾ
KHOA KINH TẾ, TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE016IU - KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Kinh tế chính trị Mác-Lênin
(Marxist – Leninist Political Economy)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên môn học (tiếng Anh):	Marxist – Leninist Political Economy
Mã số môn học:	PE016 IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	20 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	10 (trên lớp)
Số tiết tự học:	60 (về nhà)
Môn học song hành:	1. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách:	Khoa Chính trị - Hành chính, DHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

- 2.1. Một là, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bớt những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học không chuyên lý luận.
- 2.2. Hai là, trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
- 2.3. Ba là, góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lê nin đối với sinh viên.



3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Tài liệu bắt buộc: Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin dành cho bậc đại học không chuyên kinh tế chính trị.
- Tài liệu đọc thêm::
 - + Robert, JR và Robert F. Hebert (2003), Lịch sử các học thuyết kinh tế, Bản tiếng Việt, Nxb Thống kê.
 - + Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Lý luận Chính trị.
 - + Các. Mác – Ph. Ăng gen: Toàn tập, tập 20, tập 23, tập 25, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.
 - + V.I.Lênin toàn tập, tập 3, tập 27, NXB Tiến bộ Maxcova, 1976.
 - + Davig Begg, Stanley Fisher, Rudiger Dornbusch, Kinh tế học, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội 1992.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận – thực tiễn qua ba mươi năm đổi mới (1986 – 2016), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 - + Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 về: “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”
 - + Chỉ thị số 16/CT-TTg (2017) “về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”.
 - + Jeremy Rifkin (2014), Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, bản dịch tiếng Việt, NXB Lao động xã hội.
 - + Manfred B. Steger (2011), Toàn cầu hóa, Nxb Tri thức.



- + Klaus Schwab (2015): Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, 2018.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTBT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1.1 – Nắm được sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin LO.1.2 – Xác định được đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin. LO.1.3 – Hiểu rõ được phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác – Lênin LO.1.4 – Hiểu rõ các chức năng của môn học kinh tế chính trị Mác – Lênin.	2.1		I3
LO.2	HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	LO.2.1- Hiểu rõ sản xuất hàng hóa và điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa LO.2.2 – Hiểu rõ hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa và mối quan hệ giữa hai thuộc tính LO.2.3 – Hiểu rõ mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa LO.2.4 – Hiểu rõ mặt chất và lượng của giá trị hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa LO.2.5 – Hiểu rõ được nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ. LO.2.6 – Hiểu rõ về thị trường, vai trò của thị trường, cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.	2.1		T4



		LO.2.7 - Hiểu rõ được một số quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường.			
		LO.2.8 - Hiểu rõ vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.			
LO.3	GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.3.1 – Hiểu rõ được tư bản là gì, công thức chung của tư bản và mâu thuẫn công thức chung của tư bản.	2.1		
		LO.3.2 - Hiểu rõ được hàng hóa sức lao động là gì, tại sao nghiên cứu hàng hóa sức lao động giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản	2.1		
		LO.3.3 - Hiểu rõ được giá trị thặng dư là gì. Xác định được có mấy phương pháp sản xuất giá trị thặng dư.	2.1 2.3		
		LO.3.4 - Hiểu rõ được bản chất của tích lũy tư bản, nhưng nhân tố làm tăng quy mô tích lũy tư bản và hệ quả của tích lũy tư bản.	2.3		
		LO.3.5 - Hiểu rõ được các khái niệm: chi phí sản xuất, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận.	2.1		
		LO.3.6 - Hiểu rõ được lợi tức là gì.	2.1		
		LO.3.7 - Hiểu rõ được địa tô tư bản chủ nghĩa. Có mấy loại địa tô tư bản chủ nghĩa và giá cả ruộng đất.	2.1 2.3		
		LO.4.1 – Hiểu rõ được quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1		

LO.4	CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4.2 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2.1.	T3
		LO.4.3 - Hiểu rõ được những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản theo quan điểm của V.I. Lênin	2.1	
		LO.4.4 - Hiểu rõ được nguyên nhân hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	2.1	
		LO.4.5 - Hiểu rõ được bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước và những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.	2.3	
		LO.4.6 – Nắm được vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	2.1	
LO.5	KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5.1 – Hiểu rõ được khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	T4
		LO.5.2 - Hiểu rõ được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	
		LO.5.3 – Nắm được những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.	2.1	
		LO.5.4 – Hiểu rõ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là gì và sự cần thiết phải hoàn thiện nó.	2.1	
		LO.5.5 – Nắm được những nội dung cơ bản của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	2.1	
		LO.5.6 – Hiểu rõ được khái niệm lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế	2.2	
		LO.5.7 – Hiểu rõ được vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	2.1	
		LO.6.1 – Hiểu rõ được cách mạng công nghiệp là gì, khái quát được các cuộc cách mạng đã diễn ra trong lịch sử.	2.1	T4
		LO.6.2 - Hiểu rõ vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát	2.1	



LO.6	CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	triển.			
		LO.6.3 – Hiểu được công nghiệp hóa là gì và các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới.	2.1		
		LO.6.4 – Hiểu rõ tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.	2.1		
		LO.6.5 – Nắm được những nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.	2.1		
		LO.6.6 – Nắm được công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.	2.3		
		LO.6.7 – Hiểu rõ được hội nhập kinh tế quốc tế là gì. Vì sao hội nhập kinh tế quốc tế là sự cần thiết khách quan.	2.1		
		LO.6.8 – Nắm được những nội dung và tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế.	2.3		
		LO.6.9 – Nắm được phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	2.3		
5.2. Kỹ năng					
LO.7	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.7.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra Từ khóa tri thức đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống	2.1		U4
		LO.7.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn	2.2		
		LO.7.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.4		
5.3. Thái độ					
LO.8	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.8.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng, nhân văn của CN Mác – Lênin	2.1		U3
		LO.8.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng	2.2		
		LO.8.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận	2.3		

SÁNG
 KHOA
 NH TRI - HÀ
 ĐẠI

		dụng nó trong cuộc sống.			

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.7;	Dạy: - Tự giới thiệu về giảng viên - Giới thiệu đề cương và tài liệu môn học - Hướng dẫn cách thức dạy và học và cách đánh giá. - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2 (2 tiết)	Chương 1 ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN	LO.1; LO.7 LO.8	Dạy: I. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA KTCT MÁC – LÊNIN 1. Giai đoạn từ cổ đại đến thế kỷ 18 2. Giai đoạn từ sau thế kỷ 18 đến nay II. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phương pháp nghiên cứu 3. Mục đích nghiên cứu III. CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN. 1. Chức năng nhận thức 2. Chức năng thực tiễn 3. Chức năng tư tưởng 4. Chức năng phương pháp luận Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp. Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm	Thi giữa kỳ (Quiz)



			GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3 (6 tiết)	Chương 2 HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG.	LO.2 LO.7 LO.8	Dạy: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA. 1. Sản xuất hàng hóa - Khái niệm sản xuất hàng hóa - Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa. 2. Hàng hóa - Khái niệm hàng hóa - Hai thuộc tính của hàng hóa - Lượng giá trị và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa - Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa. 3. Tiền - Nguồn gốc và bản chất của tiền - Chức năng của tiền 4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt. II. THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG. 1. Thị trường - Khái niệm về thị trường - Vai trò của thị trường. - Cơ chế thị trường - Nền kinh tế thị trường. 2. Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. - Người sản xuất. - Người tiêu dùng. - Các chủ thể trung gian trong thị trường. - Nhà nước. Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)
4 (6 tiết)	Chương 3 GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.3 LO.7 LO.8	Dạy: I. LÝ LUẬN CỦA CÁC MÁC VỀ GIÁ TRỊ THẶNG DƯ. 1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 2. Bản chất của giá trị thặng dư 3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. II. TÍCH LŨY TƯ BẢN. - Bản chất của tích lũy tư bản - Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy.	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			- Một số hệ quả của tích lũy tư bản. III. CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN GIÁ TRỊ THặng DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lợi nhuận 2. Lợi tức 3. Địa tô tư bản chủ nghĩa Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 4	
5 (5 tiết)	Chương 4 CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG	LO.4 LO.7 LO.8	Dạy: I. QUAN HỆ GIỮA CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. II. ĐỘC QUYỀN VÀ ĐỘC QUYỀN NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG. 1. Lý luận của V.I. Lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền. - Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản 2. Lý luận của V.I. Lê nin về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Nguyên nhân ra đời và phát triển của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Bản chất của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản.. - Những biểu hiện chủ yếu của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. - Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6 (5 tiết)	Chương 5 KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	LO.5 LO.7 LO.8	Dạy: I. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. II. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



		THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM. 1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam một số khía cạnh chủ yếu. III. CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM. 1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. 2. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình Đọc trước tài liệu chương 6	
7 (5 tiết)	Chương 6 CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	LO.6 LO.7 LO.8 Dạy: I. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM. 1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa. - Khái quát về cách mạng công nghiệp - Công nghiệp hóa và các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. - Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4. II. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM. 1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. - Khái niệm và sự cần thiết khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế. - Những nội dung của hội nhập kinh tế quốc tế 2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. - Tác động tích cực. - Tác động tiêu cực 3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



		Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình.	

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.4 LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	20%	Tự luận đề mở	LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.7 LO.8
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.2 LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7 LO.8
			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá

LO.1	Nhận biết được vị trí của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong hệ thống lịch sử tư tưởng kinh tế và nắm được đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin.	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.7	Nắm rõ nội dung: sản xuất hàng hóa, điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa, chất và lượng của giá trị hàng hóa, mối quan hệ giữa tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa với hai thuộc tính của hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa, nguồn gốc ra đời, bản chất và chức năng của tiền. Thị trường, cơ chế thị trường, nền kinh tế thị trường và vai trò các chủ thể tham gia thị trường	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: tư bản là gì?. Công thức chung và mâu thuẫn công thức chung của tư bản. Hàng hóa sức lao động và tính chất đặc biệt của giá trị sử dụng hàng hóa sức lao động. Giá trị thặng dư và hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. Tích lũy tư bản và những nhân tố làm tăng quy mô tích lũy. Các khái niệm về chi phí sản xuất, lợi nhuận, lợi tức và địa tô tư bản chủ nghĩa	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.4 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Tổ chức độc quyền là gì?, nguyên nhân hình thành các tổ chức độc quyền. Những đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền theo quan điểm của V.I. Lênin. Lý luận về độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. Vai trò lịch sử	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV



	của chủ nghĩa tư bản.			
LO.5 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, những đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích.	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.6 LO.7	Hiểu rõ và nắm được những nội dung: cách mạng công nghiệp là gì? Vai trò của cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển. Công nghiệp hóa là gì?. Các mô hình công nghiệp hóa tiêu biểu trên thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam là gì. Tính tất yếu khách quan phải công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì, sự cần thiết khách quan phải hội nhập kinh tế quốc tế. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV



9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với giảng viên qua email: lethong0804@gmail.com
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

Tuần 4 (buổi thứ 4) thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



[Signature]

TS. Nguyễn Đình Quốc Cường





VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
PE017IU - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên môn học (tiếng Anh):	Scientific socialism
Mã số môn học:	PE01714
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	30 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	
Số tiết tự học:	60 (về nhà)
Môn học trước:	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 2. Triết học Mác - Lênin
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin).

2.2. Giúp cho sinh viên vận dụng những tri thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, nhằm giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ*



- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Hội đồng Trung ương (2008), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1.1 - Khái lược sự ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học, hoàn cảnh lịch sử và vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen, LO.1.2 – Nhận biết được các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học thể hiện qua các tác phẩm tiêu biểu từ giai đoạn C. Mác đến giai đoạn Lênin và sau Lênin LO.1.3 – Nắm rõ được đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.1	1.1.3	I3
LO.2	SỬ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2.1- Hiểu rõ khái niệm giai cấp công nhân và đặc điểm của giai cấp công nhân LO.2.2 – Nắm rõ nội dung, đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.3 – Giải thích được những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân LO.2.4 – Phân tích được những điểm tương đồng và khác biệt của giai cấp công nhân hiện nay và việc thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay LO.2.5 – Nắm rõ những đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam và nội dung sứ mệnh	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4



		lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay LO.2.6 – Trình bày được phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.	2.1 2.2		
LO.3	CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3.1 - Hiểu rõ Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa LO.3.2 – Trình bày được những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội LO.3.3 – Giải thích được tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.3.4 – Hiểu rõ đặc trưng của thời kỳ quá độ và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trình bày được những phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	2.1	1.1.3	I3
LO.4	DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.4.1 – Giải thích được quan niệm về dân chủ và sự ra đời và phát triển của dân chủ trong lịch sử xã hội loài người LO.4.2 – Nắm rõ quá trình ra đời và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa LO.4.3 – Hiểu được sự ra đời, bản chất và chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng như mối quan hệ giữa dân chủ và nhà nước LO.4.4 – Hiểu được sự ra đời, phát triển và bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam LO.4.5 – Trình bày được đặc điểm và các giải pháp cơ bản	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4

HỒ CHÍ MINH

		nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay			
LO.5	CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.5.1 - Trình bày được khái niệm cơ cấu xã hội - giai cấp và sự biến đổi của cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.2 - Giải thích được tính tất yếu và nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.5.3 - Hiểu rõ cơ cấu xã hội - giai cấp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, phát triển khối liên minh giai cấp, tầng lớp xã hội ở Việt Nam hiện nay	2.1	1.1.3	I3
LO.6	VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.6.1- Hiểu rõ khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Leenin về vấn đề dân tộc LO.6.2 - Trình bày được những đặc điểm cơ bản của dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam LO.6.3 - Hiểu được bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo và nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.6.4 - Giải thích được những đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng tôn	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1 2.2	1.1.3	T4



		giáo hiện nay	2.1 2.2		
		LO.6.5 – Hiểu rõ được đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam và trình bày được các định hướng cơ bản nhằm giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay			
LO.7	VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.7.1 - Khái lược được vị trí, chức năng và vai trò của gia đình trong xã hội LO.7.2 – Nhận biết được các cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội LO.1.3 – Giải thích được sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ và trình bày được những phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2.1	1.1.3	B3
5.2. Kỹ năng					
LO.8	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHÂN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.8.1. Có kỹ năng khái quát hóa để rút ra <i>Từ khóa tri thức</i> đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống LO.8.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phân biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.8.3. Có kỹ năng giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc	2.1 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4



5.3. Thái độ

LO.9	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.9.1. Có ý thức trách nhiệm bảo vệ tính khoa học, cách mạng trong lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. LO.9.2. Có ý thức, trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, cộng đồng. LO.9.3. Có nhận thức về sự cần thiết học tập, nghiên cứu suốt đời và vận dụng nó trong cuộc sống.	2.1 2.2	3.1	U3

6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

TT (tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1 (1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.4;	Dạy: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW) - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2	Chương 1 NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	LO.1; LO.4 LO.5	Dạy: 1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1.1.. Hoàn cảnh lịch sử sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Vai trò của C. Mác và Ăngghen 2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lenin qua đời đến nay 3. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ	Thi giữa kỳ (Quiz)

			nghĩa xã hội khoa học 3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3	Chương 2 SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LEENIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN 1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY 2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	Thi giữa kỳ (Quiz)
4	Chương 3 CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.4 LO.5	Dạy: 1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội công sản chủ nghĩa 1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 1.3. Những đặt trưng cơ bản của chủ	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi giữa



			nghĩa xã hội 2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.2. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 4	kỳ (Quiz)
5	Chương 4 DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM 3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
6	Chương 5 CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ	LO.3 LO.4 LO.5	Dạy: 1. CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã	Thuyết trình nhóm (GHW)



	ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI		hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội 1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM 3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 6	Thi cuối kỳ (FEX)
7	Chương 6 VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.2 LO.4 LO.5	Dạy: 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc 1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam 2. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo 2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 3. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM 3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 7	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)
8	Chương 7	LO.2	Dạy:	Thuyết

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.4 LO.5	1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH 1.1. Khái niệm gia đình 1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 2.3. Cơ sở văn hóa 3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 3.1. Sự biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình	trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	15%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi của GV	20%	Tự luận đề mở	LO.1 LO.2 LO.3
3	DIC	Thảo luận, chuyên cần tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận đề đóng	LO.3 LO.4 LO.5 LO.6 LO.7



			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	Nhận biết quá trình ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học và các giai đoạn phát triển cơ bản	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2 LO.4	Nắm rõ nội dung: quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	Chương 2	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể của Việt Nam	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi giữa kỳ (Quiz)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của GV
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng	Chương 4	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá	Chương 5	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp

HÀN

KHO

H. TRI - H.

ĐẠI

	độ lên chủ nghĩa xã hội			Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc, tôn giáo, mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo, tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, tôn giáo và nội dung chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam	Chương 6	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa
LO.3 LO.4	Nhận biết và nắm được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay.	Chương 7	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm, thảo luận tại lớp Ngân hàng đề thi của Khoa

9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho GV buổi 1.

Giảng dạy kết thúc chương 3, các nhóm thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV
- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối



thiếu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2019

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

))



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE018IU - LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
(History of Vietnamese communist party)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên môn học (tiếng Anh):	History of Vietnamese communist party
Mã số môn học:	PE018IU
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	20 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	10 (trên lớp)
Số tiết tự học:	90 (về nhà)
Môn học trước:	1. Triết học Mác – Lênin, 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. *Về nội dung*: cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

2.2. *Về tư tưởng*: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng.



2.3. *Về kỹ năng:* Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ban hành 2019.

- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	NHẬP MÔN ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	LO.1.1 – Hiểu được đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu và một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1	1.1.3	I3
LO.2	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	LO.2.1 – Hiểu được bối cảnh lịch sử tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam LO.2.2 – Hiểu được quá trình chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng của Nguyễn Ái Quốc	2.1 2.1	1.1.3	T4



		LO.2.3- Nắm được nội dung hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2.1		
		LO.2.4 – Hiểu được ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2.1		
		LO.2.5 – Nắm rõ các phong trào cách mạng 1930-1935 và các chủ trương khôi phục phong trào năm 1932-1935	2.1		
		LO.2.6 – Nắm rõ phong trào dân chủ năm 1936-1939			
		LO.2.7 – Nắm rõ phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945	2.1		
		LO.2.8 – Hiểu rõ tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945	2.1		
LO.3	ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	LO.3.1 – Hiểu được chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946	2.1	1.1.3	T4
		LO.3.2 – Hiểu rõ Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950	2.1		
		LO.3.3 – Hiểu rõ chủ trương Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950	2.1	1.1.3	T4
		LO.3.4 - Hiểu rõ được Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ			

		LO.3.5 – Nắm được quá trình lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 của Đảng			
		LO.3.6 – Nắm vững sự lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 của Đảng	2.1		
		LO.3.7 – Hiểu rõ Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975			
LO.4	ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)	LO.4.1 – Hiểu rõ chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 LO.4.2 – Nắm rõ nội dung Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 LO.4.3 – Nắm rõ quan điểm Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 của Đảng LO.4.4 – Nắm rõ thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	2.1 2.2	1.1.3	T4
		LO.4.5 - Hiểu rõ những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến 2018	2.1 2.2		
		LO.4.6 - Hiểu rõ những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến 2018			
5.2. Kỹ năng					



LO.5	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG KHÁI QUÁT HÓA, TƯ DUY, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.5.1. Rèn luyện năng lực tư duy độc lập trong nghiên cứu đường lối, chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng. LO.5.2. Có tư duy phê phán, kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những vấn đề liên quan đến môn học. Từ đó, vận dụng kiến thức đã học để chủ động, tích cực nhận thức những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. LO.5.3 Có kỹ năng viết, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả nghiên cứu.	2.1 2.2 2.3	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4
5.3. Thái độ					
LO.6	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.6.1. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam. LO.6.2. Quyết tâm phấn đấu thực hiện đường lối cách mạng của Đảng. LO.6.3. Có thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu khoa học, trong nhận thức về cuộc sống, xã hội, tự rèn luyện bản thân trở thành người có phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trình độ chuyên môn tốt; hình thành tình cảm, niềm tin vào con đường cách mạng mà dân tộc ta đã lựa chọn.	2.1 2.2 2.3	3.1	U3



6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1	Giới thiệu về môn học	LO.1, LO.5;	Dạy: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW) Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW)	
2	Chương nhập môn ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	LO.1;	Dạy: I. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Phạm vi nghiên cứu II. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2. Nhiệm vụ của môn học III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 1.	Thi giữa kỳ (Quiz)
3	Chương 1 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)	LO.2	Dạy: I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (THÁNG 2-1930) 1. Bối cảnh lịch sử 2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)

			đầu tiên của Đảng 4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG QUYỀN (1930-1945) 1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935 2. Phong trào dân chủ 1936-1939 3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 2	
4	Chương 2 ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)	LO.3 LO.5	Dạy: I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954) 1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946 2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946-1950 3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950 4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ Dạy: Chấm thuyết trình & phản biện Học ở lớp: Các nhóm thuyết trình tại lớp II. LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)



		CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975) 1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975 3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975 Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 2	
5	Chương 3 ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2018)	LO.4 LO.5 Dạy: I. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986) 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981 2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 Dạy: Chấm thuyết trình & phản biện Học ở lớp: Thảo luận tại lớp II. LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (1986-2018) 1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996 2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế 1996-2018 3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới TỔNG LUẬN	Thảo luận nhóm (DIC) Thi cuối kỳ (FEX)



		1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình	

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	20%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.3 LO.4 LO.5
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Thi theo đề thi chung	30%	Tự luận	LO.1 LO.2;
3	DIC	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	Cộng tối đa 1 điểm vào bài thi cuối kỳ	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	
4	FEX	Thi cuối kỳ	Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Trắc nghiệm	LO.2; LO.3; LO.4;
			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	- Nắm được đối tượng, mục đích học tập, nghiên cứu và một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu	Chương nhập môn	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV
LO.2	Hiểu rõ quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930),	Chương 1	Thi giữa kỳ (Quiz)	Ngân hàng đề thi của GV

	nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1930-1945)			
LO.3 LO.5	Nắm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước thời kỳ 1945-1975	Chương 2	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của GV
LO.4 LO.5	Hiểu được quá trình phát triển đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay. Từ đó rút ra được những thắng lợi và những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.	Chương 3	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class) Thi cuối kỳ (FEX)	Ngân hàng đề thi của GV



9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW

Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2.

Tuần 4 thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định sẽ bị cấm thi theo quy chế. Có đầy đủ điểm kiểm tra, điểm thi kết thúc học phần & nhiệt tình thảo luận, phát biểu xây dựng bài, nghiêm túc trong giờ học./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường





VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

PE019IU - TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

Tư tưởng Hồ Chí Minh
(Ho Chi Minh's Thoughts)

1. Thông tin chung

Tên môn học (tiếng Việt):	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tên môn học (tiếng Anh):	Ho Chi Minh's Thoughts
Mã số môn học:	PE0191U
Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở
Số tín chỉ:	2
Số tiết lý thuyết:	20 (trên lớp)
Số tiết thực hành:	10 (trên lớp)
Số tiết tự học:	90 (về nhà)
Môn học trước:	1. Triết học Mác – Lênin, 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin, 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
Giảng viên phụ trách	Khoa Chính trị - Hành chính, ĐHQG-HCM

2. Mục đích/mục tiêu môn học (Course Purposes/Aims)

2.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

2.2. Về kỹ năng: Giúp cho sinh viên khả năng tư duy, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

2.3. Về thái độ: Giúp sinh viên nâng cao về bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mô tả môn học (Course Outlines)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

4. Tài liệu phục vụ học tập:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Khoa Chính trị - Hành chính, DHQG-HCM, *Tài liệu hướng dẫn học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh*

- Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

- Hồ Chí Minh (2016), *Biên niên tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

5. Chuẩn đầu ra môn học (Course Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra	Mô tả	Tiêu chí đánh giá	Mục tiêu môn học	Chuẩn đầu ra CDIO CTĐT	Mức độ giảng dạy (I/T/U)
5.1. Kiến thức					
LO.1	KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO.1.1 – Nắm được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	2.1	1.1.3	I3
		LO.1.2 – Nắm rõ được đối tượng nghiên cứu.	2.1		
		LO.1.3 - Nắm được một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.1		
		LO.1.4 - Nắm được ý nghĩa học tập, nghiên cứu môn học tư tưởng đối với sinh viên.	2.1		
LO.2	CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO. 2.1 - Hiểu rõ được cơ sở thực tiễn, tiền đề lý luận và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh	2.1	1.1.3	I4
		LO.2.2 – Hiểu rõ được quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.1		
		LO.2.3 – Nắm được giá trị tư tưởng			

		Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và sự phát triển tiến bộ của nhân loại.	2.1		
LO.3	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3.1 – Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. LO.3.2 – Nắm được quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. LO.3.3 – Nắm được quan điểm Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. LO.3.4 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng hiện nay.	2.1 2.1 2.1 2.1 2.1	1.1.3	I3 T4
LO.4	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN	LO.4.1 – Nắm được nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam LO.4.2 – Nắm được nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân LO.4.3 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.	2.1 2.1 2.1	1.1.3	I4 I4 T4
LO.5	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÀ ĐẠI ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ	LO.5.1 – Hiểu được những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. LO.5.2 – Hiểu được những quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế. LO.5.3 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	2.1 2.1 2.1	1.1.3	I4 T4
LO.6	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	LO.6.1 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa. LO.6.2 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức mới (đạo đức cách mạng).	2.1 2.1	1.1.3	I4

		LO.6.3 – Nắm được kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa.	2.1		I4
		LO.6.4 – Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người trong việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay.	2.1		T4
5.2. Kỹ năng					
LO.7	THỂ HIỆN KHẢ NĂNG TƯ DUY, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, TRANH LUẬN, PHẢN BIỆN, LÀM VIỆC NHÓM	LO.7.1 Có kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá tư tưởng Hồ Chí Minh. LO.7.2. Có kỹ năng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn LO.7.3. Có kỹ năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.	2.2 2.2 2.2	2.1.1 2.3.1 2.4.4 2.5 3.1.5	U4
5.3. Thái độ					
LO.7	THỂ HIỆN Ý THỨC, NHẬN THỨC TRONG VÀ SAU KHI HỌC TẬP	LO.6.1. Nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam. LO.6.2. Có bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. LO.6.3. Thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, nghiên cứu, vận dụng trong cuộc sống, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2.3 2.3 2.3	3.1	U3



6. Kế hoạch giảng dạy theo buổi học (Course Plan):

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	LO	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
1		LO.1,	Dạy:	

(1 tiết)	Giới thiệu về môn học	LO.5;	- Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm GHW). Học ở lớp: - Chia nhóm (5 SV/nhóm) - Giới thiệu nhóm học tập Học ngoài lớp: - Chọn đề tài thuyết trình của nhóm (GHW). - Đọc trước tài liệu chương 1.	
2	Chương 1 KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	LO.1;	Dạy: I. KHÁI NIỆM TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH II. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU 3. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh 4. Một số phương pháp cụ thể IV. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận 2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước 3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. Học ở lớp: Trao đổi, phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm GHW - Đọc trước tài liệu chương 2.	
3	Chương 2 CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ	LO.2	Dạy: I. CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Cơ sở thực tiễn 2. Cơ sở lý luận	Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)



	MINH		3. Nhân tố chủ quan II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Thời kỳ trước ngày 5 – 6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường mới 2. Thời kỳ từ năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 4. Thời kỳ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9 – 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta III. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Đối với cách mạng Việt Nam 2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại Học ở lớp: Thảo luận và phát biểu trên lớp Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 3	
4	Chương 3 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	LO.3 LO.5	Dạy: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC 1. Vấn đề độc lập dân tộc 2. về cách mạng giải phóng dân tộc Đạy: Chấm thuyết trình & phản	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)

biện

Học ở lớp: Các nhóm thuyết trình tại lớp

II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội
2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc

IV. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC GẮN LIỀN VỚI CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định
2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa
3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống chính trị
4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ



			Học ngoài lớp: Đọc trước tài liệu chương 4	
5	Chương 4 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN	LO.4 LO.5	Dạy: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh Dạy: Chấm thuyết trình & phản biện Học ở lớp: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN 1. Nhà nước dân chủ 2. Nhà nước pháp quyền 3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC 1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh 2. Xây dựng Nhà nước Học ngoài lớp: Hoàn thiện bài thuyết trình	Thảo luận nhóm (DIC) Thi cuối kỳ (FEX)
6	Chương 5 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ		Dạy: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC 1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc 4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc – Mặt trận dân tộc thống	



		nhất 5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc Dạy: Chấm thuyết trình & phản biện Học ở lớp: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ 1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế III. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY 1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 2. xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công – nông – trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng 3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế	
7	Chương 6 TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	Dạy: I. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA 1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan niệm giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới Dạy: Chấm thuyết trình & phản biện Học ở lớp: Thảo luận tại lớp II. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC 1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng	

			2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng III. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI 1. Quan niệm Hồ Chí Minh về con người 2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 3. Quan niệm Hồ Chí Minh về xây dựng con người IV. XÂY DỰNG VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 2. Về xây dựng đạo đức cách mạng	

7. Đánh giá môn học

ST T	Mã	Tên	Mô tả	Tỷ trọng	Hình thức	LO
1	GH W	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm về đề tài đã phân công	150%	Thuyết trình và bản báo cáo nhóm	LO.2; LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.
2	Quiz	Bài thi giữa kỳ	Giảng viên cho thi	20%	Trắc nghiệm (đề đóng) hoặc tự luận (đề mở)	LO.2; LO.3.
3	DIC	Thảo luận tại lớp (Discussion in Class)	Điểm thảo luận được tính theo phương pháp tương đối. SV có số lần thảo luận tại lớp nhiều nhất sẽ được điểm tối đa, điểm của các bạn khác được tính dựa theo bạn có số lần thảo luận cao nhất.	15%	Phát biểu/đặt câu hỏi trên lớp hoặc phiếu trả lời trong các nghiên cứu tình huống tại lớp	LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.

4	FEX	Thi cuối kỳ	Thi đề chung Đề thi bao quát toàn bộ nội dung môn học	50%	Tự luận (đề mở)	LO.2; LO.3; LO.4; LO.5; LO.6.
			Tổng cộng	100%		

8. Tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra môn học

TT	Chuẩn đầu ra	Nội dung	Phương pháp	Tiêu chí đánh giá
LO.1	- Hiểu được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. - Nắm được đối tượng; phương pháp nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.	Chương 1	Hỏi - Đáp	Cộng điểm
LO.2	- Hiểu rõ cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. - Nắm được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và thế giới.	Chương 2	Thi giữa kỳ (Quiz)	Đề thi của GV
LO.3	- Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Hiểu được sự vận dụng tư tưởng Hồ về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước ta.	Chương 3	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi giữa kỳ (Quiz) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Đề thi của GV Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính

TH
K
CHÍNH TRỊ
HỌC

LO.4	- Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Hiểu được sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.	Chương 4	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính
LO.5	- Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế. - Hiểu được sự vận dụng của Đảng và Nhà nước ta trong việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách về đại đoàn kết dân tộc và đối ngoại.	Chương 5	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính
LO.6	- Nắm được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người trong việc rèn luyện, tu dưỡng bản thân.	Chương 6	Thuyết trình nhóm (GHW) Thi cuối kỳ (FEX)	Tiêu chí đánh giá thuyết trình nhóm Ngân hàng đề thi của khoa Chính trị - Hành chính



9. Một số lưu ý khác:

- Khi có các thắc mắc liên quan môn học, sinh viên có thể liên lạc với quản lý Bộ môn Hồ Chí Minh học & Lịch sử Đảng và Khoa Chính trị - Hành chính qua email: daotao.spas@vnuhcm.edu.vn
- Quy định về Bài thuyết trình nhóm GHW: Thành lập nhóm: 5 sinh viên/nhóm.
- + Hạn chót đăng ký đề tài nhóm Quản lý trên forum là Buổi 2.
- + Tuần 4 thuyết trình theo thứ tự. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan đến GHW khi đi thuyết trình.
- + Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua mail cho GV
- Quy định về đánh giá môn học: theo Quy định về việc giảng dạy và học tập các môn Lý luận chính trị của khoa Chính trị - Hành chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2020

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường

HỒ CHÍ MINH



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE008IU - CRITICAL THINKING

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
- + Tiếng Việt: Tư duy phản biện
- + Tiếng Anh: **Critical thinking**
- Mã số môn học: **PE008IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
- + Lý thuyết: 3
- + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tư duy phê phán là một quá trình không thể thiếu đối với tất cả những người có học thức - quá trình mà chúng tôi phát triển và hỗ trợ niềm tin của chúng tôi và đánh giá sức mạnh của các lập luận của những người khác trong các tình huống thực tế. Nó bao gồm thực hành trong lý luận quy nạp và suy diễn, trình bày các đối số ở dạng nói và viết, và phân tích việc sử dụng ngôn ngữ để tác động đến suy nghĩ. Khóa học cũng áp dụng quy trình lý luận cho các lĩnh vực khác như kinh doanh, khoa học, luật, khoa học xã hội, đạo đức và nghệ thuật.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Critical Thinking: A Student's Introduction, 2nded. (Bassham, Irwin, Nardone, and Wallace).

Tài liệu khác:

- Critical Thinking, 9 th ed. (B. N. More, R. Parker
http://highered.mcgrawhill.com/sites/0072879599/student_view0/chapter1/multiple_choice_quiz.html
http://highered.mcgraw-hill.com/sites/0072879599/student_view0/

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi bạn đã hoàn thành khóa học này, bạn sẽ được nhiều hơn: • Tự ý thức, công nhận những thành kiến và ảnh hưởng của riêng bạn; • tò mò và tò mò, muốn tìm hiểu thêm về các vấn đề trước khi thông qua phán quyết; • Mục tiêu, căn cứ vào bản án của bạn về bằng chứng và tránh bằng chứng xoắn để phù hợp với ý kiến của bạn; • Tư duy cởi mở, có khả năng nói, "Tôi không biết" hoặc "tôi đã sai"; • Nhạy cảm với ngôn ngữ, tránh ngôn ngữ nghiêng, nhận ra ngôn ngữ mơ hồ, mơ hồ, đầy cảm xúc, xác định các thuật ngữ chính; • Tưởng tượng, tiếp cận các chủ đề và các vấn đề từ các góc độ khác nhau; • Công bằng và trung thực về mặt trí tuệ, tránh xuyên tạc ý tưởng của người khác hoặc hiểu sai dữ liệu và nghiên cứu để phù hợp với mục đích của riêng bạn.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập,	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%

	phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị.	I, T, U

	• Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về môn học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những rào cản của tư duy phản biện	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Đọc và ghi nhận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Những lý thuyết về logic căn bản	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Suy nghĩ diễn dịch và quy nạp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Logic phân loại	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Logic mệnh đề	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ngôn ngữ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Lỗi nguy biện logic	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Lỗi nguy biện logic (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
11	Phân tích biện luận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đánh giá biện luận và tuyên bố sự thật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Lập luận quy nạp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Tìm kiếm, đánh giá và sử dụng nguồn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)





VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA117IU - INTRODUCTION TO MICROECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
- + Tiếng Việt: Kinh tế vi mô
- + Tiếng Anh: **Introduction to Microeconomics**
- Mã số môn học: **BA117IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
- + Lý thuyết: 3
- + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Kinh tế vi mô là khóa học giới thiệu về kinh tế học. Khóa học được thiết kế để dạy cho bạn những công cụ cơ bản về phân tích kinh tế vi mô. Kinh tế vi mô là chi nhánh của kinh tế học có liên quan đến sự tương tác của các hộ gia đình và các công ty trong các thị trường riêng lẻ. Một số vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu bao gồm giá cả và mức đầu ra được xác định, điều gì sẽ xảy ra khi chính phủ can thiệp vào thị trường, khi thị trường “thất bại”, làm thế nào để thị trường sản xuất “sử dụng hiệu quả” tài nguyên khan hiếm của xã hội và là thị trường kết quả công bằng. Học “suy nghĩ như một nhà kinh tế” sẽ giúp bạn trở thành một sinh viên, người tiêu dùng, nhân viên và cử tri có hiểu biết nhiều hơn. Khóa học này không có bất kỳ yêu cầu kiến thức nào về kinh tế học. Tuy nhiên, nếu bạn đã đăng ký kinh tế học vĩ mô, nó cho phép bạn hiểu rõ hơn về kinh tế vi mô.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Principles of Microeconomics – 8ed (Mankiw)

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của môn học	TĐNL

(Gx) (1)	(2)	(X.x.x)(3)	(4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn tất khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận thức tầm quan trọng của các mô hình kinh tế trong phân tích kinh tế. Hiểu chi phí cơ hội và cách khái niệm này có thể được áp dụng trong tất cả các khía cạnh của cuộc sống. Sử dụng phân tích cung và cầu để dự đoán những thay đổi về giá / số lượng trên thị trường, bao gồm cả khi chính sách của chính phủ đóng vai trò thiết yếu trong các thị trường này. Xác định độ co giãn ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng và quyết định sản xuất của doanh nghiệp như thế nào. Nhận biết vai trò của tiện ích trong các lựa chọn tiêu dùng. Áp dụng mối quan hệ giữa sản xuất và chi phí để xác định sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp ở các loại thị trường khác nhau. Hiểu một cơ thể kiến thức khoa học xã hội và quan điểm kỷ luật của nó. Hiểu các thị trường được đặc trưng bởi sự cạnh tranh độc quyền và không hoàn hảo.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)

G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		

A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Những kiến thức căn bản về kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Cung cầu và giá thị trường	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Cung cầu và giá thị trường (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Sự co giãn và sự áp dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sự sản xuất và chi phí sản xuất	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Sự độc quyền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Độc quyền cạnh tranh và độc quyền nhóm (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Thị trường của các yếu tố đầu vào	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA119IU - INTRODUCTION TO MACROECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế vĩ mô
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Macroeconomics**
 - Mã số môn học: **BA119IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

1. Mục tiêu chính của kinh tế vĩ mô là để hiểu rõ hơn về các vấn đề kinh tế rộng lớn của một quốc gia, một khu vực và nền kinh tế toàn cầu cũng như đánh giá tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đối với nền kinh tế trong nước và toàn cầu. Các chủ đề bao gồm tăng trưởng kinh tế, chi phí sinh hoạt, tiết kiệm và đầu tư, thất nghiệp, lạm phát, tổng cầu và cung, chính sách tài chính và tiền tệ. Học sinh được tiếp xúc với cả lý thuyết kinh tế vĩ mô và các vấn đề kinh tế vĩ mô đương đại. Học sinh tập trung vào cách phát triển các công cụ kinh tế và áp dụng những công cụ đó để hiểu các vấn đề đương đại.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Mankiw, N.G., Principles of Macroeconomics or Principles of Economics, South-Western, Cengage Learning, 6e.

Tài liệu khác:

- Begg, D., Fischer, S., and Dornbusch, R., Economics, McGraw-Hill, 9e.
- Blanchard, O., and Johnson, D.R., Macroeconomics, Pearson, 6e.
- DeLong, B., and Olney, M., Macroeconomics, McGraw-Hill/Irwin, 2e.
- Olney, M., Macroeconomics as a Second Language, Wiley, 1e.
- McConnell, C., Brue, S., and Flynn, S., Macroeconomics, McGraw-Hill, 19e.
- Williamson, S.D., Macroeconomics, Pearson, 5e.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng - Hiểu bốn vấn đề kinh tế vĩ mô và cách chúng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia. - Biết cách đo lường tốc độ tăng trưởng kinh tế hoặc suy thoái kinh tế, lạm phát, thất nghiệp, thâm hụt ngân sách và thâm hụt thương mại trong nền kinh tế - Hiểu các chính sách kinh tế vĩ mô như: chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách đối ngoại và chính sách thu nhập. Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: - Phân tích tình hình kinh tế trong nước và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả. - Đo lường hiệu quả kinh tế của một quốc gia và các chỉ số kinh tế vĩ mô như thất nghiệp, lạm phát, cán cân thanh toán, v.v. - Hiểu được hiệu quả của các loại chính sách của chính phủ đối với nền kinh tế và phát triển các hoạt động để đối phó với những tác động tiêu cực.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế.	I, T, U

	• Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học	Nội dung (2)	CDR môn học	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)

(1)		(3)		
1	Đo lường thu nhập của Quốc Gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Đo lường chi phí sống Ảnh hưởng của lạm phát	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Sản xuất và phát triển	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Tiết kiệm, Đầu tư và hệ thống tài chính của quốc gia	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Hệ thống tiền tệ	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sức mạnh của đồng tiền và tỷ lệ lạm phát	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Kỳ thi giữa kỳ		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Kiến thức căn bản: yếu tố vĩ mô của nền kinh tế mở.	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Lý thuyết kinh tế vĩ mô về nền kinh tế mở	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Tổng cung và tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Ảnh hưởng của chính sách tiền tệ và tài khoá lên tổng cầu	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Sự đánh đổi ngắn hạn giữa thất nghiệp và lạm phát	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA118IU - INTRODUCTION TO PSYCHOLOGY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Tâm lý học

+ Tiếng Anh: **Introduction to Psychology**

- Mã số môn học: **BA118IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Các nguyên tắc và lý thuyết tâm lý bao gồm phương pháp luận và phân tích ngắn gọn về các lĩnh vực nội dung chính từ phát triển, nhận thức và học tập đến động lực / cảm xúc, nhân cách và quy trình xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Dennis Coon & John O. Mitterer (2009) Introduction to Psychology –Active Learning Through Modules 12th Ed. WADSWORTH Cengage Learning

Tài liệu khác:

Stephen F. Davis & Joseph J. Palladino (2013) Psychology, 7th Ed. Pearson Custom Publishing.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Hướng tới mục tiêu này, các mục tiêu là mỗi học sinh sẽ: Về chủ đề: Tìm hiểu cách mọi người cư xử — những gì họ	PLO1, PLO3	5%
		...	

	thấy, cảm nhận của họ, cách họ làm việc, cách họ yêu thích, điều gì khiến họ hạnh phúc, v.v. Điều này áp dụng cho bạn, cho sự nghiệp của bạn, và mối quan hệ cá nhân của bạn như với bạn bè, cha mẹ, con cái tương lai, ông chủ, đồng nghiệp và đối thủ. Khóa học kết hợp một tập hợp các tài liệu bao gồm một loạt các chủ đề phụ, từ phát triển và học tập đến động lực / cảm xúc, cá tính, gián điệp sức khỏe, rối loạn tâm lý và các quá trình xã hội. Ngoài ra, khóa học còn cung cấp nhiều tài liệu cho sinh viên để lựa chọn việc học thêm. Học sinh học nhiều hơn thế giới kinh doanh, nghiên cứu hầu hết các khía cạnh thân mật và quan trọng trong cuộc sống của chúng ta, như chúng ta hạnh phúc, cách chúng ta lớn lên, cách chúng ta già đi, xã hội ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào và cơ thể chúng ta ảnh hưởng đến chúng ta như thế nào. Vì nó là một lĩnh vực rộng lớn, chúng tôi sẽ chỉ lấy mẫu một số phần tâm lý - những thứ liên quan đến các phần quan trọng của cuộc sống và của thế giới kinh doanh. Về tài nguyên: Tìm hiểu cách sử dụng một loạt thông tin, từ trang web đến các bài báo học thuật đến sách, để sinh viên có thể tiếp tục học hỏi, phát triển trong sự hiểu biết về hành vi của con người trong suốt cuộc đời. Về phương pháp: Tìm hiểu cách phát hiện thông tin sai - một số thông tin là gì, cách họ đến, cách họ được ủng hộ, lý do họ sai, bằng chứng trái ngược là gì và cách thực hiện bước tiếp theo. Về ứng dụng: Tìm hiểu cách áp	

	dụng chúng vào cuộc sống của bạn. Thông qua các ứng dụng, bạn học sâu hơn, giữ lại nhiều hơn và hưởng lợi nhiều hơn. Kiến thức có thể trở thành sức mạnh cho bạn.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tâm lý học là gì?	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
2	Cảm giác và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Học tập	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Bộ nhớ con người	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Trí thông minh và nhận thức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Động cơ và cảm xúc	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tình dục con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Nhân cách con người	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

11	Human Personality	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Tâm lý học sức khỏe	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Tâm lý xã hội	G 1.1, 1.2	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được

thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn quản trị doanh nghiệp
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA118IU - INTRODUCTION TO SOCIOLOGY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Xã hội học
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Sociology**
- Mã số môn học: **BA118IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp một sự hiểu biết cơ bản về bản chất của khoa học xã hội, giới thiệu các lĩnh vực xã hội học và các chủ đề chính của nó, và tạo điều kiện cho sự phát triển của nhận thức về ngôn ngữ và phương pháp liên quan đến nghiên cứu khoa học xã hội.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Schaefer, R. T. (2008), *Sociology: A Brief Introduction*, 12th ed., McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Brinkerhoff, D. et al (2011), *Essentials of Sociology*, 8th edition, Wadsworth.
- Marsh, I. and Keating, M. (2006), *Sociology – Making Sense of Society*, 3rd Edition, Pearson & Prentice Hall.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể:	PLO1, PLO3	5%
	• biết và hiểu các khái niệm và	...	

	nguyên tắc cơ bản của xã hội học khi chúng liên quan đến nghiên cứu quản lý kinh doanh. • tổ chức các ý tưởng thu được từ sự hiểu biết lý thuyết về xã hội học và áp dụng chúng vào các tình huống kinh doanh và quản lý Học sinh có thể thực hiện các việc sau khi hoàn thành lớp học này: • Giải thích một số lý do để nghiên cứu xã hội học. • Xác định và thảo luận các vấn đề chính liên quan đến các cuộc tranh luận về thay đổi xã hội trong các lĩnh vực như nhóm và tổ chức, giới tính, tương tác xã hội và mạng lưới, cấu trúc xã hội, văn hóa, v.v. • Thảo luận và phân tích các quan điểm lý thuyết xã hội học cơ bản chung • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán khi các chủ đề khóa học được thảo luận và tranh luận. • Nâng cao kỹ năng viết thông qua các bài tiểu luận và bài tập viết trong lớp.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	- Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	- Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. - Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	- Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. - Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. - Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. - Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	

	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiệu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiệu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Hiệu Xã hội học	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Văn hóa - Phần 1	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Văn hóa - Phần 2	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Văn hóa - Phần 3	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Tương tác xã hội và cấu trúc xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Các nhóm và tổ chức - Phần 1	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Các nhóm và tổ chức - Phần 2	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Gia đình và mối quan hệ thân mật	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Phân tầng theo giới tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Độ lệch và kiểm soát xã hội	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị doanh nghiệp
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE007IU - WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Địa lý kinh tế thế giới

+ Tiếng Anh: **WORLD ECONOMIC GEOGRAPHY**

- Mã số môn học: **PE007IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

• Khóa học cung cấp các khía cạnh khác nhau của địa lý kinh tế thế giới (WEG) trong thời đại toàn cầu hóa.

• Trong một thế giới, xu hướng thương mại toàn cầu ngày càng quan trọng, WEG là một mệnh lệnh cho tất cả những ai muốn biết điều gì đang xảy ra với nền kinh tế toàn cầu của họ.

• Khóa học cung cấp các khái niệm và thuật ngữ cơ bản trong nghiên cứu địa lý kinh tế.

• Về mặt kinh tế, nó liên quan:

o những cách kiếm tiền khác nhau,

o các mô hình hoạt động của con người để sản xuất,

o các hàng hóa và dịch vụ được phân phối và tiêu thụ, và

o khuôn khổ địa lý của thương mại và kinh doanh thế giới.

• Các bài giảng sẽ tập trung vào những thay đổi về địa lý trong nền kinh tế thế giới.

• Chúng tôi sẽ kiểm tra tổ chức địa lý hoạt động kinh tế trên toàn thế giới ở các quy mô địa lý khác nhau (toàn cầu, khu vực và địa phương) cũng như mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế ở các bang khác nhau

• Khóa học đòi hỏi tư duy phê phán về các vấn đề kinh tế và xã hội hiện tại từ góc độ địa lý

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Paul Knox, John Agnew and Linda McCarthy (2003). The Economic of the World Economy. Arnold. London.

Tài liệu khác:

- Anthony R.S., Frederick P.S. (1994). World Economy – Resources, Location, Trade, and Development. Macmillan College Publishing Company. New York
- Jerome Fellmann, Arthur and Judith Getis (1997). Human Geography: Landscapes of Human Activities. Brown & Benchmark.
- William Norton. (1998). Human Geography. Oxford University Press. New York.

Phần mềm: N/A**4. Mục tiêu môn học**

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên có thể: • hiểu các khái niệm cơ bản. • nhận thức được mối quan hệ giữa điều kiện địa lý và phát triển kinh tế. • hiểu sự phân bố và di cư của con người trong quá trình tăng trưởng kinh tế. • phân loại và phân tích các nguyên tác của vị trí. • phân biệt các mối quan hệ của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế của các bang, • hiểu rõ đặc điểm của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNCs) và các khối kinh tế khu vực	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Giới thiệu về Địa lý và Địa lý Kinh tế	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Dân số - Dân số và Kinh tế Thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Các mẫu thể giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Các mẫu thể giới và xu hướng khu vực	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	Điều kiện địa lý và phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Toàn cầu hoá trong phát triển kinh tế	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Điều chỉnh sang nền kinh tế toàn cầu mới	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE010IU - VIETNAM HISTORY AND CULTURE

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: **LỊCH SỬ VĂN HOÁ VIỆT NAM**
 - + Tiếng Anh: **VIETNAM HISTORY AND CULTURE**
- Mã số môn học: **PE010IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử, khuyến khích một thái độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên trong nghiên cứu độc lập về lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- ... Le Mau Han, Tran Ba De, Nguyen Van Thu, ... Over view of Vietnamese history (Đại cương lịch sử Việt Nam), volume 1, 2, 3 publisher of Education, Hanoi, 1998.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, History of Vietnam, Vol I, II, Social Science Publisher, Hanoi, 1976
- Tran Ngoc Them, Fundamentals of Vietnamese Culture, Social sciences Publisher, Hanoi, 1996
- Nguyen Khac Vien, Vietnam - Along history, The gioi publishers, Ha noi, 1993

Tài liệu khác:

- Oscar Chapuis, A History of Vietnam from Hong Bang to Tu Duc, Green wood Press, Connecticut, 1995.
- Stanley Karnow, Vietnam: A history. The Viking press, New York, 1983
- Jaynes S. Werner and Luu Doan Huynh (ed.), the Vietnam War – Vietnamese and American Perspectives. New York: M. E. Sharpe, 1993
- B Woodside, Vietnam and the Chinese Model: A comparative study of Vietnamese and

Chinese government in the first half of the nineteenth century. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1988

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: • Cung cấp cho sinh viên hiểu biết cơ bản về lịch sử và văn hóa Việt Nam từ những quan điểm lịch sử • Trang bị cho sinh viên các chiến lược và phương pháp cần thiết để nhận biết sâu sắc những biến đổi cơ bản trong lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay và các yếu tố khác nhau của nền văn minh và văn hóa Việt Nam • Khuyến khích một mức độ tích cực đối với Việt Nam như một nghiên cứu khu vực, xây dựng niềm tin của sinh viên vào nghiên cứu độc lập về lịch sử và văn hóa và văn hóa Việt Nam cũng như nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội - văn hóa của họ.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/ Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam. Văn Lang - Âu Lạc và nền văn minh đầu tiên của Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Từ lâu tháng 3 đến độc lập (thế kỷ thứ 1 trước thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ A. D.). Sinicization và Desinicization trong sự thống trị của phong kiến Trung Quốc.	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Các quốc gia độc lập tập trung (thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ 14). Nền văn minh Đại Việt (thời đại văn hoá Lý - Trần)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Một giai đoạn mới trong chế độ quân chủ phong kiến: triều đại nhà Lê (thế kỷ 15 đến thế kỷ 17). Cuộc chiến nông dân và thời đại Tây Sơn (thế kỷ 17 đến 18).	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Việt Nam dưới triều Nguyễn: mất độc lập, chuyển đổi kinh tế xã hội ở Đông Dương thuộc Pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Người dân đang đấu tranh chống lại sự thống trị của Pháp vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Phong trào Dân chủ Quốc gia 1930 - 1945, Cách mạng tháng 8 năm 1945 và sự hình thành nước Cộng hoà Dân chủ Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

9	"Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp" (1945 -1954)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (1)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Cuộc kháng chiến năm 1954 - 1975 chống Mỹ cứu quốc gia (Chiến tranh Việt Nam) (2)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Đổi mới ở Việt Nam (“doimoi”)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Phương Tây hóa và phương Tây hóa trong văn hóa Việt Nam	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Hội thảo (“một số đặc điểm chính của lịch sử và văn hóa Việt Nam”)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.2 Quiz

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PE021IU - GENERAL LAW

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Pháp luật Đại Cương

+ Tiếng Anh: **General Law**

- Mã số môn học: **PE021IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát, khái niệm cơ bản, nguyên tắc, các ngành pháp lý chính phục vụ nền tảng của hệ thống pháp luật Việt Nam và. Trong khóa học, sinh viên cũng sẽ được làm quen với ngôn ngữ pháp lý; tham gia vào tư duy phê phán; và tiếp xúc với các lý luận pháp lý và kỹ năng giải quyết vấn đề để phát triển khả năng áp dụng chúng vào các tình huống thực tế của học sinh. Đây là khóa học nền tảng cho tất cả sinh viên kinh doanh và là điều kiện tiên quyết cho các sinh viên khác như Luật doanh nghiệp, Luật kinh doanh quốc tế, Nhượng quyền thương mại và v.v.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Legal Texts:

1. Constitution of Vietnam - 2013

2. Civil Code of Vietnam - 2015

3. Criminal Code of Vietnam - 1999

4. Law on Handling of Administrative Violations 2012

5. Law on Enterprises – 2014

6. Commercial Law 2005

Labour Code 2012

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và các khái niệm, nguyên tắc chính của nó. • Kiến thức về chi nhánh cụ thể của pháp luật theo hệ thống này và cách nó định hình trong toàn bộ hệ thống • Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao	I, T, U

	tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu các quy tắc của Luật và Ứng dụng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Luật Hiến pháp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Luật Hiến pháp (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Luật hành chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Luật hành chính (tt)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Pháp luật hình sự	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Luật Dân sự (Phần I)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
9	Luật Dân sự (Phần II)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Luật Dân sự (Phần II) (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Luật lao động	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Luật lao động (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Luật Kinh doanh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Giới thiệu về Luật quốc tế, các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam là một bên	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz

15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành (nếu có)

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Day:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA282IU - MATHEMATICS FOR BUSINESS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: **Toán trong Kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **MATHEMATICS FOR BUSINESS**
- Mã số môn học: **BA282IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 4
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học sẽ cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về các kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Cụ thể hơn, khóa học sẽ giới thiệu lý thuyết cơ bản và khái niệm về Calculus, Đại số tuyến tính và Tối ưu hóa, với các ứng dụng quản lý, kinh tế, tài chính. Các chủ đề bao gồm Các hàm Toán học, Vector và Ma trận, Sự khác biệt và Tích hợp, Lập trình tuyến tính.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Ian Jacques, Mathematics for Economics and Business, 8th edition, Prentice Hall, 2015.

Tài liệu khác:

Haeussler, Paul, Wood, Introductory Mathematical Analysis for Business, Economics, and the Life and Social Sciences, 13th Edition, Pearson, 2011.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khóa học nhằm mục đích cung cấp cho sinh viên một sự hiểu biết về kỹ thuật toán học cơ bản và phương pháp để bối cảnh kinh doanh và ra quyết định quản lý. Khóa học cũng sẽ cung cấp cho sinh viên khuôn khổ toán học và phương pháp tiếp cận khoa học của mô hình kinh doanh và hành vi kinh tế.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U

G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Phương trình tuyến tính và phi tuyến tính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Toán tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Ứng dụng của sự khác biệt	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đầu Lagrange	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Phân biệt từng phần Tối ưu hóa không bị giới hạn Hạn chế tối ưu Các nhân đầu Lagrange	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Hội nhập Ứng dụng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Ma trận	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ma trận	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Lập trình tuyến tính	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được

thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA080IU - STATISTICS FOR BUSINESS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Thống kê Trong Kinh Doanh
 - + Tiếng Anh: **Statistics for Business**
- Mã số môn học: **BA080IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

BA080IU - Thống kê cho doanh nghiệp là một trong những khóa học cơ bản dành cho sinh viên Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp cho sinh viên kiến thức về các kỹ thuật xác suất và thống kê để thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu. Nó thể hiện việc sử dụng các kỹ thuật thống kê trong nhiều ứng dụng thực tế. Nó cung cấp những điều cơ bản cho các khóa học BA161IU - Phương pháp nghiên cứu kinh doanh và BA168IU - Phương pháp định lượng cho doanh nghiệp.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Doane and Seward, *Applied Statistics for Business and Economics*, 5ed.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Mục đích của khóa học này là để kiểm tra các khái niệm khác nhau trong xác suất và thống kê. Khóa học này cũng thảo luận về các kỹ thuật thống kê khác nhau và việc sử dụng chúng trong các tình huống thực tế. Các chủ đề chính của khóa học này bao gồm: số liệu thống kê mô tả, biến ngẫu nhiên rời rạc và liên tục, phân tích lấy mẫu và lấy mẫu, khoảng tin cậy, kiểm tra giả thuyết, phân tích phương sai, tuyến tính đơn giản và nhiều hồi quy.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đòi hỏi và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng	I, T, U

	dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu và Thống kê mô tả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Xác suất	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Biến ngẫu nhiên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Lấy mẫu và phân phối mẫu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Khoảng tin cậy	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thử nghiệm giả thuyết	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	So sánh hai quần thể	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phân tích phương sai	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Mô hình hồi quy	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Kỹ thuật Nonparametric	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA120IU - BUSINESS COMPUTING SKILLS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Tin Học Quản Lý
 - + Tiếng Anh: **Business Computing Skills**
- Mã số môn học: **BA120IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Bởi vì sử dụng máy tính là một phần không thể thiếu trong kinh doanh, khả năng sử dụng công nghệ thông tin để cải thiện năng suất của tổ chức và giảm thiểu sự thiếu hiệu quả là rất quan trọng. Khóa học này thu hẹp khoảng cách giữa công nghệ thông tin và sử dụng phần cứng, phần mềm và các tài nguyên khác trong học tập và kinh doanh. Khóa học này sẽ tập trung vào các tính năng nâng cao và ứng dụng bảng tính Excel tích hợp, phát triển cơ sở dữ liệu giới thiệu sử dụng MS Access, giới thiệu về tạo tài liệu trang web bằng HTML và giới thiệu kiến trúc hệ thống máy tính, bảo mật, truyền thông và kết nối mạng.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- James A. O'Brien, George Marakas (2008), Introduction to Information Systems, Mc-Graw Hill
- Succeeding in Business with MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0605-6
- New Perspective MS Office Access 2007 Brief, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-0587-5
- Case Grader - MS Office Excel 2007, Thomson Course Technology, 2008, ISBN 978-1-4239-9823-5.

Tài liệu khác:

- Fundamentals of Information Systems, 4th Edition, Thomson Course Technology, 2007, ISBN 978-1-4239-0113-5.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán trong việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). • Phát triển các kỹ năng dựa trên máy tính kỹ thuật cần thiết để chuẩn bị tài liệu, bản trình bày và bảng tính bằng phần mềm Office Suite của Microsoft (tập trung vào Excel và Access). • Sử dụng các chiến lược tự định hướng để tìm hiểu các tính năng mới của các gói phần mềm và công nghệ khác.	PLO1, PLO3	5%
		...	

	• Biên soạn các hướng dẫn bằng văn bản, dự án phòng thí nghiệm và các tài liệu kinh doanh cụ thể cho các đồng nghiệp khác. • Sử dụng kỹ năng quản lý và lập lịch để hỗ trợ quản lý và giám sát. • Chứng minh các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)

		(3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về máy tính và hệ thống thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Ổ cứng và ổ mềm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Dữ liệu của tổ chức và thông tin	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	MS Access 2007	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	E-commerce và hệ thống quy trình giao dịch	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giới thiệu về Excel 2007	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Giới thiệu về Excel 2007 (tt)	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

12	Phát triển hệ thống Kết hợp các ứng dụng của MS Office	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp

học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa CNTT

- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN008IU - LISTENING AE1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Kỹ năng nghe AE1

+ Tiếng Anh: **Listening AE1**

- Mã số môn học: **EN008IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 2

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT ≥ 61 , IELTS ≥ 6.0

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học được thiết kế để chuẩn bị cho sinh viên các kỹ năng nghe và ghi chú hiệu quả để họ có thể theo đuổi các khóa học chuyên ngành của họ mà không gặp khó khăn đáng kể. Do đó, khóa học dựa trên bài giảng trong đó quy trình dạy và học được xây dựng trên các bài giảng về nhiều chủ đề khác nhau như kinh doanh, khoa học và nhân văn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể: - đối phó với các bài giảng học thuật với các chiến lược và sự tự tin phù hợp; - nâng cao kiến thức chuyên môn của họ về các bài giảng học thuật; và - giao tiếp hiệu quả với bạn cùng lớp và giáo sư	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	- Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn.	I, T, U

	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chapter 1	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	New Trends in Marketing Research		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Chapter 2 Business Ethics	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	REVIEW	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Chapter 3 Trends in Children's Media Use	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Chapter 4 The Changing Music Industry	G 1.1, 1.2,	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Chapter 5 The Placebo Effect	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Chapter 6 Intelligent Machines	G 1.1, 1.2, 1.3	Day: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

11	Chapter 7 Sibling Relationships	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Chapter 8 Multiple Intelligences	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Chapter 9 The Art of Graffiti	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	WRAP-UP AND REVIEW	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được

thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ

- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
EN007IU - WRITING AE1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE1
 - + Tiếng Anh: **Writing AE1**
- Mã số môn học: **EN007IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 2
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Có TOEFL iBT > 61, IELTS > 6
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Ability to communicate effectively in English using appropriate communication methods to address the domestic and international audience. Students are also expected to have ethical behavior at work; cognitive ability and perspective on globalization; work in team; Self-study and career development skills.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Lecture Ready 3 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press, 2007

Tài liệu khác:

Lecture Ready1, 2 – Laurie Frazie, Shalle Leming, Oxford University Press **Phần mềm:** N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: - hiểu và làm theo các bước khác nhau trong quá trình viết để tạo ra một bài luận hoàn chỉnh, - cải thiện khả năng viết của họ thông qua tự đánh giá, phản hồi của bạn bè và nhận xét của giáo viên, - sử dụng các chức năng viết khác nhau để truyền đạt thành công mục đích của họ tới khán giả (các mô tả quy trình, các hiệu ứng nguyên nhân, so sánh, đối chiếu, và các bài luận tóm tắt), - đọc và trả lời một cách nghiêm túc bằng văn bản, phân tích và chú giải một văn bản học thuật.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	The process of Academic Writing Step1:Creating (Prewriting) Step2: Planning (Outlining) Step 3: Writing Step 4: Polishing	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	From Paragraph to Essay The introductory paragraph Body paragraphs The concluding paragraph	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	From Paragraph to Essay (Cont'd) Essay outlining Review Writing Practice Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz

4	Process Essays Thesis statements for process essay Transitional signals Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Process Essays (Cont'd) Review/ Correction Reading 2 (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Cause – Effect Essays Organization Signal words and phrases Writing Practice	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Cause – Effect Essays (Cont'd) Review/ Correction Reading (Questions & Suggestions for Discussion or Writing)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Comparison – Contrast Essays Organization Signal words Writing Practice	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Comparison – Contrast Essays (Cont'd) Review Peer correction/ Self assessment	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Paraphrase and Summary Paraphrasing Plagiarism and How to avoid Plagiarism	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Paraphrase and Summary (Cont'd) Review/ Correction	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	A1.1 Bài tập nhóm

	Summarizing		Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
13	Argumentative Essays Organization The introductory paragraph Writing Practice	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Argumentative Essays (Cont'd) Review/Correction Topic 1 – Reading 1 & 2 (Questions)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ

chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN012IU - SPEAKING AE2

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Kỹ năng nói AE2

+ Tiếng Anh: **Speaking AE2**

- Mã số môn học: **EN012IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 2

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: TOEFL iBT $\geq$ 61, IELTS $\geq$ 6.0

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đưa ra các bài thuyết trình ngày hôm nay sẽ trở thành một kỹ năng quan trọng cho sinh viên để thành công không chỉ trong trường đại học mà còn trong công việc trong tương lai. Tuy nhiên, điều này có thể được coi là một nhiệm vụ thần kinh-kệ, đặc biệt là khi trình bày bằng một ngôn ngữ nước ngoài. Phát biểu AE2 cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để cung cấp các bài thuyết trình hiệu quả. Để thực hiện điều này, khóa học bao gồm nhiều khía cạnh của việc trình bày: chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng các trợ giúp trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình:

- *J Effective Presentations* - Jeremy Comfort, Oxford University Press, 1997.

Tài liệu khác:

- *Study Speaking: a course in spoken English for academic purposes* - By Kenneth Anderson, Joan Maclean, Tony Lynch - Cambridge University Press (2004)

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể - để chuẩn bị và cung cấp các bài thuyết trình có hiệu quả, chính thức, có cấu trúc phù hợp với môi trường và đối tượng cụ thể. - Chuẩn bị và lập kế hoạch, sử dụng ngôn ngữ thích hợp, áp dụng viện trợ trực quan hiệu quả, xây dựng sự tự tin, thực hiện ngôn ngữ cơ thể, giải quyết các câu hỏi và trả lời, v.v.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U

G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Bu ổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	ORIENTATION	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

2	BUILDING UP CONFIDENCE	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 1: What is the Point? Pages 6-11 Video clip Handouts: - Page 11 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 2: Making a Start Pages 12-17 Video clip Handouts: - Page 17 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 3: Linking the Parts Pages 18-23 Video clip Handouts: - Page 22 (Student book)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 7: Finishing Off Pages 40-43 Video clip Handouts:	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PRACTICE PRESENTATIONS 1	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 4: The Right Kind of Language Pages 24-29 Video clip Handouts: - Pages 74-74 (Student book)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 5: Visual Aids Pages 30-35 Video clip Handouts: - Page 35 (Student book)	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	REPORTING CHANGE	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 6: Body Language Pages 36-39 Video clip	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 8: Questions Time Pages 44-49 Video clip Handouts:	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

	- Page 49 (Student book)			
14	EFFECTIVE PRESENTATIONS Unit 9: Finishing Up Pages 44-49 Video clip Unit 1 & Unit 9	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EN011IU - WRITING AE2

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Kỹ năng viết AE2

+ Tiếng Anh: **Writing AE2**

- Mã số môn học: **EN011IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 2

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Academic English 1)

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này giới thiệu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của một bài nghiên cứu cho sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học tiếng Anh. Nó cũng cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản. Học sinh được yêu cầu phải làm việc trên các nhiệm vụ được lựa chọn để tối đa hóa sự tiếp xúc của họ với giao tiếp bằng văn bản và được mong đợi trở thành nhà văn có thẩm quyền trong thể loại cụ thể: bài nghiên cứu. Vì văn bản là một phần của kỹ năng đọc và viết được tích hợp để đọc làm đầu vào để kích hoạt bài viết, khóa học này được thiết kế để làm quen với các sinh viên không phải là người bản địa với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ. các chủ đề từ khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Study Writing - Hamp-Lyons, L. and B. Heasley. Cambridge, UK: Cambridge University Press. (2006)

Tài liệu khác:

- Folse, K. S. & Pugh, T. (2010). Great writing 5: Greater essays. Boston: Heinle, Cengage Learning.
- McCormack, J. & Slaughter, J. (2009). English for academic study: Extended writing and research skills. Cambridge: Cambridge University Press. Garnet Education
- Keezer, S. (ed) (2003). Write your research report. A real-time guide. New Jersey: Pearson Learning Group.
- Articles and Essays taken from The Allyn and Bacon Guide to Writing by Ramage et al (2009), Pearson Longman.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	- Hiểu các khái niệm cơ bản trong văn bản nghiên cứu, đặc biệt là vai trò của khái quát, định nghĩa, phân loại và cấu trúc của bài nghiên cứu cho sinh viên theo học cao đẳng hoặc đại học - Cung cấp cho họ các phương pháp phát triển và trình bày một đối số, so sánh hoặc tương phản - Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể sử dụng các kỹ năng viết nghiên cứu thu được để làm việc trên giấy của mình trong nghiên cứu chính của họ. - làm quen với các tài liệu học thuật trong nghiên cứu chính của họ bằng cách đọc và trả lời các văn bản của nhiều chủ đề khác nhau, từ	PLO1, PLO3	5%
		...	

	khoa học tự nhiên như sinh học đến khoa học xã hội và nhân văn như giáo dục, ngôn ngữ học và tâm lý học		
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế.	I, T, U

	• Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp.	I, T, U

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Orientation of the Course Unit 1: The Academic Writing Process Introduction	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Unit 1: The Academic Writing Process (Cont.) Thinking about writing processes Distinguishing between academic and personal styles of writing Grammar of academic discourse	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Unit 2: Researching and Writing Recognizing categories and classification The language of classification The structure of a research paper	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Unit 3: Fundamentals & Feedback	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	A1.1 Bài tập nhóm

	Exploring comparison and contrast structures The language of comparison and contrast Using comparisons and contrasts to evaluate and recommend		Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
5	Unit 3: Fundamentals & Feedback (Cont.) The research paper Identifying a research gap The writing process	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Unit 4: Definitions, Vocabulary & Clarity The clarity principle The language of definition The place of definition The writing process	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty Honesty principle The language of generalization	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Unit 5: Generalizations, Facts and Honesty (Cont.) Writing a literature review The writing process Brainstorming and clustering	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Unit 6: Seeing Ideas and Sharing Texts Writing about events in time Connecting events Learning about peer reviews	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Unit 7: Description, Methods & Reality Describing processes and products The language for writing about processes Writing the Methods section Giving and getting formal peer feedback	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

12	Unit 8: Results, Discussion & Relevance What is an argument? The language of argument The Results and Discussion sections Finding an academic voice	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Unit 9: The Whole Academic Text S-P-S-E: Focus on structure S-P-S-E in the introduction The language of coherence and connection Teacher evaluation	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Unit 10: Creating the Whole Text Structure of the research paper Creating your own research Plagiarism Creating citations Paraphrase and summary Authorial identity	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Ôn tập thi cuối kỳ Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Ngôn Ngữ
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA256IU - WORKSHOP 1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Hội thảo 1

+ Tiếng Anh: **Workshop 1**

- Mã số môn học: **BA256IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mềm và thái độ đúng đắn để thành công trong trường đại học và môi trường làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Khóa học này bao gồm chín bài thuyết trình được thực hiện bởi các diễn giả là giám đốc / người quản lý hoặc các chuyên gia có ít nhất năm năm kinh nghiệm. Các bài thuyết trình được lên kế hoạch một cách có hệ thống và khoa học để cho phép sinh viên thực hành những gì họ học trong lớp và thực hiện các bài tập làm việc theo nhóm được đưa ra bởi các diễn giả khách mời.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice*, 14th ed, Thompson South-Western.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Nhận biết và áp dụng các kỹ năng mềm có liên quan như quản lý công việc, làm việc theo nhóm, cân bằng công việc, cuộc sống, vv trong các hoạt động học tập của họ; Phát triển nhận thức và trách nhiệm xã hội của họ; Nâng cao khả năng thuyết trình trước công chúng và thuyết trình chuyên nghiệp; Làm quen với tư duy đa quan điểm về các vấn đề khác nhau.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	

	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Bu ổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Kỹ năng học tập hiệu quả	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Kỹ năng làm việc nhóm	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Kỹ năng giao tiếp (bao gồm giao dịch với những người có địa vị khác nhau, viết email, v.v.)	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Kỹ năng tự tin và quyết đoán	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Kỹ năng phỏng vấn & viết CV	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

7	Quản lý cảm xúc và căng thẳng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tự khám phá / Tự kỷ luật / Tự kiểm soát / Kiên nhẫn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Cân bằng cuộc sống công việc	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Định hướng nghề nghiệp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Kỹ năng quản lý thời gian	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Ôn tập	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ

chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA005IU - FINANCIAL ACCOUNTING

BA005IU
Financial Accounting

VNU – International University
School of Business

1. COURSE STAFF

Lecturer: Mr. Vu Tuan Anh, CMA, MSA

Room: O1. 307

E-mail: anh.tv@hcmiu.edu.vn

Consultation hours: Friday (8h00 – 16h00)

Teaching Assistant: TBA

E-mail:

Should the students wish to meet the staff outside the consultation hours, they are advised to make appointment in advance (via email)

2. COURSE INFORMATION

2.1 Teaching times and Locations

Time	Room
Monday, 13h15-15h40	A1.202
Wednesday, 8h00-10h25	A1.401

2.2 Units of Credit

This course is worth 3 credits.

2.3 Parallel teaching in the course

There is no parallel teaching involved in this course.

2.4 Relationship of this course to others

BA005IU– Financial Accounting is the entry-level course which explores the basis of accounting that would be beneficial to student seeking a degree in the business area. Students will be introduced to the importance of accounting within the business environment and how accounting information can be utilized to facilitate business decisions. Students who decide to choose the Accounting and Finance major may go on to take the course Managerial Accounting or Auditing in the following semesters, which will focuses on evaluating and auditing firms, and report information to stakeholders.

2.5 Approach to learning and teaching

The lecturer will utilize the following methods of instruction: lecture, on-class tutorial, end-of-chapter activities, and self-study. Students are also encouraged to seek assistance outside class from the lecturer / tutor or through group tutoring.

It is noted that the course materials, including the handouts and tutorial notes, will be uploaded in Blackboard to help the students to preview the materials and to concentrate on listening and critical thinking.

3. COURSE AIMS AND OUTCOMES**3.1 Course Aims**

This course develops a basic understanding on the theories, principles, and applications of accounting and financial reporting, essentials in the IFRS standard, including topics such as the theory of debit and credit, accounts, special journals, the accounting cycle, notes and interest, accruals and deferrals, cash, receivables, inventory, fixed assets, and the analysis of financial statements. In general, its primary aim is to provide the basic knowledge in preparing and processing accounting transactions in order to present financial details in a relevant and effective manner, as well as interpreting these accounting information for different types of external and internal investors, management and other accounting information users.

3.2 Student Learning Outcomes

By the end of this course student should be able to:

- Identify the importance of accounting information in decision making and the role it plays within the business environment
- Appreciate, understand and demonstrate the relevant procedures of the accounting information life cycle and transformation of accounting information during this process, and
- Comprehend the development of accounting principles and policies through accounting theories and undertakings of the accounting professions

In generic terms, students completing this course are likely to achieve the following attributes:

- *In-depth knowledge of the field of the study:* A comprehensive and well-founded knowledge of the field of the study. All of the course objectives combined with lead to a comprehensive introduction to the field of accounting.

- *Effective communication*: The ability to collect, analyze and organize information and to convey those information clearly and fluently, in both written and spoken forms.
- *Critical judgment*: The ability to define and analyze problems, as well as to evaluate statements information, make decisions and reflect critically on the justification for decisions.

3.3 Teaching Strategies

The learning system in this course consists of lectures and scheduled tutorials. Lectures elaborate the appropriate theoretical content in the textbook and provide a more detailed and refined analysis of both concepts and applied materials. **Students are expected to read prior to lecture attendance in order to gain maximum benefit from lectures.** This applies to all of your university studies. Coming in 'cold' to lectures without some prior reading makes note-taking that much more difficult. Be aware that you may have to skim some of these for additional information. In fact a 'skim read' before lectures is most appropriate and valuable.

From the third week, a three-hour tutorial will be offered every 2 weeks and will cover selected tutorial questions and homework.

4. STUDENT RESPONSIBILITIES AND CONDUCT

4.1 Workload

It is expected that the students will spend at least *nine* hours per week studying this course. This time should be made up of reading, working on exercises and problems, and attending classes. In periods where they need to complete assignments or prepare for examinations, the workload may be greater.

Over-commitment has been a cause of failure for many students. They should take the required workload into account when planning how to balance study with part-time jobs and other activities.

4.2 Attendance

Regular and punctual attendance at lectures is expected in this course. University regulations indicate that if students attend less than **eighty per cent** of scheduled classes they may be refused final assessment. Exemptions may only be made on medical grounds.

5. LEARNING ASSESSMENT**5.1 Formal Requirements**

In order to pass this course, the students must:

- achieve a composite mark of at least 50; and
- make a satisfactory attempt at all assessment tasks (see below).

5.2 Assessment Details

Mid-Term Exam	30%
Homework & Quiz	30%
<u>Final Exam</u>	<u>40%</u>
Total	100%

Assessment Rationale

Quiz & Homework: Student is required do homework on every class date. Quizzes will be conducted after lectures without advanced notice.

Examination: Mid-term and final tests will be a combination of MCQ, short answer questions, and application problems.

Programmable calculators will not be allowed for use during the exam. The use of programmable calculator will result in receiving a zero for the exam.

The examination schedule and room will be announced by the Office of Academic Affair. Any issues regarding the administration of, timetabling of and non-attendance at final examinations need to be directed to the Office of Academic Affair. **These issues are not the responsibility of the individual lecturer.**

Others: Students will not be allowed to attend the final exam if result of either homework or mid-term exam is zero mark.

5.3 Class participation and Presentation

A minimum attendance of 80 percent is compulsory. Students will be assessed on the basis of class attendance and participation

5.6 Special Consideration

Request for special consideration (for final examination only) must be made to the Office of Academic Affairs within one week after the examination. General policy and information on special consideration can be found at the Office of Academic Affairs.

6. ACADEMIC HONESTY AND PLAGIARISM

Plagiarism is the presentation of the thoughts or work of another as one's own (*definition proposed by the University of Newcastle*). Students are also reminded that careful time management is an important part of study and one of the identified causes of plagiarism is poor time management. Students should allow sufficient time for research, drafting, and the proper referencing of sources in preparing all assessment items. The university regards plagiarism as a form of academic misconduct, and has very strict rules regarding plagiarism.

7. STUDENT RESOURCES**7.1 Course Resources**Textbook:

Accounting Principles IFRS Version, Global Edition, by: Jerry J. Weygandt; Paul D. Kimmel; Donald E. Kieso

Reference Books:Additional materials

The lecturer will attempt to make lecture notes and additional reading available on [Blackboard](#). However this is not an automatic entitlement for students doing this subject. Note that this is not a distance learning course, and you are expected to attend lectures and take notes. This way, you will get the additional benefit of class interaction and demonstration.

Recommended Internet sites

N/A

Recommended Journals

N/A

7.2 Other Resources, Support and Information

Additional learning assistance is available for students in this course and will be made available in Blackboard. Academic journal articles are available through connections via the [VNU - Central Library](#). Recommended articles will be duly informed to the students.

8. COURSE SCHEDULE

The following is the outline that sets topics for the course. The instructor reserves the right to revise this outline throughout the semester to either add or delete material as necessary to accomplish the goals of the course.

WEEK	TOPICS	CONTENTS
1	Lecture 1: Introduction to Accounting and Business - The Nature of Accounting and Business - Accounting Equation - Financial Statements	Ch 1
2	Lecture 2: Analyzing Transactions - Double-entry Accounting System - Journalizing Entries and Posting Them to Accounts - Trial Balance	Ch 2
3	Lecture 3: The Adjusting Process - Adjusting entries - Adjusted Trial Balance	Ch 3
4	Lecture 4: Completing the Accounting Cycle - Flow of Accounting Information - Closing Entries - Accounting Cycle	Ch 4
5	Lecture 5: Accounting for Merchandising Businesses - Financial Statements for a Merchandising Business - Merchandising Transactions	Ch 5

6	Lecture 6: Inventories - Inventory Costing Methods - Reporting Merchandising Inventory in the Financial Statements - Estimating Inventory Cost	Ch 6
7	Revision session	
8	Revision session	
9	Midterm	
10	Lecture 7: Receivables - Direct write-off method for Uncollectible Accounts - Allowance Method for Uncollectible Accounts	Ch 9
11	Lecture 8: Fixed Assets - Plant Asset Expenditures - Depreciation Methods	Ch 10
12	Lecture 8: Fixed Assets - Plant Asset Disposals - Statement preparation and Analysis	Ch 10
13	Lecture 9: Current liabilities - Accounting for liabilities - Reporting and Analyzing	Ch 11
14	Lecture 10: Financial Analysis - Basics of Financial Statement Analysis	Ch 18
15	Review	
16	Review	
	Final	

*The syllabus is prepared following the format provided by the School of Organisation and Management, University of New South Wales, with kind permission.



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA115IU - INTRODUCTION TO BUSINESS ADMINISTRATION

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản trị Kinh Doanh Đại Cương
 - + Tiếng Anh: **Introduction to Business Administration**
- Mã số môn học: **BA115IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☒ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này xem xét vai trò của doanh nghiệp trong xã hội; các hoạt động liên quan thông qua đó doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ cần thiết cho xã hội đương đại; và mối tương quan giữa doanh nghiệp và chính phủ, lao động và xã hội nói chung. Các lĩnh vực chung của trung tâm nghiên cứu về: nền tảng kinh doanh, quản lý doanh nghiệp, hoạt động tiếp thị và các vấn đề kinh doanh đương đại và phát triển.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

William G. Nickels, James M. McHugh, Susan M. McHugh – Understanding Business, 8th edition - 2008, McGraw-Hill

Tài liệu khác:

Boone, Louis E. and David L. Kurtz, Contemporary Business, Eleventh Edition, South-Western, Mason, OH, 2008

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Giải thích nhanh chóng thể giới kinh doanh đang thay đổi như thế nào và tầm quan trọng của việc học tập suốt đời. • Phát triển một mức độ quen thuộc cao với một hoặc nhiều lĩnh vực kinh doanh chức năng. • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến các thực thể kinh doanh • Giải thích cách các vấn đề toàn cầu tác động đến khách hàng • Chứng minh giao tiếp bằng văn bản hiệu quả. • Phát triển kỹ năng xây dựng nhóm và hiệu động lực nhóm • Phát triển các kỹ năng tư duy phê phán áp dụng của học sinh và • Truyền thông qua việc phát triển danh mục đầu tư của một công ty trong ngành mà họ quan tâm. • Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Lý thuyết và khái niệm. • Tổ chức và phân tích thông tin một cách hợp lý: Phát triển kỹ năng và thực hành.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	chạy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế.	I, T, U

	• Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/B uổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Quản lý trong môi trường kinh doanh năng động: Lấy rủi ro và tạo ra lợi nhuận	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Làm thế nào kinh tế ảnh hưởng đến kinh doanh: sự sáng tạo và phân phối của cải	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Chọn hình thức sở hữu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Quản lý, lãnh đạo và trao quyền cho nhân viên	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Điều chỉnh tổ chức cho thị trường hiện nay	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Sản xuất hàng hóa và dịch vụ đẳng cấp thế giới	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Thúc đẩy nhân viên và xây dựng đội ngũ tự quản lý	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	HRM: Tìm kiếm và giữ nhân viên tốt nhất	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Tiếp thị: Xây dựng mối quan hệ khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Phát triển và định giá sản phẩm và dịch vụ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	A1.1 Bài tập nhóm

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	
12	Phân phối sản phẩm nhanh chóng và hiệu quả	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Sử dụng kỹ thuật quảng cáo hiệu quả	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/ bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA003IU - PRINCIPLES OF MARKETING

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Nguyên lý tiếp thị
 - + Tiếng Anh: **Principles of Marketing**
- Mã số môn học: **BA003IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học là một giới thiệu về ngôn ngữ và các vấn đề tiếp thị với trọng tâm là học cách phát triển các chiến lược tiếp thị đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Khóa học tập trung vào các khái niệm tiếp thị cơ bản, vai trò của tiếp thị trong tổ chức và vai trò của tiếp thị trong xã hội. Các chủ đề bao gồm phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm, quảng bá, phân phối và định giá. Các chủ đề khác, sẽ được đưa vào khóa học, là môi trường bên ngoài (sẽ tập trung vào các chủ đề tích hợp với tiếp thị, như kinh tế, chính trị, chính phủ và tự nhiên), nghiên cứu tiếp thị, thông tin tiếp thị, tiếp thị quốc tế / toàn cầu với sự liên quan đến đa dạng văn hóa, đạo đức, tác động của công nghệ lên tiếp thị và nghề nghiệp trong tiếp thị.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Philip Kotler and Gary Armstrong (2014). Principles of Marketing. Pearson Education 2014, 15th Edition. ISBN 978-0-13-325541-6.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khóa học, sinh viên sẽ có thể: • Hiểu các khái niệm tiếp thị cơ bản và các nguyên tắc được sử dụng trong việc phát triển các chương trình tiếp thị trong một công ty. • Tổng quan và phân tích các quy trình, vấn đề và hoạt động liên quan đến việc lập kế hoạch và thực hiện quan niệm, định giá, quảng bá và phân phối các ý tưởng, hàng hóa và dịch vụ để tạo ra trao đổi. • Xác định thuật ngữ tiếp thị một cách thích hợp; giải thích các hạn chế nội bộ và bên ngoài ảnh hưởng đến việc ra quyết định tiếp thị; xác định các thành phần của chiến lược tiếp thị hiệu quả. • Hiểu nội dung của các chiến lược tiếp thị về mặt giá cả, khuyến mãi, phân phối và sản phẩm.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U

G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tiếp thị: Tạo và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích môi trường tiếp thị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Quản lý thông tin tiếp thị để hiểu rõ hơn về khách hàng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Thị trường tiêu dùng và hành vi người mua của người tiêu dùng	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Thị trường kinh doanh và hành vi của người mua doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm

6	Chiến lược tiếp thị theo hướng khách hàng: Tạo ra giá trị cho khách hàng mục tiêu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu: Xây dựng giá trị khách hàng Nhóm trình bày phân tích trường hợp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Sản phẩm giá cả: Hiểu và nắm bắt giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Kênh tiếp thị: phân phối giá trị khách hàng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Truyền đạt giá trị khách hàng: Chiến lược truyền thông tiếp thị tích hợp	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.1 Bài tập nhóm

			Bài tập nhóm	
13	Quảng cáo và quan hệ công chúng	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Marketing
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA020IU - BUSINESS ETHICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Đạo đức kinh doanh
 - + Tiếng Anh: **Business Ethics**
- Mã số môn học: **BA020IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Trong khóa học này, sinh viên sẽ học cách giá trị cá nhân, giá trị doanh nghiệp, kích thước và đạo đức xã hội và pháp lý ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định của các nhà quản lý trong một tổ chức. Học sinh sẽ làm quen với cơ sở lý thuyết về đạo đức kinh doanh và vai trò của họ trong hành vi xã hội và doanh nghiệp của một tổ chức. Học sinh sẽ học các đặc điểm của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, có cơ hội được tiếp xúc với sự phức tạp của việc ra quyết định đạo đức trong các tổ chức kinh doanh, và phát triển các kỹ năng phân tích của họ để giải quyết các vấn đề đạo đức.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Andrew Ghillyer (2012). Business ethics: Now. International Edition. New York, NY: McGraw Hill.

Tài liệu khác:

- Joseph W. Weiss (2003). Business ethics: a stakeholder and issues management approach (3rd ed.). Quebec, Canada: Thomson Learning.

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên cần có: - Hiểu biết sâu sắc về các khái niệm lý thuyết cơ bản về đạo đức kinh doanh và tính bền vững - Một khả năng nâng cao để kiểm tra nghiêm túc các thực tiễn kinh doanh từ nhiều quan điểm đạo đức khác nhau - Tăng khả năng suy nghĩ, nói và hành động theo những cách đạo đức - Thể hiện các kỹ năng Internet bao gồm quản lý e-mail, nghiên cứu web và trao đổi tài liệu.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

	đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)		

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (A.x.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Hiểu về đạo đức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Định nghĩa đạo đức kinh doanh	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Đạo đức tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	Quản trị doanh nghiệp	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Đạo đức và Công nghệ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Đạo đức và toàn cầu hóa	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	Làm cho nó dính: Làm điều gì đúng trong một thị trường cạnh tranh	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
 (3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
 (4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
 (5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh/Bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Lê Văn Chơn', with a horizontal line underneath.

Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA068IU - INTERNATIONAL ECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế

+ Tiếng Anh: **International Economics**

- Mã số môn học: **BA068IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Kinh tế Vi mô (Introduction to Micro Economics- BA117IU)

- Môn học song hành: Không

3. COURSE AIMS AND OUTCOMES

3.1 Course Aims

Students will learn the basic concepts and real practical considerations governing International Economic and Trading Relations: national accounting system, international money supply demand impact on country interest and exchange rates, trading block formation such as European Community, ASEAN, NAFTA, WTO and other trading pacts on national and international economies. Focus would be on Vietnam in the age of globalization and economic integration.

3.2 Student Learning Outcomes

Upon the successful completion of this course students will be able to:

Competency level	Course learning outcome (CLO)
Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in international economics conduct and apply ethical practices.
Knowledge	CLO2. Demonstrate a proficiency in utilising numerical and graphical techniques as well as verbal presentation of international economic concepts. CLO3. Select and apply an appropriate model to a given international economic problem in a logical, rigorous, and precise manner.
Skills	CLO4. Develop communications skills through the presentation of students' work and interactions during class discussion sessions. CLO5. Assess the international economic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations. CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in international economics.

3.3 Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3.4 Teaching Strategies

The learning system in this course consists of lectures and scheduled presentations/discussions. Lectures elaborate the appropriate theoretical content in the textbook and readings. Classes provide a more detailed and refined analysis of both concepts and applied materials. Classes are strongly oriented towards interactive discussion of the text and cases. In order to gain the most from the lectures and class activities, the assigned text/reading should be read *before* the lecture to participate in the discussions.

From the second week, the students will need to form small discussion groups (3-4 students/group) which will take turns in presenting the assigned cases each week. However, all students are required to take active part in the discussions in class. Look at articles and clippings from business sections of relevant electronic and print media which are relevant to the presentation topic. The students should explain how the material relates to the theory discussed in the text. Discuss with group members as to the common strategy for sourcing, documenting, analyzing and presenting cases each week - for which a basic minimum interaction will be necessary. For the audience, it is important that they contribute to the case by getting additional information carefully beforehand so that they are fully familiar with the materials, and are prepared to participate in the discussions.

4. GENERAL CONDUCT AND BEHAVIOR

You are expected to conduct yourself with considerable and respect for the needs of your fellow students and teaching staff. Conduct that unduly disrupts or interferes with a class, such as ringing, or talking on mobile phones, or chatting on internet, is not acceptable and students may be asked to leave the class.

Most classes will begin with a “cold call” to one specific student that will open the case, which is selected from the textbook, reference materials, and business news, and provoke class discussion. In the course of a semester, every student will receive a cold call at least once. After the opening question, the class will collectively analyze, argue, approach, and persuade polite society (the class). The instructor’s role is one of orchestration and additional stimulation of discussion.

5. LEARNING ASSESSMENT

5.1 Formal Requirements

In order to pass this course, the students must:

- achieve a composite mark of at least 50; and
- make a satisfactory attempt at all assessment tasks (see below).

5.2 Assessment Details

Performance will be evaluated on the basis of 2 home assignments, a midterm exam and a final exam,

Mid-Term Exam (One Hour)	30%
Written Assignment	30%
<u>Final Exam (Two Hours)</u>	<u>40%</u>
Total	100%

5.3 Written Assignment

A 10% per day penalty will be applied to late assignments. Assignments more than 3 days late will not be accepted. Technological issues are not considered a valid excuse for late assignments.

5.4 Exam Dates & Policies

Failure to take the final exam at the scheduled time will result in a grade of zero unless there is a serious family or personal matter of which I must be notified before the exam. All academic work must meet the standards relevant to referencing and plagiarism.

5.5 Class participation

Students are expected to attend every class and be on time. Students are entitled to 2 absences from class without loss of grade. For each additional absence without a doctor's excuse, I will deduct one-half point from the final grade.

5.6 Special Consideration

Request for special consideration (for final examination only) must be made to the Office of Academic Affairs within one week after the examination. General policy and information on special consideration can be found at the Office of Academic Affairs.

6. ACADEMIC HONESTY AND PLAGIARISM

Plagiarism is the presentation of the thoughts or work of another as one's own (*definition proposed by the University of Newcastle*). Students are also reminded that careful time management is an important part of study and one of the identified causes of plagiarism is poor time management. Students should allow sufficient time for research, drafting, and the proper referencing of sources in preparing all assessment items. The university regards plagiarism as a form of academic misconduct, and has very strict rules regarding plagiarism.¹

7. STUDENT RESOURCES

7.1 Course Resources

Please note that it is very important to gain familiarity with the subject matter in the readings and cases *prior to* attendance in classes.

¹ This is adapted with kind permission from the University of New South Wales.

Required text: Feenstra, Robert C. and Alan M. Taylor, Essentials of International Economics, Third Edition, New York: Worth Publishers, 2014. (Earlier versions are acceptable.)

Other useful texts:

Eichengreen, B., Globalizing Capital: A History of the International Monetary System., Princeton University Press, 2e.^[L]_[SEP]

Gerber, J., International Economics, Prentice Hall, 7e.^[L]_[SEP]

Pugel, T., International Economics, McGraw-Hill, 16e.

Salvatore, D., International Economics, John Wiley & Sons, 12e

Additional materials provided in Blackboard

The lecturer will attempt to make lecture notes and additional reading available on Blackboard. However this is not an automatic entitlement for students doing this subject. Note that this is not a distance learning course, and you are expected to attend lectures and take notes. This way, you will get the additional benefit of class interaction and demonstration.

Recommended Internet sites

[UNCTAD](#) (United Nations Conference on Trade and Development)

[WTO](#) (World Trade Organization)

[Business Week](#)

[The Economist](#)

[Fortune](#)

[Forbes](#)

Recommended Journals

Harvard Business Review

International Business Review

Journal of Management Studies

Asia Pacific Journal of Management

7.2 Other Resources, Support and Information

Additional learning assistance is available for students in this course and will be made available in Blackboard. Academic journal articles are available through connections via the [VNU - Central Library](#). Recommended articles will be duly informed to the students.

8. COURSE SCHEDULE

Week	Topic	Learning materials and activities
1	The global economy	Textbook, Chapter 1
2-4	Trade and technology: the Ricardian model ^[1] _{SEP}	Textbook, Chapter 2
5-6	Trade and resources: The Heckscher-Ohlin model	Textbook, Chapter 4
7-8	Tariffs and quotas under perfect competition ^[1] _{SEP}	Textbook, Chapter 7
	Midterm Exam	
9-10	Introduction to exchange rates and the foreign exchange market ^[1] _{SEP}	Textbook, Chapter 10
11-13	Exchange rates I: the monetary approach in the long run	Textbook, Chapter 11
14	National and international accounts: Income, wealth, and the balance of payments	Textbook, Chapter 13
15	Review	

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán/ bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA130IU - ORGANIZATIONAL BEHAVIOR

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Hành vi tổ chức

+ Tiếng Anh: **Organizational Behavior**

- Mã số môn học: **BA130IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Không

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Khóa học này kiểm tra lý thuyết và thực hành về cách thức và lý do tổ chức hoạt động theo cách họ làm. Khóa học phân tích các yếu tố gây ra hành vi nhất định trong một tổ chức và trình bày các khuôn khổ khái niệm để phân tích cách hành vi đó ảnh hưởng đến việc ra quyết định và hiệu quả tổ chức như thế nào. Các chủ đề chính của nghiên cứu bao gồm: sự năng động của con người và tổ chức, quản lý truyền thông, hệ thống xã hội và văn hóa tổ chức, động lực và hệ thống khen thưởng, lãnh đạo và trao quyền, thái độ và tác động của nó, hành vi giữa các cá nhân và nhóm, nhóm và xây dựng nhóm, quản lý thay đổi, căng thẳng và tư vấn

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- Donald R. Brown, *An Experiential Approach to Organization Development*, 8th edition, Prentice Hall
- Naomi Stanford, *Organizational Design: The Collaborative Approach*, 1st edition, Elsevier
- Richard Daff, *Organizational Theory and Design*, 10th edition, South Western.

Tài liệu khác:

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển các kỹ năng trong: – Phân tích cách tổ chức có thể sử dụng các lý thuyết và thực hành Hành vi tổ chức để tăng cường việc học tập và hợp tác trong tổ chức. – Pha trộn cẩn thận lý thuyết và thực hành để các khái niệm và mô hình Hành vi tổ chức được áp dụng trong thế giới thực để xây dựng các tổ chức tốt hơn và hiệu quả trong môi trường kinh doanh cạnh tranh. – Suy nghĩ nghiêm túc về cách quản lý khía cạnh con người của tổ chức khi không phải mọi hành vi đều hoàn toàn hợp lý.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	minh cho các quyết định.		
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị. • Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	I, T, U
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về hành vi tổ chức	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

3	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	PHẦN I: CÁ NHÂN TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
6	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
7	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
11	PHẦN II: NHÓM TRONG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
12	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
13	PHẦN III: HỆ THỐNG TỔ CHỨC (tt)	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa quản trị kinh doanh
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA016IU - FUNDAMENTALS OF FINANCIAL MANAGEMENT

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Nguyên lý Quản trị Tài chính

+ Tiếng Anh: **Fundamentals of Financial Management**

- Mã số môn học: **BA016IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☒ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Kế toán tài chính (BA184IU/BA005IU) hoặc Kế toán tài chính 1 (BA283IU)

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Mục tiêu của khóa học này là để tiếp xúc với sinh viên và làm quen chúng với các khung lý thuyết và các vấn đề thực tế về quản lý tài chính. Kinh nghiệm học tập sẽ bao gồm: giới thiệu về quản lý tài chính; giá trị thời gian của tiền; kỹ thuật định giá các công cụ tài chính như trái phiếu và cổ phiếu; đánh giá các dự án lớn; mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận; giới thiệu về mô hình định giá tài sản vốn (CAPM) và lý thuyết danh mục đầu tư; và chi phí vốn và cơ cấu vốn.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

I Brigham, E.F. & Ehrhardt M.C. *Financial Management: Theory and Practice*, 14th ed, Thompson South-Western.

Tài liệu khác:

Brealey, R.A., Myers, S.C. and Marcus, A.J., *Fundamentals of Corporate Finance*, 7th ed, McGraw Hill 2013

Phần mềm: N/A

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ có thể:	PLO1, PLO3	5%
		...	
	• Giải thích mục đích, mục đích và tầm quan trọng của quản lý tài chính; • Tính toán các chỉ tiêu tài chính và tiến hành phân tích tài chính cơ bản của công ty; • Hiểu báo cáo tài chính; Có thể diễn giải thông tin kế toán cho các quyết định quản lý • Hiểu mối quan hệ giữa rủi ro và lợi tức; • Hiểu được giá trị thời gian của tiền và có các kỹ năng để chuyển đổi các giá trị thời gian tài chính; • Định giá cơ bản các trái phiếu, cổ phiếu và các dự án đầu tư; • Đánh giá các lựa chọn thay thế ngân sách vốn, sử dụng chi phí vốn của công ty kết hợp với tỷ suất hoàn vốn nội bộ và các kỹ thuật giá trị hiện tại ròng; • Tính chi phí vốn và cơ cấu vốn.		

G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3. Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Khả năng có kiến thức vững chắc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, đánh giá cao những thay đổi và động lực trong môi trường rộng lớn, và thấu hiểu các ứng dụng của kiến thức quản trị kinh doanh tập trung vào một trong bốn mức độ: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Marketing và Tài chính và Ngân hàng. • Một kiến thức toàn diện và được thành lập về lĩnh vực này. Tất cả các mục tiêu của khóa học kết hợp sẽ dẫn đến một giới thiệu toàn diện về lĩnh vực kế toán.	I, T, U
G1.2	• Khả năng áp dụng các kỹ thuật phân tích định lượng và định tính phù hợp, các khuôn khổ khái niệm có liên quan và kiến thức chung trong các chuyên ngành để rút ra các kết luận hợp lệ và đưa ra các khuyến nghị.	I, T, U

	• Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp cho cả khán giả trong nước và quốc tế. • Khả năng hiểu các vấn đề trong nhiều quan điểm, giải thích thông tin một cách hiệu quả và đưa ra đánh giá đúng đắn. • Khả năng áp dụng các kỹ thuật thích hợp và hiệu quả cho các thiết lập giao tiếp và kinh doanh.	
G1.3	Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh bằng cách sử dụng các phương thức giao tiếp phù hợp để giải quyết các đối tượng trong nước và quốc tế. Học sinh cũng được dự kiến sẽ có thái độ đạo đức trong công việc; khả năng nhận thức và quan điểm về toàn cầu hóa; làm việc theo nhóm; kỹ năng tự học và phát triển nghề nghiệp	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Bu ổi học	Nội dung (2)	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)

(1)		(3)		
1	Giới thiệu về quản lý tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Phân tích báo cáo tài chính	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2. Quiz
4	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm
5	Giá trị thời gian của tiền	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
6	Trái phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
7	Cổ phiếu và giá trị	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
8	Ôn tập thi giữa kỳ Kỳ thi giữa kỳ		Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Tiêu chí đầu tư dự án và Quyết định ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
10	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
11	Ngân sách vốn và dự báo dòng tiền	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
12	Rủi ro, lợi nhuận và ngân sách vốn	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
13	Cơ cấu vốn và chi phí vốn	G 1.1, 1.2	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Bài tập	A1.1 Bài tập nhóm
14	Ôn tập	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước Quiz	A1.2 Quiz
15	Thi cuối kỳ	G 1.1, 1.2, 1.3	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận; thuyết trình Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A3.1 Bài thi cuối kỳ

- (1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu
cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Tài chính Ngân hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA081IU - BUSINESS LAW

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Luật kinh doanh
 - + Tiếng Anh: **Business law**
- Mã số môn học: **BA081IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☒ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Pháp luật Đại cương (PE021IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Tiếp theo là Giới thiệu về hệ thống pháp luật Việt Nam, khóa học này cung cấp thêm kiến thức pháp lý cụ thể và thực tiễn hơn về quy định áp dụng cho toàn bộ vòng đời của doanh nghiệp, tức là từ khi thành lập, hoạt động cho đến khi giải thể / phá sản doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên sẽ được giới thiệu với các tổ chức thương mại quốc tế và các quy tắc thương mại quốc tế chính được áp dụng rộng rãi và cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam trong khi giao dịch với các thực thể nước ngoài trong thời đại toàn cầu hóa. Chủ đề này sẽ tăng cường hơn nữa khả năng giải quyết vấn đề của học sinh và kỹ năng phân tích pháp lý với khả năng áp dụng được cải thiện trong các tình huống thực tế hàng ngày.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- - Bộ luật Dân sự Việt Nam - 2015
- - Luật Thương mại - 2005
- - Luật Đầu tư - 2014
- - Luật Doanh nghiệp - 2014
- - Luật phá sản - 2014
- - Mã thủ tục dân sự - 2015
- - Luật Trọng tài thương mại - 2010.

Tài liệu khác:

- Đại học luật Hà Nội, Giáo trình Luật Thương mại 1, (10th edn, Công An Nhân Dân 2014).
- Đại học luật Hà Nội, Giáo trình Luật Thương mại 2, (9th edn, Công An Nhân Dân 2015)

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

...

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TDNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TDNL (4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		...	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần có: • Kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh và doanh nghiệp. Các khái niệm và nguyên tắc chính. • Kiến thức về các vấn đề cụ thể cho hoạt động, tổ chức lại và khả năng thanh toán của doanh nghiệp • Có khả năng phân tích và lựa chọn cách tốt nhất để giải quyết các tranh chấp kinh doanh và áp dụng các quy định phù hợp nhất cho doanh nghiệp. • Kiến thức sâu sắc về ngôn ngữ pháp lý và ứng dụng của nó.	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Phân tích và kỹ năng giải quyết vấn đề được áp dụng cho các trường hợp thực tế. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết	I, T, U

	định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	- Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam			
2	Chương II: Đơn vị kinh doanh: Hộ kinh doanh, Doanh nghiệp tư nhân và Đối tác. • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Chương III: Đơn vị kinh doanh: Công ty trách nhiệm hữu hạn (Thành viên ký và hai thành viên trở lên) • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Chương IV: Đơn vị kinh doanh: Công ty cổ phần và doanh nghiệp nhà nước • Đặc điểm • Cơ cấu quản lý • Điểm mạnh và điểm yếu • So sánh với các thực thể khác	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Chương V: Đăng ký kinh doanh và tổ chức lại: Đăng ký kinh doanh: • Thủ tục • Thủ tục Tổ chức lại doanh nghiệp: • Hợp nhất • Sáp nhập • Tách biệt • Phòng ban • Giải tán.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương VI: Luật phá sản • Khả năng thanh toán • Thủ tục phá sản • Hậu quả pháp lý của phá sản	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
7	Chương VII: Luật đầu tư Giới thiệu chung: • Hoạt động đầu tư kinh doanh • Lĩnh vực đầu tư kinh doanh • Chính sách đầu tư (bảo lãnh đầu tư, hỗ trợ và ưu đãi) • Thủ tục đầu tư kinh doanh	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Chương VIII: Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giới thiệu về các phương pháp giải quyết tranh chấp. • Định nghĩa và bản chất của từng phương pháp giải quyết tranh chấp • Ưu và nhược điểm của từng phương pháp giải quyết tranh chấp • Giải quyết tranh chấp theo hệ thống tòa án theo thủ tục tố tụng dân sự của Việt Nam - Thẩm quyền của Tòa án - Nguyên tắc giải quyết tranh chấp - Thủ tục giải quyết tranh chấp - Phiên tòa sơ thẩm - Xét xử phúc thẩm - Đường mòn Cassation - Mở lại bản dùng thử	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Giải quyết tranh chấp kinh doanh: • Giải quyết tranh chấp theo Trọng tài theo luật pháp Việt Nam - Giới thiệu chung về quy định của Trọng tài Việt Nam và Pháp lệnh Trọng tài 2010 • Thẩm quyền của Trọng tài • Thủ tục giải quyết tranh chấp	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Luật hợp đồng: quy định chung • Giới thiệu chung: - Định nghĩa - Đối tượng - Nguyên tắc • Hiệu lực của hợp đồng • Hình thành hợp đồng - Đề nghị và chấp nhận - Hình thức hợp đồng - Thời gian và địa điểm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

	- Nội dung hợp đồng • Hiệu lực của hợp đồng			
11	Luật hợp đồng: Quy định chung • Hiệu suất hợp đồng - Nguyên tắc - Hiệu suất hợp đồng trong các trường hợp cụ thể • Vi phạm và Biện pháp khắc phục • Chấm dứt hợp đồng	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Luật kinh doanh và thực thể kinh doanh • Giới thiệu khóa học và giải thích về giáo trình và các vấn đề học thuật khác • Giới thiệu về Luật doanh nghiệp - Luật kinh doanh là gì? - Vấn đề của nó - Chủ đề chính của nó - Nguồn của nó - Vai trò của nó - Nghiên cứu so sánh các hệ thống luật kinh doanh nghiêm trọng • Giới thiệu về các thực thể kinh doanh • Tổng quan và bản chất của các đơn vị kinh doanh tại Việt Nam	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Luật thương mại quốc tế Giới thiệu • Giới thiệu về Luật Thương mại Kinh doanh • Nguồn luật thương mại quốc tế • Giới thiệu về các Tổ chức Thương mại Quốc tế chính: WTO • Giới thiệu về các tổ chức thương mại khu vực: EU, ASEAN, MERCOSUR...	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
14	Luật kinh doanh quốc tế Giới thiệu • Bán hàng hóa quốc tế - Incoterm 2010 - Công ước Vienna về bán hàng hóa quốc tế 1980 • Vận chuyển hàng hóa quốc tế • Thanh toán quốc tế: 600 UCP	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Thi cuối kì	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

			Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Quản Trị Kinh Doanh/ Bộ môn Quản trị
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA209IU - RESEARCH METHOD IN ECONOMICS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế

+ Tiếng Anh: **Research Method in Economics**

- Mã số môn học: **EFA209IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☒ Kiến thức chuyên ngành

☐ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 3

+ Thực hành

- Môn học tiên quyết: Thống Kê Trong Kinh Doanh (BA080IU)

- Môn học song hành: Khóa học này kết hợp kiến thức của tất cả các khóa học (đặc biệt là các khóa học chuyên môn của bạn) và lý thuyết phương pháp nghiên cứu (sẽ được cung cấp trong khóa học này) để giải quyết một dự án / vấn đề thực tế

2. Mô tả môn học

Khóa học này cung cấp các chủ đề quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu. Nó giới thiệu toàn bộ quá trình nghiên cứu, từ xây dựng các câu hỏi nghiên cứu đến thiết kế nghiên cứu và kết thúc bằng việc viết báo cáo. Nội dung khóa học nhấn mạnh vào phương pháp thiết kế nghiên cứu định lượng, nó cũng cung cấp các kỹ thuật cho phương pháp thu thập dữ liệu, thiết kế dụng cụ đo lường và sàng lọc, chuẩn bị và phân tích dữ liệu. Khóa học cũng đề cập đến các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu.

3. Tài liệu học tập

Giáo trình:

- Cooper, R.D. & Schindler, S.P. (2011). Business Research Methods. 12nd Ed. McGraw-Hill Irwin. NY.
- Bhattacharjee (2012), Social Science Research: Principles, Methods, and Practices
- Woodside (2010), Case Study Research: Theory, Methods, Practice. **Tài liệu khác:**

Phần mềm:

N/A

4. Mục tiêu môn học

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	Đến cuối khóa học, học sinh được mong đợi đạt được thành thạo trong các lĩnh vực sau: - phân biệt giữa nghiên cứu và nghiên cứu tốt không đạt chất lượng chuyên nghiệp - đánh giá cao giá trị của việc học các kỹ năng quy trình nghiên cứu - xác định và xây dựng các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết - viết và phê bình các đề xuất nghiên cứu - xác định các vấn đề đạo đức và nghiên cứu và hiểu sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành nghiên cứu - hiểu và áp dụng các loại thiết kế nghiên cứu chính - hiểu các mối quan hệ tồn tại giữa các biến trong thiết kế nghiên cứu và các bước để đánh giá các mối quan hệ đó - lập kế hoạch và thu thập dữ liệu mẫu cho một dự án nghiên cứu - hiểu và đánh giá nội dung, tiêu chí liên quan và xây dựng tính hợp lệ và độ tin cậy - phát triển các công cụ khảo sát và tiến hành nghiên cứu khảo sát - Thu thập, mã và phân tích các loại dữ liệu khác nhau - khám phá, hiển thị và kiểm tra dữ liệu - kết quả nghiên cứu hiện tại qua cả báo cáo bằng văn bản và bằng miệng.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.		
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh tế chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	3%
		...	
...			

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Đến cuối khóa học, học sinh được mong đợi đạt được thành thạo trong các lĩnh vực sau: - phân biệt giữa nghiên cứu và nghiên cứu tốt không đạt chất lượng chuyên nghiệp - đánh giá cao giá trị của việc học các kỹ năng quy trình nghiên cứu - xác định và xây dựng các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết - viết và phê bình các đề xuất nghiên cứu - xác định các vấn đề đạo đức và nghiên cứu và hiểu sự cần thiết phải tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành nghiên cứu - hiểu và áp dụng các loại thiết kế nghiên cứu chính - hiểu các mối quan hệ tồn tại giữa các biến trong thiết kế nghiên cứu và các bước để đánh giá các mối quan hệ đó - lập kế hoạch và thu thập dữ liệu mẫu cho một dự án nghiên cứu - hiểu và đánh giá nội dung, tiêu chí liên quan và xây dựng tính hợp lệ và độ tin cậy - phát triển các công cụ khảo sát và tiến hành nghiên cứu khảo sát - Thu thập, mã và phân tích các loại dữ liệu khác nhau - khám phá, hiển thị và kiểm tra dữ liệu - kết quả nghiên cứu hiện tại qua cả báo cáo bằng văn bản và bằng miệng.	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói.	I, T, U

	- Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh tế chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	40%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	25%
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.1, G1.2	
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.1, G1.2, G1.3	35%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Chương I: Giới thiệu	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Chương II:	G 1.1, 1.2,	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	Quy trình nghiên cứu		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
3	Chương III: Làm rõ câu hỏi nghiên cứu thông qua dữ liệu thứ cấp và thăm dò	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
4	Chương IV: Thiết kế nghiên cứu Buổi dạy kèm I	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
5	Chương V: Phương pháp định lượng Buổi dạy kèm II	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Chương VI: Kiểm tra đo lường và chất lượng Buổi dạy kèm III	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
7	Chương VI: Kiểm tra đo lường và chất lượng (tiếp theo)	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
8	Thuyết trình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
9	Chương VII: Lấy mẫu Tương quan và hồi quy (Phương pháp định lượng) Buổi dạy kèm 4	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
10	Chương VIII: Tiến hành nghiên cứu và viết và trình bày bài báo	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
11	Chương IX:	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng	A1.2 Quizzes

	Hội thảo về các chủ đề được chọn trong tài chính Buổi dạy kèm 5		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
12	Chương X: Hội thảo về nghiên cứu điển hình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
13	Chương XI: Hội thảo về các đề tài mẫu được lựa chọn	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
14	Thuyết trình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
15	Thuyết trình	G 1.1, 1.3,	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp

học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính và Kế toán / bộ môn Kinh tế
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA201IU - INTERMEDIATE MICROECONOMICS

Course Name: Intermediate Microeconomics

Course Code: EFA201IU

1. General information

Course designation	<i>Following the introduction to microeconomics course, this course is designed to study of theories of supply and demand; consumer and producer decision-making; firm pricing policies; product and resource markets under conditions of perfect and imperfect competition; and imperfect and asymmetric information.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.

Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ² : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics
Course objectives	The objectives of this course are to: (i) Present microeconomic theory as a tool for consumer and producer decision-making, and for public policy analysis. (ii) Introduce mathematical models to model economic concepts. (iii) Explain microeconomic behavior using problem solving and application of the theories to the analysis of economic issues. (iv) Develop analytical and critical thinking skills within the framework of microeconomic analysis.

² When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in microeconomics conduct and apply ethical practices.
	Knowledge	CLO2. Demonstrate a proficiency in utilising numerical and graphical techniques as well as verbal presentation of microeconomic concepts. CLO3. Select and apply an appropriate model to a given microeconomic problem in a logical, rigorous, and precise manner.
	Skills	CLO4. Develop communications skills through the presentation of students' work and interactions during class discussion sessions. CLO5. Assess the microeconomic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations. CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in microeconomics.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i>		
	Weight: lecture session (3 hours)		
	Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	The Basics of Supply and Demand	1	I, T
	Consumer Behavior	1	T, U
	Individual and Market Demand	2	T, U
	Uncertainty and Consumer Behavior	1	I, T
	Production	2	T
	The Cost of Production	2	T, U
	Profit Maximization and Competitive Supply	1	T, U
	The Analysis of Competitive Markets	1	T, U
	Market Power: Monopoly and Monopsony	1	T, U
	Monopolistic Competition and Oligopoly	1	T, U
	Markets with Asymmetric Information	1	T
Externalities and Public Goods	1	T, U	
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1] Pindyck, R., & Rubinfeld, D. (2018). Microeconomics, (8 th edition). Pearson Education.		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	The Basics of Supply and Demand	1,3		Lecture, Discussion,	[1]
2	Consumer Behavior	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3-4	Individual and Market Demand	2,4,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Uncertainty and Consumer Behavior	2,3,6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Production	2,3,4		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	The Cost of Production	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Profit Maximization and Competitive Supply	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
9-10	Midterm				

11	The Analysis of Competitive Markets	2,3,4,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Market Power: Monopoly and Monopsony	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Monopolistic Competition and Oligopoly	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Markets with Asymmetric Information	2,3,5,6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Externalities and Public Goods	2,3,4,5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Passes		
Group project (15%)	x 80%Passes				x 80%Passes	x 80%Passes
Midterm exam (30%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes		
Final exam (40%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		

Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints;	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes

	to place evidence and perspectives discussed in priority order.	related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	(consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable,	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation,

	speaker appears polished and confident.	speaker appears comfortable.	and speaker appears tentative.	and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

6. Date revised: November 5, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / 4 / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA202IU - INTERMEDIATE MACROECONOMICS

Course Name: Intermediate Macroeconomics

Course Code: EFA202IU

7. General information

Course designation	Macroeconomics is the study of the economy as a whole, including growth in incomes, changes in prices, and the rate of unemployment. The objective of this course is to gain a formal understanding of macroeconomic topics such as what determines economic growth, what are the consequences of economic fluctuations, and what are the short run and long run determinants of aggregate income, wages rates, exchange rates, inflation rates, interest rates, and unemployment rates.
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English

Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ³ : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Macroeconomics

³ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	The objective of this course is to gain a formal understanding of macroeconomic topics such as what determines economic growth, what are the consequences of economic fluctuations, and what are the short run and long run determinants of aggregate income, wages rates, exchange rates, inflation rates, interest rates, and unemployment rates. In order to do this we will study the main models that have been developed by macroeconomists to explain the behavior of economies and to investigate the implications of those models for policy-making decisions. The principal material of this course is a presentation of the basic macroeconomic models of (a) long run growth and output mix and (b) business cycles and government policies which might be used to mitigate them. By the end of this course, you should have an understanding of the functioning of a modern macroeconomy and its ability to deliver goods and services both in the short-run and the long run.	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in macroeconomics conduct and apply ethical practices.
	Knowledge	CLO2. Be able to describe the determinants of long-run economic growth, employment and inflation. CLO3. Be able to explain the causes and consequences of short-run fluctuations in economic activity using different macroeconomic models. CLO4. Be able to explain the role of international trade in macroeconomic fluctuations
	Skills	CLO5. Develop communications skills through the presentation of students' work and interactions during class discussion sessions. CLO6. Assess the macroeconomic theories and models in terms of their policy implications, advantages and limitations. CLO7. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in macroeconomics.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics Chapter 3: National Income</td><td>2</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Chapter 4 & 5: Money and Inflation</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Chapter 7: Unemployment</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 8: Economic Growth I</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Chapter 9: Economic Growth II</td><td>1</td><td>T</td></tr><tr><td>Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 11: Aggregate Demand I</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 12: Aggregate Demand II</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 6: The Open Economy</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment</td><td>1</td><td>T</td></tr><tr><td>Chapter 15: Review</td><td>1</td><td>T, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics Chapter 3: National Income	2	I, T	Chapter 4 & 5: Money and Inflation	1	I, T	Chapter 7: Unemployment	1	T, U	Chapter 8: Economic Growth I	1	I, T	Chapter 9: Economic Growth II	1	T	Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations	1	T, U	Chapter 11: Aggregate Demand I	2	T, U	Chapter 12: Aggregate Demand II	1	T, U	Chapter 6: The Open Economy	1	T, U	Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model	2	T, U	Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment	1	T	Chapter 15: Review	1	T, U
Topic	Weight	Level																																						
Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics Chapter 3: National Income	2	I, T																																						
Chapter 4 & 5: Money and Inflation	1	I, T																																						
Chapter 7: Unemployment	1	T, U																																						
Chapter 8: Economic Growth I	1	I, T																																						
Chapter 9: Economic Growth II	1	T																																						
Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations	1	T, U																																						
Chapter 11: Aggregate Demand I	2	T, U																																						
Chapter 12: Aggregate Demand II	1	T, U																																						
Chapter 6: The Open Economy	1	T, U																																						
Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model	2	T, U																																						
Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment	1	T																																						
Chapter 15: Review	1	T, U																																						
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions																																							
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.																																							

Reading list	[1] <i>Macroeconomics 10th Edition</i> is written by N. Gregory Mankiw

8. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

9. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1-2	Chapters 1 & 2: Introduction to Macroeconomics Chapter 3: National Income	2,5		Lecture, Discussion,	[1]
3	Chapter 4 & 5: Money and Inflation	2,5,6		Lecture, Discussion,	[1]
4	Chapter 7: Unemployment	2,5,6	Quiz 1	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Chapter 8: Economic Growth I	2,5,6		Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Chapter 9: Economic Growth II	2,5,6	Quiz 2	Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Chapter 10: Introduction to Economic Fluctuations				
8	Midterm examination				
9-10	Chapter 11: Aggregate Demand I	3,,5, 6		Lecture, Group work,	

				Discussion	
11	Chapter 12: Aggregate Demand II	3,5,6	Quiz 3	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
12	Chapter 6: The Open Economy	4,5,6		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13-14	Chapter 13: Open Economy: Mundell-Fleming Model	4,5,6		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
15	Chapter 14: Aggregate Supply and the Short-Run Tradeoff Between Inflation and Unemployment	3,5,6	Quiz 4	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
16	Chapter 15: Review + Presentation	1,5,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, iz	[1]
17	Final exam				

10. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass			
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass			
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass			

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

11. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		

Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequence)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints;	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes

	to place evidence and perspectives discussed in priority order.	related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	(consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker

	polished and confident.			appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

12. Date revised: November 5, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA203IU - INTRODUCTORY ECONOMETRICS

Course Name: Introductory Econometrics

Course Code: EFA203IU

1. General information

Course designation	<i>This course introduces the use of econometrics to explore and estimate economic relationships using linear regression models. The course will give students a basic understanding of methods required to model the inter-relationship between variables and prepare them for further studies of econometric methods.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ⁴ : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Statistics for Business

⁴ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	This unit introduces some basic econometric techniques employed by economists in the analysis of economic relationships. These techniques are also used extensively in marketing and finance. Topics covered will usually include: estimation and hypothesis testing; simple and multiple regression; prediction; the interpretation and evaluation of regression models, including an elementary discussion of nonlinear modelling, heteroscedasticity, autocorrelation, multicollinearity and specification error; and the use of categorical or qualitative data in regression models.		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Critically evaluate the assumptions of classical (or standard) regression model and consequences of violation of the assumptions.	
	Knowledge	CLO2. Analyse and apply key statistical concepts including probability distributions, parameters estimators, the sampling distribution of an estimator, point and interval estimation, and hypothesis testing. CLO3. Summarise and interpret the estimation results and draw valid inferences utilising hypothesis testing.	
	Skills	CLO4. Specify, estimate, and interpret a regression model. CLO5. Employ an econometric software program to solve an econometric problem.	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Econometrics and economic data	1	I, T, U
	Basic mathematical tools	1	I, T, U
	Fundamentals of statistics I	1	I, T, U
	Fundamentals of statistics II	1	I, T, U
	The simple regression model	1	T, U
	Multiple regression analysis: estimation	1	T, U
	Multiple regression analysis: inference	1	T, U
	Multiple regression analysis: OLS asymptotics	1	T, U
	Model specification	1	T, U
	Multiple regression analysis: dummy variables	1	T, U
	Heteroscedasticity	1	T, U
	More on Specification and Data Issues	1	T, U
	Econometrics in action	2	T, U
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions		

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	[1] Introductory Econometrics: Asia-Pacific Edition, Jeffrey M. Wooldridge, Mokhtarul Wadud, Jenny Lye, and Roselyne Joyeux, 2 nd ed (2021).

13. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

14. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessments	Learning activities	Resources
1	Econometrics and economic data	2	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
2	Basic mathematical tools	2	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
3	Fundamentals of statistics I	2,3	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
4	Fundamentals of statistics II	2,3	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
5	The simple regression model	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
6	Multiple regression analysis: estimation	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
7	Multiple regression analysis: inference I	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
8	Multiple regression analysis: OLS asymptotics	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				

11	Model specification	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
12	Multiple regression analysis: dummy variables	4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
13	Heteroscedasticity	1,4,5	Quiz Due: Assignment	Lecture, Discussion	[1]
14-15	Econometrics in action	1,3,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
16	More on Specification and Data Issues	1,4,5	Quiz	Lecture, Discussion	[1]
17	Revision			Revision	
18	Final exam				

15. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Quizzes (10%)	x 80%Passes	x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Passes	
Assignment (20%)			x 80%Pass	x 80%Passes	x 80%Passes
Midterm exam (30%)	x 70%Passes	x 70%Passes	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

16. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		

Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequence)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related

	evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

17. Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA204IU - TIME SERIES ECONOMETRICS

Course Name: Time Series Econometrics

Course Code: EFA204IU

1. General information

Course designation	This course provides a broad, mature, and systematic introduction to current financial econometric models and their applications to modeling and prediction of financial time series data. It utilizes real-world examples and real financial data to apply the time-series models and methods.
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Vo Xuan Hong
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, quiz, class discussion, problem-solving, lab session
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (lecture and discussion): 45 The private study including examination preparation, specified in hours ⁵ : 90
Credit points	3

⁵ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organization of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Required and recommended prerequisites for joining the course	Statistics for Business	
Course objectives	The main objectives of this course are to provide some knowledge of financial time series, introduce some statistical tools useful for analyzing these series and gain experience in financial applications of various econometric methods. Because of the applied emphasis, Python is chosen to practically implement the time-series models and methods discussed in the lectures.	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Knowledge	CLO1. Acquire the basic skills in time series analysis in terms of model selection, model estimation, model estimation, and model diagnostics
	Skills	CLO2. Apply time series analysis techniques and Python to solve real-world problems in finance and economics CLO3. Summarize and interpret results of time series analysis in written, oral, and visual form. CLO4. Learn within teams (such skills as task assignment and management, conflict resolution and cooperation, consensus building, and leadership)
	Attitude	CLO5. Express well-considered opinions on issues relating to financial econometrics.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Financial time series and their characteristics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Linear time series analysis and its applications</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Multivariate time series analysis and its applications</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Multivariate time series analysis and its applications</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Short-and long-run relationships among time series</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Conditional heteroscedastic models and their application</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Multivariate volatility models and their applications</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Deep learning and machine learning for time series forecasting</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Time-series analysis with Python</td><td>4</td><td>I, T, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Financial time series and their characteristics	1	I, T	Linear time series analysis and its applications	2	T, U	Multivariate time series analysis and its applications	2	T, U	Multivariate time series analysis and its applications	6	T, U	Short-and long-run relationships among time series	2	T, U	Conditional heteroscedastic models and their application	2	T, U	Multivariate volatility models and their applications	1	T, U	Deep learning and machine learning for time series forecasting	1	T, U	Time-series analysis with Python	4	I, T, U
Topic	Weight	Level																													
Financial time series and their characteristics	1	I, T																													
Linear time series analysis and its applications	2	T, U																													
Multivariate time series analysis and its applications	2	T, U																													
Multivariate time series analysis and its applications	6	T, U																													
Short-and long-run relationships among time series	2	T, U																													
Conditional heteroscedastic models and their application	2	T, U																													
Multivariate volatility models and their applications	1	T, U																													
Deep learning and machine learning for time series forecasting	1	T, U																													
Time-series analysis with Python	4	I, T, U																													
Examination forms	Quiz, homework, group project, and mid-term and final exams																														
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.																														
Reading list	Textbooks: [1] Tsay, Ruey S., 2010, <i>Analysis of financial time series</i>, 3rd Edition, Wiley [2] Laopodis, Nikiforos T., <i>Financial economics and econometrics</i>, Routledge [3] Atwan, Tarek A., 2022, <i>Time series analysis with Python cookbook: Practical recipes for exploratory data analysis, data preparation, forecasting, and model evaluation</i>, Packt Publishing [4] Brook, Chris, 2019, <i>Introductory econometrics for finance</i>, 4th Edition, Cambridge University Press.																														

18. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-5) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-9) is shown in the following table:

CLO	PLO								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1		x							
2		x	x		x	x			
3		x	x		x	x			
4	x			x					x
5	x			x			x	x	

19. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Financial time series and their characteristics	1	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 1 [2] Chapter 3
2-3	Linear time series analysis and its applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 2 [2] Chapter 4 [4] Chapter 6
4-5	Multivariate time series analysis and its applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 8 [4] Chapter 7
6-8	Time-series analysis with Python (Part 1)	1,2,3,4	Quiz/HW	Lecture, Discussion, lab, Exercises	[3] Chapters 1-10
9-10	Midterm				

11-12	Short-and long-run relationships among time series	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[2] Chapter 5 [4] Chapter 8
13-14	Conditional heteroscedastic models and their application	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 3 [2] Chapter 11 [4] Chapter 9
15	Multivariate volatility models and their applications	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[1] Chapter 10 [2] Chapter 12
16	Deep learning and machine learning for time series forecasting	1,2,3	Quiz/HW	Lecture, Discussion, Exercises	[3] Chapter 13
17	Time-series analysis with Python (Part 2)	1,2,3,4,5	Quiz/HW	Lecture, Discussion, lab, Exercises	[3] Chapters 11, 13
18	Final exam				

20. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Participation/in-class exercises/quizzes (20%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Group project (20%)	x 80%Pass			x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (20%)		x 70%Pass	x 70%Pass		x 70%Pass
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass		x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students have scores greater than 50 out of 100.

21. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.

Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately	Central message is clear and consistent with	Central message is basically understandable but is not often	Central message can be deduced but is not explicitly

	repeated, memorable, and strongly supported.)	the supporting material.	repeated and is not memorable.	stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

22. Date revised: November 5, 2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA206IU - ENVIRONMENTAL ECONOMICS

Course Name: Environmental Economics

Course Code: EFA206IU

1. General information

Course designation	<i>This course investigates the interdependencies between the economy and the environment. We study competing perspectives on both the economic and environmental analysis. The course examines thoroughly economic theory and policies for the environment and several relevant case studies.</i> [L] [SEP]
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.

Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ⁶ : 90	
Credit points	3	
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics	
Course objectives	The course is designed to teach students the application of economics to environmental issues. The course covers topics such as scarcity, choice, economic value, market efficiency, and market failures which need the role of government in the regulation of the environment. It will help students develop the tools to estimate the costs and benefits of environmental regulations. In addition, students will examine how different strategies and policies deal with management and use of natural resources and relevant externalities.	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Express well considered opinion on issues relating to environmental economics.
	Knowledge	CLO2. Demonstrate knowledge of economic approach to environmental problems that are prominent in the local and global economy. CLO3. Understand complementary views of environmental economics.
	Skills	CLO4. Develop economic tool kit to evaluate applied problems in environmental economics. CLO5. Present economic information in a technically complete way that is accessible to a non-technical audience.

⁶ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Introduction – Environmental Economics</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Benefits and Costs, Supply and Demand</td><td>2</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Externalities and Public Goods</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>The Economics of Environmental Quality</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Benefit-Cost Analysis: Benefits</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Benefit-Cost Analysis: Costs</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Criteria for Evaluating Environmental Policies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Command-and-Control Strategies: The Case of Standards</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems</td><td>1</td><td>T, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Introduction – Environmental Economics	1	I, T	Benefits and Costs, Supply and Demand	2	I, T	Externalities and Public Goods	1	I, T	The Economics of Environmental Quality	1	I, T	Benefit-Cost Analysis: Benefits	1	I, T	Benefit-Cost Analysis: Costs	1	I, T	Criteria for Evaluating Environmental Policies	1	T, U	Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action	1	T, U	Command-and-Control Strategies: The Case of Standards	1	T, U	Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies	1	T, U	Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems	1	T, U
Topic	Weight	Level																																			
Introduction – Environmental Economics	1	I, T																																			
Benefits and Costs, Supply and Demand	2	I, T																																			
Externalities and Public Goods	1	I, T																																			
The Economics of Environmental Quality	1	I, T																																			
Benefit-Cost Analysis: Benefits	1	I, T																																			
Benefit-Cost Analysis: Costs	1	I, T																																			
Criteria for Evaluating Environmental Policies	1	T, U																																			
Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action	1	T, U																																			
Command-and-Control Strategies: The Case of Standards	1	T, U																																			
Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies	1	T, U																																			
Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems	1	T, U																																			
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, and/or problem-solving questions																																				
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.																																				

Reading list	Required: [1] Environmental Economics: An Introduction, Barry C. Field, Martha K. Field, 7th ed. Suggested: [1] The Economics of the Environment, Dollars and Sense Collective, 3rd ed. [2] Environmental and Natural Resource Economics: A Contemporary Approach, Jonathan Harris, Brian Roach, 5th ed. [3] Environmental Economics, Charles D. Kolstad, 2nd ed.

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction What is environmental economics? The economy and environment	2,3		Lecture, Discussion,	[1]
2-3	Benefits and Costs, Supply and Demand	2,3		Lecture, Discussion,	[1]
4-5	Externalities and Public Goods	2,3		Lecture, Discussion	[1]
6	The Economics of Environmental Quality	2,3		Lecture, Discussion	[1]
7-8	Benefit-Cost Analysis: Benefits	2,3,4	Home assignments	Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				
11-12	Benefit-Cost Analysis: Costs	2,3,4		Lecture, Discussion	[1]
13	Criteria for Evaluating Environmental Policies	2,3,4, 5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]

14	Decentralized Policies: Liability Laws, Property Rights, Voluntary Action	2,3,4,5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
15	Command-and-Control Strategies: The Case of Standards	2,3,4,5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
16	Incentive-Based Strategies: Emission Charges and Subsidies	2,3,4,5	Group Presentation	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
17	Incentive-Based Strategies: Market Trading Systems	2,3,4,5	Group Presentation, Home assignments	Lecture, Discussion, Group work, Presentation	[1]
18	Final exam				

23. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Home assignments (15%)		x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Passes	x 80%Passes
Group project (15%)	x 80%Passes				x 80%Passes
Midterm exam (30%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes	
Final exam (40%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

4. Rubrics (optional)

a. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments

Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)			
	10		
TOTAL SCORE		100	

b. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

c. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

	information necessary for full understanding.	impeded by omissions.	unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.

Conclusions and related outcomes (implications and consequence)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness)	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness)	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness)

	presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

5. Date revised: November 8, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA207IU - DEVELOPMENT ECONOMICS

Course Name: Development Economics

Course Code: EFA207IU

1. General information

Course designation	<i>This course is designed to equip students with an understanding of the causes and consequences of uneven patterns of growth and development; structural features that are typical of the economies in developing countries; policies that can be applied in less developed countries and how to measure their effects.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ⁷ : 90
Credit points	3

⁷ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics or Introduction to Macroeconomics		
Course objectives	The objectives of this course are to: (i) Understand the essential tools and concepts of development economics. (ii) Understand what makes underdevelopment persist and what helps development succeed. (iii) Describe the basic characteristics of a developing economy. (iv) Explain growth theories and describe their shortcomings for developing countries. (v) Survey and examine how economic policies can solve different development problems		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in development economics conduct and apply ethical practices.	
	Knowledge	CLO2. Demonstrate a sound understanding of the core concepts and tools of development economics CLO3. Apply economic models to study development problems and to critically analyze relevant issues in economic development.	
	Skills	CLO4. Develop communications skills through the presentation of students’ work and interactions during class discussion sessions. CLO5. Critically evaluate government policies CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in development economics.	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Patterns of Development	1	I, T
	Measuring Economic Growth and Development	2	T, U
	Economic Growth: Concepts and Patterns	1	I, T
	Theories of Economic Growth	1	T
	Inequality and Poverty	2	T, U
	Population	2	T, U
	Education	1	T, U
	Health	2	T, U
	Investment and Savings	1	T, U
	Fiscal Policy	1	T
	Foreign Aid	1	T, U
	Trade and Development	1	I, T
	Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions	

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	[1] Perkins, D. H., Radelet, S., Lindauer, D. L., & Block, S. A. (7 th edition). Economics of development. WW Norton & Company, Inc.

24. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

25. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessments	Learning activities	Resources
1	Patterns of Development	1,3		Lecture, Discussion,	[1]
2	Measuring Economic Growth and Development	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3	Economic Growth: Concepts and Patterns	2,3,4	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
4-5	Theories of Economic Growth	2,3,4,6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Inequality and Poverty	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Population	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Education	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work,	[1]

				Discussion, Presentation, In-class quiz	
9-10	Midterm				
11	Health	2,3,4 ,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Investment and Savings	2,3,4 ,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Fiscal Policy	2,3,4 ,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Foreign Aid	2,3,5 ,6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Trade and Development	2,3,4 ,5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

26. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Passes		
Group project (15%)	x 80%Passes				x 80%Passes	x 80%Passes
Midterm exam (30%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes		
Final exam (40%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

27. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			

Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints;	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes

	to place evidence and perspectives discussed in priority order.	related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	(consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.

Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

28. Date revised: November 6, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA208IU - LABOR ECONOMICS

Course Name: Labor Economics

Course Code: EFA208IU

1. General information

Course designation	<i>This course is an introduction to labor economics with an emphasis on applied microeconomic theory and empirical analysis. Topics to be covered include: labor supply and demand, taxes and transfers, minimum wages, immigration, human capital, education production, inequality, discrimination, unions and strikes, and unemployment.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1,2
Person responsible for the course	Dr. Nguyen, Tra My
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ⁸ : 90
Credit points	3

⁸ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics	
Course objectives	The objectives of this course are to: (i) Apply appropriate economic skills to the analysis of labor markets. (ii) Explain key features of labor markets in their countries as well as other developed countries. (iii) Classify and appropriately organize empirical evidence in the discussion of labor market policy. (iv) Explain the role of labor unions in wage determination. (v) Summarize inequality and wage pay gaps	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Reason around ethical issues in labor economics conduct and apply ethical practices.
	Knowledge	CLO2. Demonstrate a sound understanding of the core concepts and tools of Labor Economics and Policy. CLO3. Apply economic principles and reasoning to critically analyze labor market phenomena and contemporary academic literature.
	Skills	CLO4. Develop communications skills through the presentation of students' work and interactions during class discussion sessions. CLO5. Critically evaluate government policies affecting work and jobs CLO6. Demonstrate the ability to produce a clear and concise written report that demonstrates higher order understanding of key concepts in labor economics.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Overview of the Labor Market	1	I, T
	The Demand for Labor	2	T, U
	Labor Demand Elasticities	1	I, T
	Frictions in the Labor Market	1	T
	Supply of Labor to the Economy: the Decision to Work	2	T, U
	Labor Supply: Household Production, the Family, and the Life Cycle	2	T, U
	Compensating Wage Differentials and Labor Markets	1	T, U
	Investments in Human Capital: Education and Training	2	T, U
	Worker Mobility: Migration, Immigration, and Turnover	1	T, U
	Gender, Race, and Ethnicity in the Labor Market	1	T
	Unions and the Labor Market	1	T, U
	Unemployment	1	I, T
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1] Ehrenberg, R. G., Smith, R. S., & Hallock, K. F. (11 th edition). Modern labor economics: Theory and public policy. Pearson.		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Overview of the Labor Market	1,3		Lecture, Discussion,	[1]

2	The Demand for Labor	1,2,3		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
3-4	Labor Demand Elasticities	2,3,4	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
5	Frictions in the Labor Market	2,3,4,6	Quiz 1 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
6	Supply of Labor to the Economy: the Decision to Work	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion	[1]
7	Labor Supply: Household Production, the Family, and the Life Cycle	2,3,5		Lecture, Group work, Discussion	
8	Compensating Wage Differentials and Labor Markets	2,3,5	Quiz 2 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
9-10	Midterm				
11	Investments in Human Capital: Education and Training	2,3,4,5	Presentation	Lecture, Group work, Discussion,	[1]
12	Worker Mobility: Migration, Immigration, and Turnover	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
13	Gender, Race, and Ethnicity in the Labor Market	2,3,4,5		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
14	Unions and the Labor Market	2,3,5,6	Quiz 3 Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation, In-class quiz	[1]
15	Unemployment	2,3,4,5		Lecture, Discussion,	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6

In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass				x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

6. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

7. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

8. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.

Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated,	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

	memorable, and strongly supported.)		repeated and is not memorable.	

Source: Association of American Colleges and Universities

9. Date revised: November 6, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT149IU - FUNDAMENTALS OF PROGRAMMING WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Fundamentals of Programming with Economic Applications

Course Code: IT149IU

1. General information

Course designation	Learning the basics of programming
Semester(s) in which the course is taught	2
Person responsible for the course	Assoc. Prof. Nguyen Thi Thuy Loan, Dr.
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	Total workload: 195 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 (lecture) + 30 (laboratory) Private study including examination preparation, specified in hours: 120
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	
Course objectives	This course concentrates on learning the basics of programming languages which is the foundation for further studies. The course enables students to get familiar with the Python programming language. The course covers all basic Python data structures, control flows, module and introduction to OOP in Python

Course learning outcomes	CLO 1. Understand programming languages and applications, how applications work CLO 2. Able to write applications using Python CLO 3. Understand basic data structure of Python programming <table><tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr><tr><td>Knowledge</td><td>1</td></tr><tr><td>Skill</td><td>2, 3</td></tr><tr><td>Attitude</td><td></td></tr></table>	Competency level	Course learning outcome (CLO)	Knowledge	1	Skill	2, 3	Attitude																																									
Competency level	Course learning outcome (CLO)																																																
Knowledge	1																																																
Skill	2, 3																																																
Attitude																																																	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Introduction to Programming Language</td><td>3</td><td>I</td></tr><tr><td>Introduction to Python Programming</td><td>3</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Data Types and Variables in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Numbers and Operators in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Control Flow: Branching Statements</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Control Flow: Loops</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Lists in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Tuples in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Sets in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Functions</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Modules</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>File Handling</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Exception Handling</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Object and Classes in Python</td><td>3</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Inheritance and Polymorphism</td><td>3</td><td>T, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Introduction to Programming Language	3	I	Introduction to Python Programming	3	I, T	Data Types and Variables in Python	3	T, U	Numbers and Operators in Python	3	T, U	Control Flow: Branching Statements	3	T, U	Control Flow: Loops	3	T, U	Lists in Python	3	T, U	Tuples in Python	3	T, U	Sets in Python	3	T, U	Functions	3	T, U	Modules	3	T, U	File Handling	3	T, U	Exception Handling	3	T, U	Object and Classes in Python	3	T, U	Inheritance and Polymorphism	3	T, U
Topic	Weight	Level																																															
Introduction to Programming Language	3	I																																															
Introduction to Python Programming	3	I, T																																															
Data Types and Variables in Python	3	T, U																																															
Numbers and Operators in Python	3	T, U																																															
Control Flow: Branching Statements	3	T, U																																															
Control Flow: Loops	3	T, U																																															
Lists in Python	3	T, U																																															
Tuples in Python	3	T, U																																															
Sets in Python	3	T, U																																															
Functions	3	T, U																																															
Modules	3	T, U																																															
File Handling	3	T, U																																															
Exception Handling	3	T, U																																															
Object and Classes in Python	3	T, U																																															
Inheritance and Polymorphism	3	T, U																																															
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions																																																
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.																																																
Reading list	Eric Matthes, Python Crash Course: A Hands-On, Project-Based Introduction to Programming, 2nd Edition, No Starch Press, 2019																																																

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO\SLOT	1	2	3	4	5	6
1	x					
2		xx				
3		xx				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources

1	Introduction to Programming Language	1	Quiz	Lecture	1
2	Introduction to Python Programming	1	Quiz	Lecture	1
3	Data Types and Variables in Python	1	Quiz	Lecture	1
4	Numbers and Operators in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
5	Control Flow: Branching Statements	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
6	Control Flow: Loops	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
7	Lists in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
8	Tuples in Python	2, 3	Quiz, Lab, Midterm	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
Midterm					
9	Sets in Python	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
10	Functions	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
11	Modules	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
12	File Handling	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
13	Exception Handling	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
14	Object and Classes in Python	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion,	1

				In-class Exercise	
15	Inheritance and Polymorphism	2, 3	Quiz, Lab, Final	Lecture, Discussion, In-class Exercise	1
Final					

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Quiz / Assignment (10%)	50%	10%	10%
Labs (20%)	10%	30%	30%
Midterm examination (30%)	30%	30%	30%
Final examination (40%)	10%	30%	30%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

- When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organization of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted. ↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response

4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1

Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant

	authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT162IU - MACHINE LEARNING PLATFORMS WITH ECONOMIC APPLICATIONS

**Course Name: MACHINE LEARNING PLATFORMS WITH ECONOMIC
APPLICATIONS**

Course Code: IT162IU

1. General information

Course designation	This course intends to give student an overview on selected machine learning platforms used in Industry.
Semester(s) in which the course is taught	7
Person responsible for the course	Mai Hoang Bao An, PhD.
Language	English
Relation to curriculum	elective
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	Total workload: 195 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 (lecture) + 30 (laboratory) Private study including examination preparation, specified in hours: 120
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	Fundamentals of Programming with Economic Applications
Course objectives	The goal of this course is to equip students with the understanding, knowledge, and some sorts of practical skills to develop many machine learning models with the use of different popular Machine Learning Platforms. In this course, we emphasize on a class of application approaches based on Machine Learning such as NLP, Medical Imaging,

	Time Series Analysis., etc. Also, we attempt to introduce a list of potential tools that can help students play around with different Advanced Machine Learning techniques. So that, the general goal of this course is to provide students the Machine Learning techniques broadly, not deeply, and the contents are most likely technology-based approach.																																										
Course learning outcomes	CLO 1. gain understanding of selected popular machine learning platforms used in Industry. CLO 2. can practice with these platforms at a basic level. CLO 3. can understand and reproduce different machine learning use cases based on these platforms. CLO 4. learn how to select and use machine learning algorithms with a bunch of application. <table><tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr><tr><td>Knowledge</td><td>CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4</td></tr><tr><td>Skill</td><td>CLO 3, CLO 4</td></tr><tr><td>Attitude</td><td>CLO 3, CLO 4</td></tr></table>	Competency level	Course learning outcome (CLO)	Knowledge	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4	Skill	CLO 3, CLO 4	Attitude	CLO 3, CLO 4																																		
Competency level	Course learning outcome (CLO)																																										
Knowledge	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4																																										
Skill	CLO 3, CLO 4																																										
Attitude	CLO 3, CLO 4																																										
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Why Machine Learning needs Platforms History of some well-known platforms</td><td>1</td><td>I</td></tr><tr><td>Introduction to Google Cloud and the use of Colab.</td><td>1</td><td>I, U</td></tr><tr><td>Remind on tabular Machine Learning and data pipeline</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autosklearn, xgboost, catboost, ...</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Text Analytics with an emphasis to topic modeling</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Introduction to AWS ML Platform for Data Science</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Introduction to Tensorflow 2x and Keras</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Pytorch in deep learning</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Introduction to ML in Medical Imaging</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Introduction to detectron2, yolo family, and use cases</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.</td><td>1</td><td>I, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Why Machine Learning needs Platforms History of some well-known platforms	1	I	Introduction to Google Cloud and the use of Colab.	1	I, U	Remind on tabular Machine Learning and data pipeline	1	T, U	Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autosklearn, xgboost, catboost, ...	1	T, U	Text Analytics with an emphasis to topic modeling	1	T, U	Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML	1	T, U	Introduction to AWS ML Platform for Data Science	1	T, U	Introduction to Tensorflow 2x and Keras	1	T, U	Pytorch in deep learning	2	T, U	Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch	1	I, T	Introduction to ML in Medical Imaging	1	T, U	Introduction to detectron2, yolo family, and use cases	2	T, U	Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.	1	I, U
Topic	Weight	Level																																									
Why Machine Learning needs Platforms History of some well-known platforms	1	I																																									
Introduction to Google Cloud and the use of Colab.	1	I, U																																									
Remind on tabular Machine Learning and data pipeline	1	T, U																																									
Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autosklearn, xgboost, catboost, ...	1	T, U																																									
Text Analytics with an emphasis to topic modeling	1	T, U																																									
Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML	1	T, U																																									
Introduction to AWS ML Platform for Data Science	1	T, U																																									
Introduction to Tensorflow 2x and Keras	1	T, U																																									
Pytorch in deep learning	2	T, U																																									
Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch	1	I, T																																									
Introduction to ML in Medical Imaging	1	T, U																																									
Introduction to detectron2, yolo family, and use cases	2	T, U																																									
Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.	1	I, U																																									
Examination forms	short-answer questions, long-answer questions, projects.																																										

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	[1] Antonio Gulli, Amita Kapoor, Sujit Pal., Deep Learning with TensorFlow 2 and Keras: Regression, ConvNets, GANs, RNNs, NLP, and more with TensorFlow 2 and the Keras API., Packt, 2017. [2] Seema Acharya, Subhasini Chellappan, "Big Data Analytics" Wiley 2015. [3] Eli Stevens, Luca Antiga, and Thomas Viehmann., Deep Learning with PyTorch., Manning, 2020. [4] Michael Berthold, David J. Hand, "Intelligent Data Analysis", Springer, 2007.

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	X					
2	X				X	
3			X	X		X
4		X				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Why Machine Learning needs Platforms History of some well-known platforms	1		Lecture, Discussion	[2,4] Chapter 1
2	Introduction to Google Cloud and the use of Colab.	1, 2	Exercises	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 1
3	Remind on tabular Machine Learning and data pipeline	1, 2	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[4] Chapter 2, 3
4	Introduction to platforms for advanced ensemble learning: autoklearn, xgboost, catboost, ...	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[4] Chapter 4, 5
5	Text Analytics with an emphasis to topic modeling	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[2,3] Chapter 5,6

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
6	Remind on Spark, and pyspark with an emphasis on Spark ML	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[2] Chapter 7, 8
7	Introduction to AWS ML Platform for Data Science	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1] Chapter 5, 6
8	Introduction to Tensorflow 2x and Keras	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1] Chapter 2, 3, 4
9	Pytorch in deep learning	2, 3			
10	Midterm				
11	Pytorch in deep learning (continue)	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 1, 2, 3
12	Time Series Analytics with Tensorflow and pytorch	2, 3	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1,2,3] Chapter 4, 5, 6
13	Introduction to ML in Medical Imaging	3, 4	Exercises, lab	Lecture, In-class exercises	[1,3] Chapter 6, 7, 8
14-15	Introduction to detectron2, yolo family, and use cases	3, 4	Lab	Lecture, In-class exercises	[1,2,3] Chapter 4, 5, 6
16	Practical session: Focused discussion on a bunch of problems.	4	Seminar	Lecture, In-class exercises	[3] Chapter 6, 7, 8
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Quiz (5%)	10%		20%	20%
Labs (10%)	30%	30%		
Midterm examination (30%)	50%	40%		
Projects/Presentations/ Report (15%)	10%		30%	30%
Final examination (40%)		30%	50%	50%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted. ↩

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.

1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others'	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions).

	when presenting a position.		assumptions than one's own (or vice versa).	Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not

	clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	clearly and consistently observable within the presentation.	intermittently observable within the presentation.	observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the

	establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	presenter's credibility/ authority on the topic.	credibility/ authority on the topic.	presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT138IU - DATA SCIENCE AND VISUALIZATION WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Data Science and Visualization with Economic Applications

Course Code: IT138IU

1. General information

Course designation	Introduction to Data Visualization
Semester(s) in which the course is taught	4,6
Person responsible for the course	Tran Thanh Tung, Dr.
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory / elective / specialisation Names of other study programmes with which the module is shared
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): Private study including examination preparation, specified in hours: Student responsibility: Students are expected to spend at least 8 hours per week for self – studying. This time should be made up of reading, working on exercises and problems and group assignment.
Credit points	Number of credits : 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	
Course objectives	The goal of this course is to introduce students to the key principles, methods, and techniques for effective visual analysis of data. The course begins with aims and key principles of data visualization. The course continues with different aspects of visualization including techniques and method for presenting different data types, and for discussing and analyzing

	visualizations. Thorough the course, students will be introduced to many visualization systems and visual tools via hand-on exercises.		
Course learning outcomes	CLO 1. Understand the principles of data and graphic design. CLO 2. Create well-designed data visualizations with appropriate tools. CLO 3. Evaluate a visualization design.		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Knowledge	CLO1	
	Skill	CLO2, CLO3	
	Attitude	CLO3	
Content	The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level. Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weigh t	Leve l
	Visualization design principles	3	I, T
	Perception, Cognition, Color	3	T
	Data abstraction, data types	3	I, T
	Visual encoding with marks and channels	3	T, U
	Tasks and Interactivity	3	T
	Validation and visualization	3	T
	Arrange text and sets	3	T
	Arrange spatial data	3	T
	Arrange tree and graphs/networks	3	T
	Facets and views	3	T
	Focus+Context	3	T
	Filtering and Aggregation	3	T
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1] Edward R. Tufte, The Visual Display of Quantitative Information 2nd, 2001 [2] Tamara Munzner, Visualization Analysis and Design 1st, 2014 [3] Colin Ware, Visual Thinking for Design 1st, 2004 [4] Scott Murray, Interactive Data Visualization for the Web 1st, 2013 [5] Alberto Cairo, The Functional Art: An introduction to information graphics and visualization 1st, 2012 [6] Cole Nussbaumer Knaflic, Storytelling with Data: A Data Visualization Guide for Business Professionals 1st. 2015		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	X	X				
2		X	X			
3		X				

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Visualization design principles	1	Quiz	Teaching, presentation	
2	Perception, Cognition, Color	1,2	Quiz, Project	Teaching, presentation	
3	Data abstraction, data types	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
4	Visual encoding with marks and channels	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
5	Tasks and Interactivity	2,3	Quiz, Project	Teaching, presentation	
6	Midterm				
7	Validation and visualization	1,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
8	Arrange text and sets	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
9	Arrange spatial data	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
10	Arrange tree and graphs/networks	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
11	Facets and views	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
12	Focus+Context	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
13	Filtering and Aggregation	2,3	Quiz, in-class exercises, Project	Teaching, Discussion	
14	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Labs (20%)		x	x
Midterm examination (30%)	x	x	
Final examination (40%)		x	x
Exercises/ Quiz (10%)	x	x	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

1. When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted. [↩](#)

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.

Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequence)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately	Central message is clear and consistent with	Central message is basically understandable but is not often	Central message can be deduced but is not explicitly

	repeated, memorable, and strongly supported.)	the supporting material.	repeated and is not memorable.	stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: February 15, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Computer Science and Engineering

COURSE SYLLABUS

IT079IU - PRINCIPLES OF DATABASE MANAGEMENT WITH ECONOMIC APPLICATIONS

Course Name: Principles of Database Management with Economic Applications

Course Code: IT079IU

1. General information

Course designation	
Semester(s) in which the course is taught	4,6
Person responsible for the course	Assof. Pror. Dr. Nguyen Thi Thuy Loan
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): Private study including examination preparation, specified in hours: Student responsibility: Students are expected to spend at least 8 hours per week for self – studying. This time should be made up of reading, working on exercises and problems and group assignment.
Credit points	Number of credits: 4 Lecture: 3 Laboratory: 1
Required and recommended prerequisites for joining the course	Fundamentals of Programming with Economic Applications
Course objectives	This subject introduces the students to basic database design and implementation concepts. Database design techniques, including relational design and E-R analysis, are presented. Database queries using SQL are covered in lectures and supported by practical exercises.

Course learning outcomes	CLO 1. Produce an (Extended) Entity-Relationship (E-R) model from specifications. CLO 2. Apply data normalization principles to transforming an ER model into a database schema. CLO 3. Construct efficient SQL queries to retrieve and manipulate data as required. <table><tr><th>Competency level</th><th>Course learning outcome (CLO)</th></tr><tr><td>Knowledge</td><td>CLO1</td></tr><tr><td>Skill</td><td>CLO2, CLO3</td></tr><tr><td>Attitude</td><td>CLO3</td></tr></table>	Competency level	Course learning outcome (CLO)	Knowledge	CLO1	Skill	CLO2, CLO3	Attitude	CLO3																			
Competency level	Course learning outcome (CLO)																											
Knowledge	CLO1																											
Skill	CLO2, CLO3																											
Attitude	CLO3																											
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Introduction to Database Systems</td><td>3</td><td>I</td></tr><tr><td>Relational Model and Relational Algebra</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Structured Query Language</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>(Extended) Entity Relationship Model</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Relational Database Design</td><td>9</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Normalization</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Advanced SQL</td><td>6</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Review</td><td>3</td><td>I, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Introduction to Database Systems	3	I	Relational Model and Relational Algebra	6	T, U	Structured Query Language	6	T, U	(Extended) Entity Relationship Model	6	T, U	Relational Database Design	9	T, U	Normalization	6	T, U	Advanced SQL	6	T, U	Review	3	I, U
Topic	Weight	Level																										
Introduction to Database Systems	3	I																										
Relational Model and Relational Algebra	6	T, U																										
Structured Query Language	6	T, U																										
(Extended) Entity Relationship Model	6	T, U																										
Relational Database Design	9	T, U																										
Normalization	6	T, U																										
Advanced SQL	6	T, U																										
Review	3	I, U																										
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions																											
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.																											
Reading list	1. Abraham Silberschatz, Henry F. Korth, S. Sudarshan, Database System Concept 7th, 2020 2. Jeffrey A. Hoffer, Ramesh Venkataraman, Heikki Topi, Modern Database Management 13th, 2019 3. Ramez Elmasri, Shamkant Navathe, Fundamentals of Database Systems 7th, 2016																											

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (SLO) (1-6) is shown in the following table:

	SLO					
CLO	1	2	3	4	5	6
1	XXX					

2		XXX			X	
3		XX			XX	

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction to Database Systems	1	Quiz	Lecture	[1,3]
2	Relational Model and relational Algebra	2	Quiz, Midterm, Project	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,3]
3	Structured Query Language	3	Quiz, Lab, Project, Midterm	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
4	(Extended) Entity Relationship Model	2	Quiz, Project, Midterm	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
5	Midterm				
6	Relational Database Design	2,3	Project, Final, Quiz, Lab	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,2]
7	Normalization	2,3	Quiz, Project, Final	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[2,3]
8	Advanced SQL	3	Quiz, Project, Final	Lecture, Discussion, In-class, exercise	[1,3]
9	Review	2,3	Quiz	Discussion, In-class, exercise	[1,2,3]
10	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3
Labs (10%)		10%	20%
Midterm examination (25%)	40%		20%
Quiz (5%)	10%	20%	
Projects/Presentations/ Report (20%)	30%	20%	30%
Final examination (40%)	20%	50%	30%

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100

- When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.↵

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports				
Student:		HW/Assignment:		
Date:		Evaluator:		
		Max.	Score	Comments
Technical content (60%)				

Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2.Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored,	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

			boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.

Conclusions and related outcomes (implications and consequence)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal

	expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities. **Date revised: February 15, 2022**

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA210IU - EXPERIMENTAL ECONOMICS

Course Name: Experimental Economics

Course Code: EFA210IU

1. General information

Course designation	<i>Given the recent growth of interest in behavioral considerations, experiments are increasingly used in economics to study human behavior. Students will learn how to design experiments and interpret their results and will also overview some of the most important existing results.</i> [SEP]
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, experiments.

Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ⁹ : 90	
Credit points	3	
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics	
Course objectives	This course is designed to introduce the methodology of experimental economics and discuss what we have learned from the application of these techniques. Economics is fundamentally the study of how individuals, firms and governments allocate scarce resources. This involves decision making which is the focus of experimental economics. One of the focuses is on performing and engaging in experiments.	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Integrate the economic concepts/theories into the experiments.
	Knowledge	CLO2. Explain how individuals make decisions in a wide range of situations. CLO3. Identify situations where these preferences for altruism, fairness and reciprocity are important and when they are overshadowed by factors such as competition.
	Skills	CLO4. Demonstrate the importance of taking into account preferences for altruism, fairness and reciprocity to the predictions of standard theory. CLO5. Conduct their own experiments.

⁹ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize) <table><tr><th>Topic</th><th>Weight</th><th>Level</th></tr><tr><td>Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Pit Market</td><td>1</td><td>I, T</td></tr><tr><td>Introduction to experiments on game theory</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Randomized Strategies</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Markets: Monopoly and Cournot</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Ultimatum Bargaining</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Trust, Reciprocity and Principal Agent Games</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Methodology</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Voluntary Contributions</td><td>1</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Externalities, Congestion and Common Pool Resources</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Private Value Auctions and The Winner’s Curse</td><td>2</td><td>T, U</td></tr><tr><td>Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,</td><td>1</td><td>T, U</td></tr></table>	Topic	Weight	Level	Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria	1	I, T	Pit Market	1	I, T	Introduction to experiments on game theory	1	T, U	Randomized Strategies	1	T, U	Markets: Monopoly and Cournot	1	T, U	Ultimatum Bargaining	1	T, U	Trust, Reciprocity and Principal Agent Games	1	T, U	Methodology	1	T, U	Voluntary Contributions	1	T, U	Externalities, Congestion and Common Pool Resources	2	T, U	Private Value Auctions and The Winner’s Curse	2	T, U	Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,	1	T, U
Topic	Weight	Level																																						
Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria	1	I, T																																						
Pit Market	1	I, T																																						
Introduction to experiments on game theory	1	T, U																																						
Randomized Strategies	1	T, U																																						
Markets: Monopoly and Cournot	1	T, U																																						
Ultimatum Bargaining	1	T, U																																						
Trust, Reciprocity and Principal Agent Games	1	T, U																																						
Methodology	1	T, U																																						
Voluntary Contributions	1	T, U																																						
Externalities, Congestion and Common Pool Resources	2	T, U																																						
Private Value Auctions and The Winner’s Curse	2	T, U																																						
Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,	1	T, U																																						
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions																																							

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	[1] Markets, Games, & Strategic Behavior, Charles A. Holt, 2 nd ed (2019).

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-5) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction: Decisions Game Theory and Market Equilibria	1,2		Lecture, Discussion,	[1]
2	Pit Market	1,2	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
3	Introduction to experiments on game theory	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
4	Randomized Strategies	1,2	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
5	Markets: Monopoly and Cournot	1,2,3	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
6	Ultimatum Bargaining	1,2		Lecture, Discussion	[1]
7	Trust, Reciprocity and Principal Agent Games	3,4,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
8	Methodology	1,2		Lecture, Discussion	[1]
9-10	Midterm				

11	Voluntary Contributions	2,3,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
12-13	Externalities, Congestion and Common Pool Resources	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion	[1]
14-15	Private Value Auctions and The Winner's Curse	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
16	Risk and Decision Making (Lottery Choices) Lottery Choice Anomalies,	1,2,5	Engaging in Experiments	Lecture, Discussion,	[1]
17	Revision				
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Passes	
Experiment Participation (15%)	x 80%Passes				x 80%Passes
Midterm exam (30%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes	
Final exam (40%)		x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Passes	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

a. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.

2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

b. Experiment evaluation rubric

	Excellent	Competent	Needs work
Participation and Teamwork	Actively participates in classroom discussions, answering questions and cooperating with group member(s) during the activity.	Occasionally participates in classroom discussions and cooperates somewhat with group member(s).	Does not participate in classroom discussion. Does not cooperate with group member(s) during the activity.
Conducting the Experiment	Successfully created a hypothesis, set up the experiment, collected data, and obtained results.	Acceptably created a hypothesis, set up the experiment, collected data, and obtained results. Not all parts of the experiment were successful.	Did not complete the experiment, collect data, or obtain results—incomplete experiment.
Knowledge	Demonstrates complete understanding of the concepts with no misconceptions.	Addresses the concepts, but in an incomplete way and/or with one or more misconceptions.	Does not address primary concepts or demonstrate understanding of the concepts.
Report Writing	Reported research, hypothesis, results, and conclusions in a clear and precise manner.	Reported most of the information compiled but not all key pieces. The writing was somewhat unclear and disorganized.	Reported some of the information around the experiment. Writing was disorganized and didn't clearly state conclusions.

c. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect	Conclusion is logically tied to a range of information, including	Conclusion is logically tied to information (because information is	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed;

consequences)	student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

6. Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

***Vice Dean of School of Economics, Finance
and Accounting***



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA211IU - BEHAVIORAL ECONOMICS

Course Name: Behavioral Economics

Course Code: EFA211IU

1. General information

Course designation	<i>Behavioral Economics combines economic and psychological principles to explain observed economic behaviors that violate the rationality assumption and deviate from standard economic prediction. There are two general streams of works in Behavioral Economics: Behavioral Decision Theory (BDT) and Behavioral Game Theory (BGT). BDT identifies and explains inconsistent choice behaviors in individual decision making. BGT identifies and explains boundedly rational actions in strategic decision making. This course focusses on the BDT stream.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project.

Workload (incl. contact hours, self- study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ¹⁰ : 90	
Credit points	3	
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics	
Course objectives	The goal of the course is to equip students with the theory and framework to understand the inconsistent choices and boundedly rational actions observed in experiments, and to identify similar inconsistency and bounded rationality in choices and actions in business. Finally, in applying behavioral economics to nudge behavioral change, students will have their first exposure to be the choice architect of a real-life situation.	
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:	
	Competency level	Course learning outcome (CLO)
	Attitude	CLO1. Criticize the implications of the deviation of choices from economic prediction in a business setting.
	Knowledge	CLO2. Identify when and how choices deviate from economic prediction CLO3. Explain why such deviations occur.
	Skills	CLO4. Utilize the understanding to design plans to induce behavioral change.

¹⁰ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i>		
	Weight: lecture session (3 hours)		
	Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Introduction to Behavioral Economics	1	I, T
	Choice and Decision Architecture	1	I, T
	Choice under Certainty – Utility Framework	1	T, U
	Choice under Certainty – Reference Dependence	1	T, U
	Judgment under Risk and Uncertainty – Probability Updating	1	T, U
	Judgment under Risk and Uncertainty – Heuristics and Biases	1	T, U
	Choice under Uncertainty – Expected Utility	1	T, U
	Choice under Uncertainty – Loss Aversion and Framing	1	T, U
	Intertemporal Choice – Time Preference, Present Bias	2	T, U
	Designing Nudges: Case Discussion	1	T, U
	Analytical Game Theory	1	T, U
Behavioral Game Theory	1	T, U	
Behavioral Policy	1	T, U	
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, problem solving questions		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1] A Course in Behavioral Economics, Erik Angner, 3 rd ed, Red Globe Press, (2020) [2] Choice Architecture, Richard H. Thaler, Cass R. Sunstein, and John P. Balz, April 2010, SSRN, https://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1583509 . [3] Psychology and Economics: Evidence from the Field, Stefano DellaVigna, 2009, Journal of Economic Literature, 47 (2): 315-72. [4] Managing Congestion in Singapore—A Behavioral Economics Perspective, Lew Yii Der and Leong Wai Yan, Journeys (Land Transport Authority, Singapore), 2009		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction to Behavioral Economics	2,3		Lecture, Discussion	[1]
2	Choice and Decision Architecture	2,3		Lecture, Discussion	[2]
3	Choice under Certainty – Utility Framework	1,2,3		Lecture, Discussion	[1], [3]
4	Choice under Certainty – Reference Dependence	1,2,3	Quiz 1	Lecture, Discussion	[1]
5	Judgment under Risk and Uncertainty – Probability Updating	1,2,3		Lecture, Discussion	[1]
6	Judgment under Risk and Uncertainty – Heuristics and Biases	1,2,3	Quiz 2	Lecture, Discussion	[1]
7	Choice under Uncertainty – Expected Utility	1,2,3		Lecture, Discussion	
8	Choice under Uncertainty – Loss Aversion and Framing	1,2,3		Lecture, Discussion	
9-10	Midterm				
11-12	Intertemporal Choice – Time Preference, Present Bias	1,2,3		Lecture, Discussion	[1]
13	Designing Nudges: Case Discussion	2,3,4		Lecture, Discussion	[2], [4]
13	Analytical Game Theory	2,3	Quiz 3	Lecture, Discussion	[1]
14	Behavioral Game Theory	2,3		Lecture, Discussion	[1]
15	Behavioral Policy	2,3,4	Due: Group Project	Lecture, Discussion	[1]
16	Revision			Review-Test	
17	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Quizz (10%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Group project (20%)	x 80%Pass			x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined,	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.

	information necessary for full understanding.	not seriously impeded by omissions.	ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/ hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/ hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/ hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.

Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA212IU - GAME THEORY AND BUSINESS STRATEGY

Course Name: Game Theory and Business Strategy

Course Code: EFA212IU

1. General information

Course designation	<i>This course is an introduction to Game Theory. It is designed to explore the basic conceptual tools from game theory and identify some real-life business situations where these tools can be useful to a manager. The course is fundamental to the understanding of modern business strategy.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ¹¹ : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics

¹¹ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	The course introduces students to the basic tools of game theory and its applications to business choices. This course covers normal-form and extensive-form games and games of perfect and imperfect/incomplete information, and explains equilibrium concepts such as Nash Equilibrium, Subgame-Perfect Equilibrium and Perfect Bayesian Equilibrium. Students also examine repeated games and the theory of reputation. The games are presented to the essence of particular aspects of strategic interactions that arise in real-life situations. Applications provided by the course enable students to apply the abstract theory to specific real-world problems.		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Express well considered opinion on issues relating to business strategies.	
	Knowledge	CLO2. Understand the basic principles of strategic analysis. CLO3. Compute equilibria in purely sequential-move (C 3) and simultaneous-move situations (C 4-5). CLO4. Compute equilibria in mixed situations. (C 7) CLO5. Understand endogenous barriers to achieving mutually beneficial cooperative outcome in two-player and multi-player games. CLO6. Understand auction types and bidding strategies.	
	Skills	CLO7. Construct written reports which are logically and professionally presented. CLO8. Communicate ideas in a succinct and clear manner.	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i>		
	Weight: lecture session (3 hours)		
	Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Introduction – What is a Game?	1	I, T
	Games with Sequential Moves	2	I, T
	Simultaneous-Move Games: Discrete Strategies	2	I, T, U
	Simultaneous-Move Games: Continuous Strategies	2	I, T, U
	Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies	2	I, T, U
	The Prisoners’ Dilemma and Repeated Games	2	I, T, U
Collective-Action Games	2	I, T, U	
	Bidding Strategy and Auction Design	2	I, T, U
Examination forms	Multiple-choice questions, short-answer questions, and/or problem-solving questions		

Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.
Reading list	Required: [1] Games of Strategy, Avinash K. Dixit, Susan Skeath, David Reiley, 4th ed. Suggested: [1] The Art of Strategy: A Game Theorist's Guide to Success in Business and Life, Avinash K. Dixit, Barry J. Nalebuff. [2] Co-opetition, Adam M. Brandenburger, Barry J. Nalebuff. [3] Industrial Organization: Markets and Strategies, Paul Belleflamme, Martin Peitz, 2nd ed.

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

	PLO									
CLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										
8										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction What is a Game?	2		Lecture, Discussion	[1]
2-3	Games with Sequential Moves	2,3		Lecture, Discussion	[1]
4-5	Simultaneous-Move Games: Discrete Strategies	2,3,7 ,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
6-7	Simultaneous-Move Games: Continuous Strategies	2,3,7 ,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
8	Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies	2,4,7 ,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]

9-10	Midterm				
11	Simultaneous-Move Games: Mixed Strategies	2,4,7,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
12-13	The Prisoners' Dilemma and Repeated Games	2,5,7,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
14-15	Collective-Action Games	2,5,7,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
16-17	Bidding Strategy and Auction Design	2,6,7,8	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
Home assignments (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass		
Group project (15%)	x 80%Pass						x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass		

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			

Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.

			as mostly fact, with little questioning.	
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently observable within the presentation.	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies,	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies,

	quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 8, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA213IU - FINANCIAL ECONOMICS

Course Name: Financial Economics

Course Code: EFA213IU

1. General information

Course designation	<i>This course provides a rigorous introduction to fundamental aspects of the financial system that has experienced path-breaking advances in theory and practice over the past decades. The changes are further accelerated by the extensive globalization of financial markets and the rapid development in financial technologies.</i> ^[1] _{SEP}
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Le, Van Chon
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ¹² : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics and Maths for Business

¹² When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	The course introduces the principles of modern financial analysis and their applications to business challenges. It includes a critical discussion of the efficient markets theory, an overview of quantitative methods in finance, considers risk aversion in the context of utility theory, examines portfolio theory, the Capital Asset Pricing Model and Index Model, covers bond pricing, duration and convexity. The emphasis is on a thorough coverage of modern finance theory as applied to investment analysis and of the application of both old and new theoretical perspectives to understand the current environment for financial investment decisions.		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Express well considered opinion on issues relating to financial economics.	
	Knowledge	CLO2. Apply utility theory to describe and analyze investment decisions under risk aversion. CLO3. Describe and apply modern portfolio theory. CLO4. Critically understand models of risk and return. CLO5. Describe the efficient markets hypothesis. CLO6. Identify and describe the risks of managing portfolios of various securities.	
	Skills	CLO7. Demonstrate the ability to deliver an effective oral presentation with appropriate visuals.	

4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessmen ts	Learning activities	Resources
1	Introduction – The Investment Environment, Asset Classes and Financial Instruments	1		Lecture, Discussion,	[1]
2	How Securities are Traded	1		Lecture, Discussion,	[1]
3	Mutual Funds and Other Investment Companies	1		Lecture, Discussion,	[1]
4	Asset Returns and Measures of Risk	2		Lecture, Discussion,	
5	Capital Allocation to Risky Assets	2,3		Lecture, Discussion,	
6	Efficient Allocation	3,4		Lecture, Discussion,	[1]
7	The Capital Asset Pricing Model	3,4 ,7	Presentatio n	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
8	Index Models	3,4 ,7	Presentatio n	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
9-10	Midterm				
11	The Efficient Market Hypothesis	5,7	Presentatio n	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
12	Bond Prices and Yields	6		Lecture, Discussion,	[1]
13	The Term Structure of Interest Rates	6		Lecture, Discussion,	[1]
14	Equity Valuation Models	6,7	Presentatio n	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
15	Introduction to Option Markets	6		Lecture, Discussion,	[1]

16	Option Valuation	6,7	Presentation	Lecture, Group work, Discussion, Presentation	[1]
17	Future Markets	6		Lecture, Discussion,	
18	Final exam				

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
In-class exercises/quizzes (15%)		x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	
Group project (15%)	x 80%Pass						x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)			
	10		
TOTAL SCORE			
	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes

	evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	presenting a position.	be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable

	consistently observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	consistently observable within the presentation.	observable within the presentation.	within the presentation.
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.

	authority on the topic.			
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 8, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024
Vice Dean of School



Lê Văn Chơn

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA205IU - PANEL DATA ECONOMETRICS

Course Name: Panel Data Econometrics

Course Code: EFA205IU

1. General information

Course designation	<i>This course introduces the use of econometrics to explore and estimate economic relationships using linear regression models. The course will give students a basic understanding of methods required to model the inter-relationship between variables and prepare them for further studies of econometric methods.</i>
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English
Relation to curriculum	Compulsory
Teaching methods	Lecture, lesson, project, seminar.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ¹³ : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Statistics for Business

¹³ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	This course provides a theoretical and empirical overview of econometric techniques that may be used when studying panel data. Panel data are pooled observations of a cross-section of units such as individuals, households, firms, states, or countries, over time. The number of pooled observations per unit does not have to be the same, but that case does present some further complications. When feasible, the theoretical discussion of econometric techniques will be illustrated with empirical studies that use those same techniques. The techniques can also be used when cross-sectional data consist of groups, for example by city, state, and so forth, rather than of pooled data over several years.		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Understand ethical principles for data collection and data analysts	
	Knowledge	CLO2. Learn econometric techniques for panel data CLO3. be able to conduct panel data analysis and interpret the results from these models.	
	Skills	CLO4. Explore statistical/econometric software in regard to panel-econometric techniques.	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Introduction and	1	I, T
	One-way error component model	2	I, T
	Two-way error component model	2	I, T
	Hypothesis testing	1	I, T
	Heteroskedasticity and serial correlation	1	T
	Simultaneous equation model	2	I, T
	Dynamic panel data model	2	T, U
	Models for unbalanced panel data	1	T, U
	Limited dependent variable models	2	T, U
	Review	1	T, U
Examination forms	Short-answer questions, problem solving questions		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		
Reading list	[1]. Econometric Analysis of Panel Data, Sixth Edition, by Badi H. Baltagi [2] Introductory Econometrics: A Modern Approach, by Jeffrey M. Wooldridge		

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CLO	Assessments	Learning activities	Resources
1	Introduction	2,3		Lecture, Discussion Assignment	[1]
2-3	One-way error component model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
4-5	Two-way error component model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
6	Hypothesis testing	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
7	Heteroskedasticity and serial correlation	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
8-9	Midterm				
10-11	Simultaneous equation model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
12 -13	Dynamic panel data model	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
14	Models for unbalanced panel data	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]
15-16	Limited dependent variable models	2,3	Assignment Computer tasks	Lecture, Discussion Assignment	[1]

17	Review	2,3		Lecture, Discussion Assignment	[1]
18	Final exam		Individual Report/Project		

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Attendance (10%)	x 80%Passes	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Passes	
Assignment (20%)			x 80%Pass	x 80%Passes	x 80%Passes
Midterm exam (30%)	x 70%Passes	x 70%Pass	x 70%Pass		
Final exam (40%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Passes	

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:	HW/Assignment:		
Date:	Evaluator:		
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW	
Score	Description

5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting	Shows an emerging awareness of present assumptions

	and carefully evaluates the relevance of contexts when presenting a position.	presenting a position.	a position. May be more aware of others' assumptions than one's own (or vice versa).	(sometimes labels assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 30, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024

Vice Dean of School



Lê Văn Chon

	VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC INTERNATIONAL UNIVERSITY School of Economics, Finance, and Accounting

COURSE SYLLABUS

EFA214IU - MARKETING ANALYTICS

Course Name: Marketing Analytics

Course Code: EFA214IU

1. General information

Course designation	This course will provide you with an introduction to marketing analytics. We will study various tools for generating marketing insights from data in such areas as segmentation, targeting and positioning, satisfaction management, customer lifetime analysis, customer choice, product and price decisions using conjoint analysis, and text analysis and search analytics.
Semester(s) in which the course is taught	1, 2
Person responsible for the course	Dr. Trung, Nguyen Ba
Language	English
Relation to curriculum	Elective
Teaching methods	Lecture, lesson, presentation, problem sets.
Workload (incl. contact hours, self-study hours)	(Estimated) Total workload: 135 Contact hours (please specify whether lecture, exercise, laboratory session, etc.): 45 Private study including examination preparation, specified in hours ¹⁴ : 90
Credit points	3
Required and recommended prerequisites for joining the course	Introduction to Microeconomics and Maths for Business

¹⁴ When calculating contact time, each contact hour is counted as a full hour because the organisation of the schedule, moving from room to room, and individual questions to lecturers after the class, all mean that about 60 minutes should be counted.

Course objectives	The student understands how data about customers and the firms marketing activities can be collected and leveraged to improve marketing productivity and organizational performance. The student understands the statistical and mathematical principles underlying modern marketing analytics tools. The student knows how to apply various techniques in the marketing analytics toolkit in order to harness actionable insights from data concerning the firms customers, products, marketing communications and pricing.		
Course learning outcomes	Upon the successful completion of this course students will be able to:		
	Competency level	Course learning outcome (CLO)	
	Attitude	CLO1. Understand ethical principles for marketing data analysts	
	Knowledge	CLO2. Choose appropriate data sources and analytical tools to design a sophisticated analytical study CLO3. Learn how to apply quantitative techniques to marketing strategic decisions.	
	Skills	CLO4. Apply appropriate software in developing marketing analytics solutions CLO5. Demonstrate the ability to deliver an effective oral presentation with appropriate visuals	
Content	<i>The description of the contents should clearly indicate the weighting of the content and the level.</i> Weight: lecture session (3 hours) Teaching levels: I (Introduce); T (Teach); U (Utilize)		
	Topic	Weight	Level
	Course Introduction	1	I, T
	Introduction to Marketing Analytics		
	Segmentation and targeting	2	I, T
	Positioning	2	I, T
	Customer lifetime value	2	I, T
	Customer choice	2	I, T
	Conjoint analysis	2	I, T
	Text analysis and search analytics	2	I, T
The marketing Mix	2	I, T	
Examination forms	Problem solving questions and group project		
Study and examination requirements	Attendance: A minimum attendance of 80 percent is compulsory for the class sessions. Students will be assessed on the basis of their class participation. Questions and comments are strongly encouraged. Assignments/Examination: Students must have more than 50/100 points overall to pass this course.		

Reading list	Required: [1] Lilien, Gary L., Arvind Rangaswamy, and Arnaud de Bruyn (2017), Principles of Marketing Engineering and Analytics, 3rd edition, State College, PA: DecisionPro, Inc.. Suggested: [1] Marketing Analytics: Essential Tools for Data-Driven Decisions by Rajkumar Venkatesan (Author), Paul W. Farris (Author), Ronald T. Wilcox [2] R For Marketing Research and Analytics by Chris Chapman, Elea McDonnell Feit

2. Learning Outcomes Matrix (optional)

The relationship between Course Learning Outcomes (CLO) (1-4) and Program/Student Learning Outcomes (PLO) (1-6) is shown in the following table:

CLO	PLO									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1										x
2	x									
3	x									
4	x		x	x						
5						x	x			
6						x	x			
7										

3. Planned learning activities and teaching methods

Week	Topic	CL O	Assessmen ts	Learning activities	Resources
1	Course Introduction Introduction to Marketing Analytics	1		Lecture, Discussion,	[1]
2-3	Segmentation and targeting	2,3,4 ,5	Quiz1	Lecture, Discussion, Lab	[1]
4-5	Positioning	2,3,4 ,5		Lecture, Discussion, Lab	[1]
6-7	Customer lifetime value	2,3,4 ,5	Quiz2	Lecture, Discussion, Lab	
8	Midterm Examination				
9-10	Customer choice	2,3,4 ,5		Lecture, Discussion, Lab	
11-12	Conjoint analysis	2,3,4 ,5	Quiz3	Lecture, Discussion, Lab	[1]
13-14	Text analysis and search analytics			Lecture, Group work,	[1]

		2,3,4,5		Discussion,	
15-16	The marketing Mix	2,3,4		Lecture, Group work, Discussion,	[1]
17	Final exam	1,2,3,4,5	Report + Presentation		

4. Assessment plan

Assessment Type	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Attendance/ In-class exercises/quizzes (20%)	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass	x 80%Pass
Midterm exam (30%)		x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass
Final exam (50%)	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass	x 70%Pass

Note: %Pass: Target that % of students having scores greater than 50 out of 100.

5. Rubrics (optional)

5.1. Grading checklist

Grading checklist for Written Reports			
Student:		HW/Assignment:	
Date:		Evaluator:	
	Max.	Score	Comments
Technical content (60%)			
Abstract clearly identifies purpose and summarizes principal content	10		
Introduction demonstrates thorough knowledge of relevant background and prior work	15		
Analysis and discussion demonstrate good subject mastery	30		
Summary and conclusions appropriate and complete	5		
Organization (10%)			
Distinct introduction, body, conclusions	5		
Content clearly and logically organized, good transitions	5		
Presentation (20%)			
Correct spelling, grammar, and syntax	10		
Clear and easy to read	10		
Quality of Layout and Graphics (10%)			
	10		
TOTAL SCORE	100		

5.2. Holistic rubric

Holistic rubric for evaluating the entire document, e.g., exercises/quizzes/HW

Score	Description
5	Demonstrates complete understanding of the problem. All requirements of task are included in response
4	Demonstrates considerable understanding of the problem. All requirements of task are included.
3	Demonstrates partial understanding of the problem. Most requirements of task are included.
2	Demonstrates little understanding of the problem. Many requirements of task are missing.
1	Demonstrates no understanding of the problem.
0	No response/task not attempted

Note: this rubric is also used to evaluate questions in an exam.

5.3. Analytic rubric

Critical thinking value rubric for evaluating questions in exams:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Explanation of issues	Issue/ problem to be considered critically is stated clearly and described comprehensively, delivering all relevant information necessary for full understanding.	Issue/ problem to be considered critically is stated, described, and clarified so that understanding is not seriously impeded by omissions.	Issue/ problem to be considered critically is stated but description leaves some terms undefined, ambiguities unexplored, boundaries undetermined, and/ or backgrounds unknown.	Issue/ problem to be considered critically is stated without clarification or description.
Evidence <i>Selecting and using information to investigate a point of view or conclusion</i>	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a comprehensive analysis or synthesis. Viewpoints of experts are questioned thoroughly.	Information is taken from source(s) with enough interpretation/ evaluation to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are subject to questioning.	Information is taken from source(s) with some interpretation/ evaluation, but not enough to develop a coherent analysis or synthesis. Viewpoints of experts are taken as mostly fact, with little questioning.	Information is taken from source(s) without any interpretation/ evaluation. Viewpoints of experts are taken as fact, without question.
Influence of context and assumptions	Thoroughly (systematically and methodically) analyzes own and others' assumptions and carefully evaluates the	Identifies own and others' assumptions and several relevant contexts when presenting a position.	Questions some assumptions. Identifies several relevant contexts when presenting a position. May be more aware of	Shows an emerging awareness of present assumptions (sometimes labels

	relevance of contexts when presenting a position.		others' assumptions than one's own (or vice versa).	assertions as assumptions). Begins to identify some contexts when presenting a position.
Student's position (perspective, thesis/hypothesis)	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is imaginative, taking into account the complexities of an issue. Limits of position (perspective, thesis/hypothesis) are acknowledged. Others' points of view are synthesized within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) takes into account the complexities of an issue. Others' points of view are acknowledged within position (perspective, thesis/hypothesis).	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) acknowledges different sides of an issue.	Specific position (perspective, thesis/hypothesis) is stated, but is simplistic and obvious.
Conclusions and related outcomes (implications and consequences)	Conclusions and related outcomes (consequences and implications) are logical and reflect student's informed evaluation and ability to place evidence and perspectives discussed in priority order.	Conclusion is logically tied to a range of information, including opposing viewpoints; related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is logically tied to information (because information is chosen to fit the desired conclusion); some related outcomes (consequences and implications) are identified clearly.	Conclusion is inconsistently tied to some of the information discussed; related outcomes (consequences and implications) are oversimplified.

Source: Association of American Colleges and Universities

Oral communication value rubric for evaluating presentation tasks:

	Capstone	Milestone		Benchmark
	4	3	2	1
Organization	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is clearly and consistently	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is intermittently	Organizational pattern (specific introduction and conclusion, sequenced material within the body, and transitions) is not observable within the presentation.

	observable and is skillful and makes the content of the presentation cohesive.	observable within the presentation.	observable within the presentation.	
Language	Language choices are imaginative, memorable, and compelling, and enhance the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are thoughtful and generally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are mundane and commonplace and partially support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is appropriate to audience.	Language choices are unclear and minimally support the effectiveness of the presentation. Language in presentation is not appropriate to audience.
Delivery	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation compelling, and speaker appears polished and confident.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation interesting, and speaker appears comfortable.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) make the presentation understandable, and speaker appears tentative.	Delivery techniques (posture, gesture, eye contact, and vocal expressiveness) detract from the understandability of the presentation, and speaker appears uncomfortable.
Supporting Material	A variety of types of supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that significantly supports the presentation or establishes the presenter's credibility/	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that generally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make appropriate reference to information or analysis that partially supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.	Insufficient supporting materials (explanations, examples, illustrations, statistics, analogies, quotations from relevant authorities) make reference to information or analysis that minimally supports the presentation or establishes the presenter's credibility/ authority on the topic.

	authority on the topic.			
Central Message	Central message is compelling (precisely stated, appropriately repeated, memorable, and strongly supported.)	Central message is clear and consistent with the supporting material.	Central message is basically understandable but is not often repeated and is not memorable.	Central message can be deduced but is not explicitly stated in the presentation.

Source: Association of American Colleges and Universities

Date revised: October 8, 2022

Ho Chi Minh City, 29 / April / 2024
Vice Dean of School



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC
BA051IU - INTERNATIONAL FINANCIAL MANAGEMENT

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản Trị Tài Chính Quốc Tế
 - + Tiếng Anh: **International Financial Management**
- Mã số môn học: **BA051IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Nguyên lý quản trị tài chính (Fundamentals of Financial Management – BA016IU)
- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Chủ đề này giới thiệu và mở rộng việc ra quyết định tài chính trong bối cảnh quốc tế. Nó sẽ giới thiệu tỷ giá hối đoái vào phương trình, quan sát các tác động và điều tra các yếu tố có thể giải thích các biến động tỷ giá hối đoái. Ngoài ra, nó sẽ xem xét các chiến lược để giảm thiểu tác động của thay đổi tỷ giá hối đoái. Nó cũng sẽ bao gồm một loạt các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa của thị trường vốn, bao gồm đầu tư quốc tế, chi phí đa quốc gia về vốn, cấu trúc vốn và tái cơ cấu.

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

- [1] Madura J. (2012), International Corporate Finance, 11th edition, South-Western, Cengage Learning

...

Tài liệu khác:

The Wall Street Journal, The Economist, Business Week

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

...

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CDR của môn học	TĐNL

(Gx) (1)	(2)	(X.x.x)(3)	(4)
G1: Kiến thức	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Từ vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3: Thái độ	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		...	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CĐR (X.x) (1)	Mô tả CĐR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên cần phải phát triển kỹ năng • Tư vựng tài chính quốc tế • Kỹ năng tài chính (Toán) trong phân tích các chủ đề kinh doanh quốc tế • Hiểu được rủi ro cụ thể đối với môi trường quốc tế	I, T, U
G1.2	- Giao tiếp hiệu quả: Khả năng thu thập, phân tích và tổ chức thông tin và truyền đạt những thông tin đó một cách rõ ràng và trôi chảy, bằng cả dạng viết và nói. - Đối số và phán xét phê phán: Khả năng xác định và tranh luận các vấn đề / vấn đề quan trọng, cũng như để đánh giá thông tin tài chính, đưa ra quyết định và phản ánh phê bình về biện minh cho các quyết định.	I, T, U
G1.3	- Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) - Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CĐR của môn học

(2): Mô tả CĐR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%

	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Tổng quan về quản lý tài chính đa quốc gia	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Cán cân thanh toán	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Thị trường ngoại hối	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Xác định tỷ giá hối đoái và hệ thống quản lý tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng	N/A

	phát và tỷ giá hối đoái		Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
7	Mối quan hệ giữa lãi suất, lạm phát và tỷ giá hối đoái (cont.) Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thi giữa kỳ	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
10	Công cụ để bảo hiểm rủi ro tỷ giá hối đoái: Hợp đồng chuyển tiếp, Hợp đồng tương lai và Tùy chọn (Tiếp)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
11	Tỷ giá hối đoái dự báo	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
12	Đo độ phơi sáng đối với biến động tỷ giá hối đoái	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
13	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối: Quản lý phơi nhiễm giao dịch	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận	N/A

			Học ở nhà: đọc tài liệu trước	
14	Quản lý và tiếp xúc ngoại hối: Quản lý phơi nhiễm kinh tế và dịch phơi nhiễm	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Ôn tập thi cuối kì			

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CDR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1:...	Gx.x ...	Dạy:... Học ở lớp:... Học ở nhà:...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành
(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),
(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)
(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông

hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán /Bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

BA213IU - CORPORATE GOVERNANCE

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:
 - + Tiếng Việt: Quản trị công ty
 - + Tiếng Anh: **Corporate Governance**
- Mã số môn học: **BA213IU**
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản	☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức chuyên ngành	☒ Kiến thức khác
☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung	☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp
- Số tín chỉ:
 - + Lý thuyết: 3
 - + Thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: N/A

2. Mô tả môn học

Quản trị doanh nghiệp đề cập đến quyền sở hữu, kiểm soát và trách nhiệm của các tập đoàn. Nó đã trở thành một vấn đề quan trọng hiện nay với các mối quan tâm như: các công ty đang mang lại lợi ích cho những ai; cơ chế nào được đưa ra để đảm bảo rằng lợi ích của cổ đông được đảm bảo an toàn; cơ sở nào là thích hợp cho việc thiết lập mức lương cho cấp quản lý; và tại sao mặc dù nhiều quy trình thủ tục và hành động quản lý tốt đã được đưa ra áp dụng chính thức, mọi việc vẫn đi sai hướng và dẫn đến sự sụp đổ của công ty trong một số trường hợp và thất bại của sự tự tin trong việc quản lý công ty nói chung?

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

IFC (2010) *Corporate Governance Manual for Vietnam*.

Solomon, J. (2010) *Corporate Governance and Accountability*. 3rd edn. John Wiley & Sons.

Tricker, R. (2009) *Corporate Governance: Principles, Policies and Practices*. Oxford University Press.

Monks and Minow (2011) *Corporate Governance*. 5th edn. John Wiley & Sons.

Tài liệu khác:

1. Accounting, Auditing and Accountability Journal
2. Accounting, Organisations and Society
3. Business and Society Review
4. Corporate Governance: An international Review
5. Critical Perspectives on Accounting
6. European Accounting Review
7. International Journal of Accounting

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông, Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh.	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	

	• Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thư giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.		
G3: Thái độ	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		...	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TDNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	• Để giới thiệu khái niệm và lý thuyết cơ bản về quản trị doanh nghiệp. • Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp và sự phát triển, thực tiễn áp dụng, phương pháp và lý thuyết của quản trị doanh nghiệp. • Để nâng cao kiến thức của sinh viên về sự ảnh hưởng khác nhau của các bên đến công ty, bao gồm cả cổ đông, Hội đồng quản trị, và các nhà quản lý. • Để hiểu được mối quan hệ giữa các bên để việc quản trị tốt hơn.	I, T, U
G1.2	• Áp dụng phong cách viết rõ ràng, ngắn gọn, thuyết phục và chính xác cho mục đích kinh doanh.	I, T, U

	• Hoàn thành một bản lý lịch chính xác, đầy đủ và thu giới thiệu • Tiến hành các cuộc phỏng vấn được chuẩn bị tốt và hoàn thành thư từ việc làm tiếp theo • Chứng minh khả năng trình bày các báo cáo bằng miệng hiệu quả.	
G1.3	1. Tìm hiểu trong các nhóm (các kỹ năng như phân công nhiệm vụ và quản lý, giải quyết xung đột và hợp tác, xây dựng sự đồng thuận và lãnh đạo) 2. Cung cấp các bài thuyết trình kinh doanh chuyên nghiệp (cả bằng miệng và bằng văn bản)	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Quizzes và bài tập nhóm	A1.1 Bài tập nhóm	G1.2, G1.3	30%
	A1.2 Quizzes	G1.1, G1.2	
	...		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thi giữa kỳ	G1.2, G1.3	30%
	...		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối kỳ	G1.2, G1.3	40%
	...		

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR môn học (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
1	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
2	Giới thiệu về Quản trị doanh nghiệp (CG)	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
3	Các lý thuyết và triết lý của CG	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
4	Công khai và minh bạch	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
5	Cổ đông và các bên liên quan	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	A1.2 Quizzes
6	Vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm pháp lý của Ban giám đốc	PLO1 , PLO3 , PLO4	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A

		, PLO6		
7	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
8	Thành phần và cấu trúc của Hội đồng quản trị hiệu quả	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
9	Thi Giữa Kỳ			
10	Giám sát tài chính			
11	Quản trị chiến lược, đánh giá việc truyền tải chiến lược và đánh giá hiệu suất của giám đốc điều hành	PLO1 , PLO3 , PLO4 , PLO6	Dạy: Thuyết giảng Học ở lớp: Thảo luận Học ở nhà: đọc tài liệu trước	N/A
15	Buổi ôn tập			
16	Thi Cuối Kỳ			

8. Quy định của môn học

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đổ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán / bộ môn Tài Chính Ngân Hàng
- Địa chỉ và email liên hệ:

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chon



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA231IU - INTERNSHIP 1

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Thực tập

+ Tiếng Anh: **Internship 1**

- Mã số môn học: **EFA231IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☒ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 0

+ Thực hành: 3

- Môn học tiên quyết: Sau khi hoàn thành 2 năm học đại cương

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là kỳ thực tập bắt buộc trong đó sinh viên phải trải qua một thời gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Thời gian thực tập tối thiểu là 32 ngày làm việc (tương đương khoảng 2 tháng toàn thời gian hoặc 4 tháng bán thời gian) (2 tháng hoặc 4 tháng chỉ là ước lượng tùy vào sinh viên thực tập bao nhiêu ngày trong tuần rồi cộng lại trên 32 ngày làm việc là đạt yêu cầu chứ không nhất thiết phải là 2 tháng hay tháng).

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Tài liệu khác:**Phần mềm:**

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)
G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		...	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x) (1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U) (3)
G1.1	Có cơ hội kiểm chứng sự ưa thích của mình trong một lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể trước khi cam kết theo đuổi lâu dài	I, T, U
...		
G1.2	Có cơ hội phát triển những thái độ thích hợp để xây dựng những mối quan hệ giữa các cá nhân trong tổ chức	I, T, U
...		
G1.3	Tăng cường ý thức trách nhiệm	I, T, U
...		
G1.4	Xác định được thái độ học tập và phương pháp học tập phù hợp để tích lũy kiến thức cần	I, T, U

	thiết cho nghề nghiệp tương lai.	

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
A1. Nội dung báo cáo thực tập	a. Giới thiệu nội dung	G1.2, G1.3	5%
	b. Tổng quan về công ty	G1.1, G1.2	15%
	c. Miêu tả lại các công việc được giao trong kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%
	d. Các kỹ năng tích lũy được từ kỳ thực tập	G1.1, G1.2	35%
	e. Kết luận	G1.1, G1.2	5%
	f. Đánh giá của công ty về quá trình thực tập	G1.2, G1.3	5%

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CDR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CDR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

1. CÁC ĐỢT THỰC TẬP

- a. **Đợt 1:** Học kỳ hè
- b. **Đợt 2:** Học kỳ I
- c. **Đợt 3:** Học kỳ II

Sinh viên có thể chọn 1 trong 3 kỳ thực tập trên và đáp ứng đúng các yêu cầu thực tập

2. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 1 (Học kỳ hè)

a. Thời gian thực tập:

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm từ 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập:

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc.
- ii. Được học tối đa 1 môn trong học kỳ hè nếu đi thực tập
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Lưu ý tuyệt đối không được sao chép và vi phạm các vấn đề đạo văn.
- vii. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

Khoa KTTC&KT sẽ hỗ trợ sinh viên tìm công ty thực tập, tuy nhiên Khoa cũng khuyến khích sinh viên tự liên hệ công ty thực tập. Bên cạnh đó sinh viên phải tuân thủ các thời hạn sau:

- i. **Từ 26-03 đến 06-04:** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. **Từ ngày 26-03 đến 15-06:** Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. **Từ ngày 18-06 đến 24-08:** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)

Từ ngày 18-06 đến 12-10: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)

- iv. **Ngày 13-07:** Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. **Ngày 07-09:** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
- Ngày 19-10:** Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

3. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 2 (Học kỳ I)

a. Thời gian thực tập

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)
- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ I năm học 2018-2019
 - Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
 - Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

- i. **Từ 10-09 đến 28-09:** Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. **Từ ngày 10-09 đến 28-09:** Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. **Từ ngày 17-09 đến 16-11:** Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)
Từ ngày 17-09 đến 04-01: Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)
- iv. **Ngày 05-10:** Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. **Ngày 30-11:** Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
Ngày 11-01: Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

4. ĐỐI VỚI SINH VIÊN ĐĂNG KÍ THỰC TẬP VÀO ĐỢT 3 (Học kỳ II)

a. Thời gian thực tập

- i. 2 tháng nếu làm toàn thời gian, toàn thời gian được tính khi làm 4 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

- ii. 4 tháng nếu làm bán thời gian, bán thời gian được tính khi làm 2 ngày/tuần (tổng cộng 32 ngày làm việc)

b. Yêu cầu thực tập

- i. Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- ii. Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
 - Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
 - Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- iii. Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- iv. Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.
- v. Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- vi. Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

c. Các mốc thời gian quan trọng:

- i. *Từ 11-02 đến 22-02:* Các sinh viên sẽ đăng ký với khoa về thông tin cá nhân (online form)
- ii. *Từ ngày 07-01 đến 25-01:* Sinh viên sẽ liên hệ với khoa để xin giấy giới thiệu của trường.
- iii. *Từ ngày 11-02 đến 12-04:* Sinh viên đến thực tập tại các công ty (toàn thời gian)
- Từ ngày 11-02 đến 31-05:* Sinh viên đến thực tập tại các công ty (bán thời gian)
- iv. *Ngày 01-03:* Hạn chót cho sinh viên nộp Giấy chứng nhận thực tập (có xác nhận của công ty)
- v. *Ngày 06-04:* Hạn chót cho sinh viên làm việc toàn thời gian nộp báo cáo thực tập
- Ngày 07-06:* Hạn chót cho sinh viên làm việc bán thời gian nộp báo cáo thực tập

8. Quy định của môn học

- Đảm bảo đủ thời gian thực tập: tối thiểu là 32 ngày làm việc
- Số môn được học tối đa trong học kỳ II năm học 2018-2019
- Đối với thực tập toàn thời gian: 2 môn
- Đối với thực tập bán thời gian: 4 môn (liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để được tư vấn thêm)
- Đáp ứng các yêu cầu, quy định của của công ty thực tập dành cho thực tập sinh
- Khoa KTTC&KT sẽ cử thầy cô trong khoa theo dõi tiến độ thực tập. Và sinh viên có trách nhiệm liên hệ, báo cáo tiến độ thực tập và được hỗ trợ từ thầy cô hướng dẫn thực tập của mình.

- Nộp báo cáo thực tập đáp ứng đúng nội dung và cách trình bày như được hướng dẫn
- Sinh viên sẽ được chấm điểm và lấy được 3 tín chỉ cho kỳ thực tập nếu đáp ứng đúng các yêu cầu trên

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các

trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán

- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơn



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HCMC
INTERNATIONAL UNIVERSITY
 School of Economics, Finance, and Accounting

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

EFA232IU - THESIS

1. Thông tin tổng quát

- Tên môn học:

+ Tiếng Việt: Luận văn tốt nghiệp

+ Tiếng Anh: **Thesis**

- Mã số môn học: **EFA232IU**

- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:

☐ Kiến thức cơ bản

☐ Kiến thức cơ sở ngành

☐ Kiến thức chuyên ngành

☒ Kiến thức khác

☐ Môn học chuyên về kỹ năng chung

☐ Môn học đồ án/luận văn tốt nghiệp

- Số tín chỉ:

+ Lý thuyết: 12

+ Thực hành: 0

- Môn học tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (BA161IU), Thực tập định hướng 1 (BA153IU)

- Môn học song hành: Không

2. Mô tả môn học

Đây là nghiên cứu tốt nghiệp, trong đó sinh viên thực hiện một nghiên cứu với sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian 1 học kỳ. Sinh viên sẽ tự chọn chủ đề, xây dựng đề cương và tiến hành nghiên cứu, lập báo cáo và sau đó trình bày trước hội đồng

3. Tài liệu học tập

(Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

Tài liệu khác:

Phần mềm:

[..] Tên hàng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*

4. Mục tiêu môn học

(Các mục tiêu tổng quát của môn học, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho môn học)

Mục tiêu (Gx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CDR của môn học (X.x.x)(3)	TĐNL (4)

G1: Kiến thức		PLO1, PLO3	5%
		...	
G2: Kỹ năng		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6	5%
		...	
G3: Thái độ		PLO1, PLO3, PLO4, PLO6, PLO9	3%
		...	

(1): Ký hiệu mục tiêu của môn học. (2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các hoạt động từ chủ động, các chủ đề CĐT (X.x.x) và bối cảnh áp dụng tổng quát

(3), (4): Ký hiệu CDR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho môn học

5. Chuẩn đầu ra môn học

(Các mục cụ thể hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U)

CDR (X.x)(1)	Mô tả CDR (2)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)(3)
G1.1	Nắm vững về phương pháp thực hiện một nghiên cứu, từ việc hình thành ý tưởng, xây dựng đề cương, tiến hành nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu	I, T, U
G1.2	Có khả năng viết một báo cáo khoa học với các lập luận và văn phong hàn lâm	I, T, U
G1.3	Có khả năng tổng hợp các lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu	I, T, U
G 1.4	Có khả năng ứng dụng lý thuyết để phân tích và tìm lời giải cho một vấn đề thực tế	I, T, U
G 1.5	Có khả năng tự học, lập kế hoạch và quản lý dự án nghiên cứu của chính mình	I, T, U

(1): Ký hiệu CDR của môn học

(2): Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR ở cấp độ 4 (X.x.x.x) và bối cảnh áp dụng cụ thể.

(3): I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng

6. Đánh giá môn học

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của môn học)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (G.x.x)(3)	Tỷ lệ % (4)
Luận văn	Bảo vệ thành công trước hội đồng chấm	G1.2, G1.3	100%
		G1.1, G1.2	

(1): các thành phần đánh giá của môn học. (2): các bài đánh giá

(3): các CĐR được đánh giá. (4): tiêu chí đánh giá. (5): chuẩn đánh giá

(6): Tỷ lệ điểm của các bài đánh giá trong tổng điểm môn học

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CĐR của môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của các môn học)

Lý thuyết

N/A

(1): Thông tin về tuần/buổi học. (2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của môn học (ghi ký hiệu Gx.x),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Quy định của môn học

(Các quy định của môn học (nếu có), thí dụ: sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...)

8.1. Khối lượng môn học

Dự kiến các sinh viên sẽ dành ít nhất tám giờ mỗi tuần để học khóa học này. Thời gian này nên được tạo thành từ đọc, nghiên cứu, làm việc trên các bài tập và các vấn đề, và tham dự các lớp học. Trong thời gian mà họ cần phải hoàn thành bài tập hoặc chuẩn bị cho kỳ thi, khối lượng công việc có thể lớn hơn.

Cam kết quá mức đã là nguyên nhân gây ra thất bại cho nhiều sinh viên. Họ nên tính toán khối lượng công việc cần thiết khi lập kế hoạch làm thế nào để cân bằng việc học với công việc bán thời gian và các hoạt động khác.

8.2. Sự tham dự

Thường xuyên và đúng giờ tham dự tại các bài giảng dự kiến trong khóa học này. Các quy định của trường đại học cho thấy rằng nếu sinh viên tham dự ít hơn tám mươi phần trăm các lớp

học theo lịch trình, họ có thể không được xem xét để đánh giá lần cuối. Miễn giảm chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở có vấn đề về sức khỏe. Nó có nghĩa là nếu bạn bỏ lỡ nhiều hơn hai lớp, bạn có thể thất bại trong lớp.

8.3. Hành vi và ứng xử chung

Tiếng bíp, điện thoại di động và máy nhắn tin cần phải được tắt trước khi vào lớp học. Các sinh viên được mong đợi sẽ tự thực hiện việc xem xét và tôn trọng nhu cầu của các sinh viên và giáo viên. Thực hiện việc phá vỡ hoặc can thiệp quá mức với một lớp học, chẳng hạn như đồ chuông hoặc nói chuyện trên điện thoại di động, không được chấp nhận và học sinh sẽ được yêu cầu rời khỏi lớp học. Thông tin thêm về hành vi của sinh viên có sẵn tại trang web của trường đại học.

8.4. Giữ thông tin

Các sinh viên nên lưu ý tất cả các thông báo được cập nhật trong các bài giảng hoặc trên bảng đen của khóa học. Theo thời gian, trường sẽ gửi thông báo quan trọng đến địa chỉ email của trường đại học mà không cung cấp bản sao giấy. Học sinh sẽ được coi là đã nhận được thông tin này

8.5. Sự trung thực và đạo văn trong học tập

Đạo văn là sự trình bày của những suy nghĩ hoặc công việc của người khác như của riêng mình (định nghĩa được đề xuất bởi Đại học Newcastle). Học sinh cũng được nhắc nhở rằng quản lý thời gian cẩn thận là một phần quan trọng của nghiên cứu và một trong những nguyên nhân được xác định của đạo văn là quản lý thời gian kém. Học sinh nên cho phép đủ thời gian để nghiên cứu, soạn thảo và tham khảo đúng đắn các nguồn trong việc chuẩn bị tất cả các mục đánh giá. Các trường đại học liên quan đến đạo văn như một hình thức hành vi sai trái học tập, và có quy định rất nghiêm ngặt về đạo văn.

9. Phụ trách môn học

- Khoa/bộ môn: Khoa Kinh tế, Tài chính, và Kế toán
- Địa chỉ và email liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2024

KT. TRƯỞNG KHOA KTTC&KT
PHÓ TRƯỞNG KHOA KTTC&KT

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Văn Chơ